

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số 173/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 7 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)*

Tên ngành, nghề:	ĐIỀU DƯỠNG
Mã ngành, nghề:	6720301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Liên thông Vừa làm vừa học (phương thức tích lũy lũy tín chỉ)
Đối tượng tuyển sinh:	Học viên tốt nghiệp Điều dưỡng trung cấp
Thời gian đào tạo:	02 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;

- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;

- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;

- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;

- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;

- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;

- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;

- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Thân trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

1.3. Chuẩn đầu ra (CĐR) và trình độ năng lực yêu cầu của chương trình đào tạo

Khung trình độ quốc gia Việt Nam 8 bậc như sau:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	TĐNL (1-8)
Lĩnh vực hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp		
1	CDR 1 Tuân thủ các quy định của Pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, hiệu quả và phù hợp với văn hóa trong bối cảnh hội nhập và số hóa	
1.1	Hành nghề theo quy định của pháp luật	5
1.2	Hành nghề theo đạo đức nghề nghiệp	5
Lĩnh vực thực hành chăm sóc chuyên nghiệp		
2	CDR 2 Vận dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng	
2.1	Ứng dụng sự hiểu biết về kiến thức khoa học cơ bản	5
2.2	Ứng dụng sự hiểu biết về y học cơ sở	5
2.3	Ứng dụng sự hiểu biết về bệnh học, khoa học điều dưỡng trong thực hành	5
3	CDR 3 Xác định nhu cầu chăm sóc, các vấn đề ưu tiên, ra quyết định chăm sóc phù hợp, áp dụng đúng quy trình điều dưỡng và tiến hành các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình để đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả cho người bệnh	
3.1	Xác định nhu cầu chăm sóc, các vấn đề ưu tiên	5
3.2	Ra quyết định chăm sóc phù hợp	5
3.3	Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế, chăm sóc tại nhà và chăm sóc sức khỏe cộng đồng phù hợp, hiệu quả.	5
3.4	Đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
3.5	Tiến hành các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình để đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả cho người bệnh	5

4	CĐR 4 Nhận định kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả, thực hiện dùng thuốc cho người bệnh an toàn, hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng	
4.1	Nhận định kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng	5
4.2	Thực hiện thuốc cho người bệnh an toàn, hiệu quả	5
4.3	Đảm bảo chăm sóc liên tục	5
4.4	Xử trí kịp thời trong tình huống cấp cứu	5
5	CĐR 5 Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp và thực hiện giao tiếp phù hợp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng, thực hiện giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả.	
5.1	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp và thực hiện giao tiếp phù hợp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng	5
5.2	Giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả.	5
Lĩnh vực Quản lý và phát triển nghề nghiệp		
6	CĐR 6 Ứng dụng nguyên tắc quản lý và lãnh đạo trong thực hành chăm sóc cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, môi trường chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
6.1	Ứng dụng nguyên tắc quản lý và lãnh đạo trong thực hành chăm sóc cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
6.2	Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
6.3	Hợp tác liên ngành và điều phối các hoạt động chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
6.4	Quản lý môi trường chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	5

Lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng		
7	CDR 7 Đào tạo, hướng dẫn cho người học và đồng nghiệp về kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực chăm sóc	
7.1	Sử dụng được một số phương pháp dạy - học trong đào tạo người học và đồng nghiệp.	5
7.2	Tham gia hướng dẫn thực hành cho người học.	5
8.	CDR 8 Tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học/sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh, áp dụng các bằng chứng khoa học cập nhật trong thực hành chăm sóc và cải tiến chất lượng	
8.1	Tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học/sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh	5
8.2	Áp dụng các bằng chứng khoa học cập nhật trong thực hành chăm sóc và cải tiến chất lượng.	5
Lĩnh vực phát triển cá nhân và nghề nghiệp		
9	CDR 9 Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân trong suốt quá trình thực hành nghề nghiệp	
9.1.	Tự đánh giá và chủ động tiếp thu các nguồn thông tin phản hồi về công việc của bản thân để xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập chuyên môn phù hợp với yêu cầu thực tế công việc	5
9.2	Chủ động xây dựng kế hoạch và tham gia các hoạt động học tập liên tục để cập nhật và ứng dụng kiến thức, kỹ năng nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc.	5
10	CDR 10 Có khả năng phát triển nghề nghiệp, sử dụng được tiếng Anh và/hoặc ngôn ngữ khác trong giao tiếp, sử dụng được công nghệ thông tin trong các hoạt động hành chính chuyên môn, thực hành nghề nghiệp để xây dựng hình ảnh của người điều dưỡng, góp phần nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng	
10.1	Sử dụng được tiếng Anh và/hoặc ngôn ngữ khác trong giao tiếp hàng ngày với người bệnh và phát triển nghề nghiệp.	2/6

10.2	Sử dụng được công nghệ thông tin trong các hoạt động hành chính chuyên môn, thực hành nghề nghiệp, phát triển cá nhân và nâng cao chất lượng chăm sóc.	6
10.3	Tham gia vào các hoạt động xây dựng hình ảnh của người điều dưỡng góp phần nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng, ngành điều dưỡng trong nước và quốc tế.	6

1.4. Định hướng vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi học xong chương trình cao đẳng ngành Điều dưỡng, người học có thể làm tại các cơ sở cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập, các cơ sở khám bệnh tư nhân, các trung tâm cấp cứu cộng đồng, trung tâm y tế dự phòng, các viện dưỡng lão, trạm y tế, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Điều dưỡng phòng khám
- Điều dưỡng chăm sóc
- Điều dưỡng cộng đồng

1.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ

- Chủ động học hỏi và nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Không ngừng học tập nâng cao trình độ kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành chăm sóc.

- Có thể học lên các bậc học đại học và sau đại học ngành điều dưỡng.

2. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 26
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 54 tín chỉ; 1440 giờ
- Khối lượng các môn học chung và đại cương: 360 giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở ngành: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 645 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 372 giờ; Thực hành, thực tập: 1005 giờ
- Thi, kiểm tra: 63 giờ

3. Nội dung chương trình

3.1. Môn học

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung, đại cương	15	360	119	224	17
MH01	Giáo dục Chính trị	2	45	26	16	3
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Tiếng anh	1	30	13	15	2
MH04	Tin học	1	30	0	29	1
MH05	Giáo dục quốc phòng - an ninh	1	30	13	15	2
MH06	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
MH07	Xác suất, Thống kê y học	2	45	14	30	1
MH08	Sinh học và Di truyền	2	45	14	30	1
MH09	Hóa học	2	45	15	27	3
MH10	Vật lý đại cương - Lý sinh	2	45	14	30	1
II.	Môn học cơ sở ngành	18	435	127	278	30
MH11	Giải phẫu- Sinh lý	2	45	14	29	2
MH12	Hoá sinh	2	45	14	27	4
MH13	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH14	Sinh lý bệnh	2	45	14	27	4
MH15	Điều dưỡng cơ sở- Kiểm soát nhiễm khuẩn	4	120	29	87	4
MH16	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	2	45	14	27	4
MH17	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	2	45	14	27	4

MH18	Y đức và Tổ chức Y tế	2	45	14	27	4
III.	Các môn học chuyên môn	21	645	126	503	16
MH19	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	2	60	14	44	2
MH20	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	2	60	14	44	2
MH21	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	60	14	44	2
MH22	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	60	14	44	2
MH23	Quản lý điều dưỡng	2	30	14	14	2
MH27	Nghiên cứu khoa học	2	30	14	14	2
MH24	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	60	14	44	2
MH25	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	2	60	14	44	2
MH26	Thực tế ngành	5	225	0	225	0
	Tổng	54	1440	372	1005	63

3.2. Phân bố theo kỳ

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH01	Giáo dục Chính trị	2	45	26	16	3
MH04	Tin học	1	30	0	29	1
MH05	Giáo dục quốc phòng - an ninh	1	30	13	15	2
MH07	Xác suất, Thống kê y học	2	45	14	30	1
MH08	Sinh học và Di truyền	2	45	14	30	1
MH09	Hóa học	2	45	15	27	3
MH10	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	45	14	30	1
	Tổng	12	285	96	177	12

Học kì II

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH06	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
MH11	Giải phẫu - Sinh lý	2	45	14	29	2
MH13	Vì sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH12	Hoá sinh	2	45	14	27	4
MH14	Sinh lý bệnh	2	45	14	27	4
MH15	Điều dưỡng cơ sở - Kiểm soát nhiễm khuẩn	4	120	29	87	4
	Tổng	14	345	95	229	21

Học kì III

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH16	Sức khoẻ - Nâng cao sức khoẻ & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	2	45	14	27	4
MH17	Sức khoẻ - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	2	45	14	27	4
MH18	Y đức và Tổ chức Y tế	2	45	14	27	4
MH19	Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa	2	60	14	44	2
MH20	Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Ngoại khoa	2	60	14	44	2
MH21	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em	2	60	14	44	2
	Tổng	12	315	84	213	18

Học kì IV

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH03	Tiếng anh	1	30	13	15	2
MH22	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	60	14	44	2
MH23	Quản lý điều dưỡng	2	30	14	14	2
MH27	Nghiên cứu khoa học	2	30	14	14	2
MH24	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	60	14	44	2
MH25	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	2	60	14	44	2
MH26	Thực tế ngành cuối khóa	5	225	0	225	0
	Tổng	16	495	83	400	12

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc

Do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

06 môn chung thực hiện theo chương trình khung của Bộ LĐTBXH theo các thông tư: Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Pháp luật, Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Giáo dục chính trị, Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Tiếng Anh,, Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Tin học, Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH chương trình môn học Giáo dục thể chất, Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH về môn học Giáo dục quốc phòng

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ cao đẳng.

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian học tập và các hoạt động ngoại khóa

Khóa đào tạo được thực hiện trong 2 năm, mỗi năm có 2 học kỳ. Học vào thứ 7 và chủ nhật hàng tuần. Học kỳ 4 có 5 tuần thực tập tốt nghiệp. Ngoài ra sinh viên được nghỉ tết 2 tuần, nghỉ các ngày lễ theo quy định của Nhà nước.

4.2. Hướng dẫn thi, kiểm tra các môn học

Mỗi môn học được đánh giá bằng 3 loại điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn học (các điểm này được quy định chi tiết trong từng đề cương môn học)

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Do giảng viên chủ động về hình thức và chủ đề, qua việc đánh giá thường xuyên khi lên lớp. Trung bình cộng các điểm này (làm tròn đến phần nguyên) là điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm kiểm tra định kỳ: Mỗi môn học có ít nhất 1 điểm kiểm tra định kỳ, hình thức và thời gian do giáo viên giảng dạy quyết định, thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên.

- Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ chiếm 40% trọng số điểm của môn học.

- Điểm thi kết thúc môn học: Kết thúc học kỳ, Nhà trường tổ chức thi hết các môn trong học kỳ đó, kỳ thi hết môn được Hội đồng triển khai trên cơ sở bộ công cụ đánh giá do bộ môn xây dựng. Việc coi thi, chấm thi và công bố điểm thi theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Điểm thi hết môn làm tròn đến phần nguyên và có trọng số 60% điểm môn học.

- Điểm môn học = $40\% * (\Sigma \text{Điểm kiểm tra thường xuyên} + 2 * \Sigma \text{Điểm kiểm tra định kỳ}) + 60\% * \text{Điểm thi hết môn}$. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học còn được quy đổi thành các điểm A, B, C, D, E tương ứng.

5.3. Hướng dẫn đánh giá tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

5.3.1. Kết thúc khóa học, hoặc khi người học tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình, Hiệu trưởng thành lập hội đồng xét tốt nghiệp cho người học.

5.3.2. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2.0 trở lên;
- c) Có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.
- d) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- đ) Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo các quy định của Nhà trường

e) Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.

5.3.3. Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

5.3.4. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học thì được xét công nhận tốt nghiệp.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp. Nhà trường sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho người học.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Chiến Thắng

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT MÔN HỌC

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã số môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ, trong đó Lý thuyết: 26 giờ; Thảo luận: 16 giờ; Kiểm tra: 03 giờ.

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo được liên thông trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	9	7	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	8	6	2	
4	Bài 3: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
5	Kiểm tra	2			2
6	Bài 4: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
7	Bài 5: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
8	Bài 6: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
9	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	45	26	16	03

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài mở đầu; 1 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học.

2.2. Mục tiêu của môn học.

2.3. Nội dung chính.

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

Bài 1: Khái quát về Chủ nghĩa Mác - Lênin; 9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

1.2. Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: Khái quát về Tư tưởng Hồ Chí Minh; 8 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

1.2. Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: Đặc trưng và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

1.2. Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 4: Tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay; 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;

1.2. Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 5: Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 7 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1.2. Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 6: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

1.2. Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lí thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình và các tài liệu phát tay cho sinh viên.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra 30 phút.

- **Kiểm tra định kỳ:** 02 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

- Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Dược liên thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, bài tập, tài liệu...);

- Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng

xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nội dung cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin;

- Nội dung cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020), Giáo trình Giáo dục chính trị.

2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

4. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

6. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

7. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

8. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

9. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

10. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

11. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã số môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (Lý thuyết: 9 giờ; Thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo được liên thông trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản về: Pháp luật dân sự; Pháp luật hành chính và Pháp luật hình sự.

2. Về kỹ năng

Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, hành chính, hình sự vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên Chương/Bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra

1	Bài 1: Pháp luật dân sự	5	3	2	
2	Bài 2: Pháp luật hành chính	4	3	1	
3	Bài 3: Pháp luật hình sự	5	3	2	
4	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	9	5	1

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1. Pháp luật dân sự;

5 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- 1.2. Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự
2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự
3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự
 - 3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
 - 3.2. Hợp đồng

Bài 2. Pháp luật hành chính;

4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- 1.1. Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
 - 2.1. Vi phạm hành chính
 - 2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 3. Pháp luật hình sự;

5 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- 1.2. Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
- 2.1. Tội phạm
- 2.2. Hình phạt

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn.
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình và tài liệu phát tay cho sinh viên.
4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 30 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

- Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng Liên thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, bài tập, tài liệu...);

- Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng

xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nội dung cơ bản của Luật dân sự;
- Nội dung cơ bản của Luật hành chính;
- Nội dung cơ bản của Luật hình sự.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020), Giáo trình Giáo dục Pháp luật.
2. Bộ Luật dân sự, 2015.
3. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
4. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
5. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTĐ ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
7. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
8. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
9. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
10. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
11. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.
12. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIẾNG ANH

Mã số môn học: MH 03

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

1.1. Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai.

1.2. Phân loại danh từ, đại từ và tính từ.

1.3. Phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các

chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

2.2. Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

2.3. Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2.4. Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp.

3.2. Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1.

và phân bố thời gian

Nội dung tổng quát

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	7	3	4	
2	Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	7	3	4	
3	Công nghệ (Technology)	7	3	4	
4	Mua sắm (Shopping)	7	4	3	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & Test)	2			2
	Tổng cộng	30	13	15	2

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans); 7 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống

1.3. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt

1.4. Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi

1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Lễ hội

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc Will và going to

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 2. Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality); 7 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người

1.3. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học

1.4. Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi

1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative)

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 3. Công nghệ (Technology);

7 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình

1.3. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ

1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số

1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành

2.2.2. Cấu trúc How long...?

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 4. Mua sắm (Shopping);

7 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm

1.3. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm

1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm

1.5. Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành

2.2.2. Thì quá khứ đơn

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My shopping day

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

Bài 5. Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & Test);

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Hệ thống được cấu trúc đã học

1.2. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến các chủ đề đã học

1.3. Làm được các dạng bài tập nghe

1.4. Viết được các đoạn văn ngắn

2. Nội dung:

2.1. Ôn tập

2.2. Bài kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết:

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị dạy học: Máy chiếu, hệ thống âm thanh, máy tính, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần thực hiện làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.
- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

- Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

2.1. Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

2.2. Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

3.1. Đối với giảng viên

Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm

tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

3.2. Đối với người học

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)
- Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.
- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Raymond Murphy (2019), *Grammar In Use*, Cambridge University Press.

6. Liz and John Soars (2015), *New Headway Fourth Edition*, Oxford University Press.

7. Tim Falla and Paul A. Davies, *Solutions Elementary* (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học: MH04

Thời gian thực hiện: 30 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Tin học là môn học chung bắt buộc, được phân bố trí học ở kỳ 1 năm nhất trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng liên thông.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được các kiến thức cơ bản theo Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể :

1. Về kiến thức

Trình bày được các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, sử dụng máy tính cơ bản, xử lý văn bản cơ bản; sử dụng bảng tính cơ bản, sử dụng trình chiếu cơ bản và sử dụng Internet cơ bản.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính và phân loại được các phần mềm cơ bản;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng được một số thiết bị ngoại vi của máy tính;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và ứng dụng được các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin...;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	1		1	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	2		2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	2		2	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	20		20	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	3		3	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	1		1	
7	Kiểm tra	1		1	1
	Tổng cộng	30		29	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản

1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

1.2. Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung chi tiết

Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản

1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

1.2. Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Mạng cơ bản

2.1.1. Những khái niệm cơ bản

2.1.2. Internet, Intranet, Extranet

2.1.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.1.4. Truyền dữ liệu trên mạng

2.1.5. Tốc độ truyền

2.1.6. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

2.2. Phương tiện truyền thông

2.2.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.2.2. Băng thông

2.2.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.1.4. Download, Upload

2.3. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.3.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.3.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.4. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.4.1. An toàn lao động

2.4.2. Bảo vệ môi trường

2.5. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.5.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.5.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.6. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.6.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.6.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

1.2. Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Sử dụng Control Panel

2.1.1. Khởi động Control Panel

2.1.2. Region and Language

2.1.3. Devices and Printers

2.2. Programs and Features

2.2. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.3. Đa phương tiện

Chương III. Xử lý văn bản cơ bản

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

1.2. Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

- 2.1. Sử dụng Microsoft Word
 - 2.1.1. Tham chiếu (Reference)
 - 2.1.2. Hoàn tất văn bản
 - 2.1.3. Căn lề toàn bộ văn bản
 - 2.1.4. Thêm, bỏ ngắt trang
- 2.2. Phân phối văn bản
- 2.3. Soạn thông báo, thư mời
- 2.4. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản

20 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- 1.2. Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

- 2.1. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột
- 2.2. Biểu thức và hàm
 - 2.2.1. Các hàm cơ bản (INT, MOD, RANK)
 - 2.2.2. Các hàm logic (AND, OR)
 - 2.2.3. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)
 - 2.2.4. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)
- 2.3. Biểu đồ
 - 2.3.1. Tạo biểu đồ
 - 2.3.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản

3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- 1.2. Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

- 2.1. Chèn Audio, Video

Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản

1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

1.2. Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.

1.3. Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Thao tác duyệt web cơ bản

2.2.2. Thiết đặt (setting)

2.2.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác

2.2.4. Đánh dấu

2.3. Sử dụng Web

2.3.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.3.3. Lưu nội dung

2.3.4. In

2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.4. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.4.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.4.2. Cộng đồng trực tuyến

2.4.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy).
Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa, máy hút ẩm.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

- Có 01 máy chiếu

- Có máy hút ẩm để đảm bảo cho máy tính

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi.

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực Tin học trong quá trình thực hành.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết, thực hành trên máy tính

- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến, trắc nghiệm và thực hành trên máy tính

- + Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan (50%), Thực hành kỹ năng trên máy tính(50%).

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan, mẫu đề thực hành kỹ năng.

+ Thời gian: 40 phút trắc nghiệm, 60 phút Thực hành kỹ năng.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học phần lý thuyết + phần thực hành	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập kỹ năng...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, bài tập, tài liệu...)

- Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng

xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Sử dụng máy tính cơ bản;
- Xử lý văn bản cơ bản.

4. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Nguyễn Thành Công và Nguyễn Thị Cẩm Thơ (2020), Giáo trình tin học căn bản dành cho đối tượng Cao đẳng (Sách dùng nội bộ).
2. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
3. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
4. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
6. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
7. Đỗ Quang Vinh (chủ biên) (2010), Tin học đại cương, xuất bản lần 3, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Quách Tuấn Ngọc (2001), Giáo trình Tin học căn bản, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Tiến, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Văn Tâm (2000), Thực hành và ứng dụng Microsoft Office 2000, Nxb Giáo dục, TP Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Lê Minh Đức Hùng, Lê Thanh Dũng, Nguyễn Sỹ Dũng (2000), Tin học văn phòng, Nxb Đồng Nai, Đồng Nai.
11. Brookshear J.G. (1997), Computer Science: An Overview, 5th, Benjamin/Cummings, New York.
12. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
13. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

14. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiên, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
15. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiên, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
16. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
17. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

Mã môn học: MH 05

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

1.3. Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

1.4. Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

1.5. Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

2. Về kỹ năng

2.1. Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

2.2. Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

2.3. Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

2.4. Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

2.5. Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

3.2. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

3.3. Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

3.4. Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
2	Bài 2: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
4	Bài 4: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
5	Kiểm tra	1			1
6	Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	8	1	7	
7	Kiểm tra	1			1
	CỘNG	30	13	15	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đường lối quan điểm của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước việt nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; 5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

1.2. Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 2: Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; 5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

1.2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 3: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; 5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

1.2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 4: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

1.2. Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

8 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;

1.2. Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

1.3. Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1

2.3. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, tranh ảnh, Videos, bài giảng Power Point

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng thực hiện động tác.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 02 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- Thi kết thúc môn học: 1 điểm

- + Hình thức: Thi thực hành
- + Công cụ: Thực hiện nội dung đã được học và tập luyện
- + Thời gian: 45 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

- Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ liên thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào bài thực hành ngắm bắn

4. Tài liệu dạy học và tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.

5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

6. Luật an ninh quốc gia, 2004.

7. Bộ luật hình sự, 2015.

8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.

9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.

12. Luật biển Việt Nam, 2012.

13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.

14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.

15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.

16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.

17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã số môn học: MH 06

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 01 giờ; Thực hành: 27 giờ;
Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)
----	-------------	-----------------

		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	7	0	6	
2	Bài 2: Nhảy xa	6	0	6	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1
II	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN				
4	Môn cầu lông	16		15	1
	Tổng cộng	30	1	27	2

Bài 1: Thể dục cơ bản 7 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản

1.2. Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Nhảy xa; 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật nhảy xa

1.2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1.1. Khởi động chung: Xoay các khớp, ép ngang, ép dọc

2.1.2. Khởi động chuyên môn: chạy bước nhỏ, nâng cao đầu gối, chạy đạp sau

2.1.2. Chạy tự do giậm nhảy để xác định chân giậm nhảy

2.1.3. Thực hành động tác kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi; chuẩn bị chạy đà, giậm nhảy, động tác trên không và rơi xuống đất.

Bài 3: Cầu lông; 16 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;

1.2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2. Kỹ thuật phát cầu thuận và trái tay

2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng thực hiện động tác.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

- + Hình thức: Kiểm tra thực hành
- + Công cụ: Thực hiện nội dung đã được học và tập luyện
- + Thời gian: 15 phút.

- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra thực hành
- + Công cụ: Thực hiện nội dung đã được học và tập luyện
- + Thời gian: 30 - 45 phút.

- Thi kết thúc môn học: 1 điểm thi

- + Hình thức: Thi thực hành
- + Công cụ: Thực hiện nội dung đã được học và tập luyện
- + Thời gian: 45 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học có điểm từ 5.0 theo thang điểm 10 (đào tạo theo niên chế) được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thực hành:** Phân chia nhóm tập luyện theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học, ôn luyện các nội dung đã được học. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự đầy đủ tất cả các buổi học thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào kĩ năng thực hiện các kĩ thuật Cầu lông.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

2. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

5. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC

Mã môn học: MH 07

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ, trong đó Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Xác suất thống kê Y học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Môn học Xác suất thống kê y học là môn học cơ bản bắt buộc.

Nội dung môn học không những cung cấp các kiến thức cơ bản về xác suất thống kê mà còn đưa ra một số ví dụ ứng dụng gần gũi và thiết thực về xác suất thống kê trong nhóm ngành sức khỏe.

II. Mục tiêu của môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được các khái niệm: Phép thử, biến cố và xác suất và các tính chất cơ bản của xác suất.

1.2. Trình bày được các khái niệm: Đại lượng ngẫu nhiên, hàm phân phối và các tham số đặc trưng của Đại lượng ngẫu nhiên.

1.3. Trình bày được các khái niệm: Thông kê, các đặc trưng của một mẫu, lý thuyết ước lượng – Tính cỡ mẫu và kiểm định giả thiết thống kê.

2. Về kỹ năng

2.1. Giải được các bài toán của các phần tương ứng.

2.2. Vận dụng Xác suất thống kê vào việc giải quyết các bài toán thường gặp trong Y học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Tham gia học lý thuyết và làm các bài tập về nhà đầy đủ.

3.2. Có ý thức, thái độ đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề trong thực tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra
	Bài mở đầu: Giải tích tổ hợp	01	01		
1	Chương 1: Lý thuyết xác suất	14	04	10	
1.1.	Phép thử và biến cố	0,5	0,5		
1.2.	Khái niệm xác suất	03	01	02	
1.3.	Các phép toán về xác suất	3,5	0,5	03	
1.4.	Định lý Xác suất đầy đủ - Định lý Bayest	04	01	03	
1.5.	Phép thử Bernoulli	03	01	02	
2	Chương 2: Biến ngẫu nhiên	09	03	06	
2.1.	Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối	03	01	02	
2.2.	Các tham số đặc trưng của Biến ngẫu nhiên	03	01	02	
2.3.	Một số quy luật xác suất	03	01	02	
3	Chương 3: Lý thuyết mẫu	05	02	03	
3.1.	Sơ lược về lý thuyết mẫu	02	01	01	
3.2.	Các giá trị đặc trưng của mẫu	03	01	02	
4	Chương 4: Lý thuyết ước lượng - Tính cỡ mẫu	05	02	03	
4.1.	Lý thuyết ước lượng	02	01	01	
4.2.	Cách xác định kích thước mẫu	03	01	02	
5	Chương 5: Kiểm định giả thiết thống kê	10	02	08	

5.1.	Kiểm định giả thiết thống kê	0,5	0,5		
5.2.	So sánh hai số trung bình	03	0,5	2,5	
5.3.	So sánh hai tỷ lệ	3,5	0,5	03	
5.4.	Tương quan hội quy tuyến tính	03	0,5	2,5	
6	Kiểm tra định kỳ	01			01
Tổng		45	14	30	01

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài mở đầu: Giải tích tổ hợp;

01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm tập hợp, các phép toán tập hợp.
- 1.2. Tính được theo quy tắc cộng, nhân.
- 1.3. Trình bày được khái niệm và tính được số chỉnh hợp, hoán vị, tổ hợp.
- 1.4. Vận dụng các công thức tính được các bài toán liên quan.

2. Nội dung

- 2.1. Tập hợp
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Các phép toán về tập hợp
- 2.2. Giải tích tổ hợp
 - 2.2.1. Quy tắc đếm
 - 2.2.2. Chỉnh hợp
 - 2.2.3. Hoán vị
 - 2.2.4. Tổ hợp

Chương 1: Lý thuyết xác suất;

14 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa và các tính chất cơ bản của xác suất.
- 1.2. Trình bày được các công thức nhân xác suất, cộng xác suất, xác suất toàn phần và xác suất Bayes.
- 1.3. Áp dụng giải được một số bài toán xác suất trong Y học.

2. Nội dung

- 2.1. Phép thử và biến cố
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Các loại biến cố

- 2.1.3. Giao (tích) của các biến cố
- 2.1.4. Hợp (tổng) của các biến cố
- 2.1.5. Biến cố xung khắc
- 2.1.6. Biến cố đối lập
- 2.1.7. Biến cố độc lập
- 2.1.8. Hệ đầy đủ các biến cố
- 2.2. Khái niệm xác suất
- 2.2.1. Định nghĩa cổ điển
- 2.2.2. Định nghĩa thống kê
- 2.2.3. Tính chất cơ bản của xác suất
- 2.3. Các phép toán về xác suất
- 2.3.1. Xác suất có điều kiện
- 2.3.2. Định lý nhân xác suất
- 2.3.3. Định lý cộng xác suất
- 2.3.4. Ứng dụng quy tắc nhân, quy tắc cộng xác suất
- 2.4. Định lý Xác suất đầy đủ - Định lý Bayest
- 2.4.1. Định lý xác suất đầy đủ
- 2.4.2. Định lý Bayest
- 2.4.3. Các ví dụ
- 2.5. Phép thử Bernoulli
- 2.5.1. Phép thử lặp Bernoulli
- 2.5.2. Công thức xác suất nhị thức Bernoulli.

Chương 2: Biến ngẫu nhiên;

09 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các khái niệm biến ngẫu nhiên, hàm phân phối và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.
- 1.2. Trình bày được một quy luật xác suất của biến ngẫu nhiên.
- 1.3. Áp dụng giải các bài tập liên quan.

2. Nội dung

- 2.1. Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối
- 2.1.1. Khái niệm về Biến ngẫu nhiên
- 2.1.2. Hàm phân phối của Biến ngẫu nhiên
- 2.2. Các tham số đặc trưng của Biến ngẫu nhiên
- 2.2.1. Trung bình lý thuyết (Kỳ vọng toán học)

2.2.2. Phương sai và độ lệch chuẩn

2.3. Một số quy luật xác suất

2.3.1. Quy luật chuẩn

2.3.2. Quy luật Student

2.3.3. Một số quy luật khác.

Chương 3: Lý thuyết mẫu;

05 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các khái niệm thống kê, quần thể, mẫu và các tổ chức đồ.
2. Trình bày được định nghĩa và công thức tính các tham số mẫu.
3. Áp dụng giải các bài tập liên quan.

2. Nội dung

2.1. Sơ lược về lý thuyết mẫu

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.2. Trình bày một mẫu số liệu

2.1.3. Một số tổ chức đồ

2.2. Các giá trị đặc trưng của một mẫu

2.2.1. Trung bình mẫu

2.2.2. Một – Số trung vị

2.2.3. Phương sai và độ lệch chuẩn

2.2.4. Hệ số biến thiên.

Chương 4: Lý thuyết ước lượng - Tính cỡ mẫu;

05 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khoảng ước lượng của các tham số thống kê.
- 1.2. Trình bày được cách xác định cỡ mẫu.
- 1.3. Áp dụng vào giải các bài toán thực tế trong Y học.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết ước lượng

2.1.1. Khoảng ước lượng

2.1.2. Khoảng tin cậy của một số trung bình quần thể

2.1.3. Khoảng tin cậy của một trị số các cá thể

2.1.4. Khoảng tin cậy cho tỷ lệ của quần thể

2.2. Cách xác định kích thước mẫu

2.2.1. Xác định kích thước mẫu tối thiểu của số trung bình

2.2.2. Xác định kích thước mẫu tối thiểu của xác suất.

Chương 5: Kiểm định giả thiết thống kê;

10 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được kiểm định các tham số thống kê.
- 1.2. Trình bày được công thức và ý nghĩa của việc so sánh hai số trung bình.
- 1.3. Trình bày được công thức và ý nghĩa của việc so sánh hai xác suất
- 1.4. Trình bày được hệ số và ý nghĩa tương quan tuyến tính.
- 1.5. Lập được đường hồi quy tuyến tính bậc một.
- 1.6. Áp dụng vào giải các bài toán thực tế trong Y học.

2. Nội dung

- 2.1. Kiểm định giả thiết thống kê
 - 2.1.1. Khái niệm cơ bản về kiểm định
 - 2.1.2. Các loại sai lầm, mức ý nghĩa
 - 2.1.3. Kiểm định giá trị của xác suất
- 2.2. So sánh hai số trung bình
 - 2.2.1. Nếu phương sai đã biết
 - 2.2.2. Nếu phương sai chưa biết ($n_1, n_2 > 30$)
 - 2.2.3. Nếu phương sai chưa biết ($n_1, n_2 < 30$)
- 2.3. So sánh hai xác suất
 - 2.3.1. So sánh hai phía
 - 2.3.2. So sánh một phía
- 2.4. Tương quan hồi quy tuyến tính
 - 2.4.1. Hệ số tương quan tuyến tính
 - 2.4.2. Đường hồi quy tuyến tính.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn.
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, bài giảng Power Point.
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm bài tập.

- **Kiểm tra định kỳ:** 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút.

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Sử dụng trong chương trình đào tạo các ngành Y, Dược trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

- Lý thuyết: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: Thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập, ...

- Bài tập: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận bài tập theo nội dung đề ra.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ. Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kì $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần lưu ý

Trọng tâm nội dung tập trung vào các chương Lý thuyết xác suất và Lý thuyết mẫu.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Phan Huy Hoàng, (2025), *Xác Suất thống kê*, Trường CDYT Hà Tĩnh.
2. Chu Văn Thọ, (2011), *Xác suất thống kê*, Trường đại học Y Dược TPHCM.
3. Đặng Đức Hậu, (2008), *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục.
4. Đào Hữu Hồ, (2006), *Xác Suất thống kê*, NXB đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Đặng Hùng Thắng, (2002), *Bài tập xác suất*, NXB Giáo dục.
6. Đinh Văn Găng, (2002), *Bài tập và xác suất*, NXB Giáo dục.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

Mã số môn học: MH 08

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ, trong đó Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 01 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Thuộc môn học chung

2. Tính chất

Môn học này sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm, những nguyên lý chung nhất của sinh giới, những quy luật, những cơ chế của sự sống. Nhằm cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học, tạo cơ sở để sinh viên học các môn học Y học cơ sở và lâm sàng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- 1.1. Trình bày được cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào
- 1.2. Trình bày được quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể
- 1.3. Trình bày được các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền
- 1.4. Trình bày được xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái trong mối quan hệ với loài người

2. Về kỹ năng

- 2.1. Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích, phân tích các kiến thức của các Môn học sau
- 2.2. Suy luận, hệ thống hóa các vấn đề sinh học
- 2.3. Ứng dụng kiến thức sinh học di truyền để giải thích nguyên nhân và cơ chế xuất hiện các bệnh di truyền
- 2.4. Ứng dụng các kiến thức sinh học trong y học như chẩn đoán bệnh, sản xuất thuốc, giải thích cơ chế xuất hiện bệnh

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

3.2. Sinh viên có ý thức và trách nhiệm trong việc tự học và chuẩn bị bài trước mỗi buổi học

3.3. Sinh viên tích cực tham gia tìm hiểu các kiến thức liên quan đến nội dung các bài của từng buổi học

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Tế bào và hệ thống tế bào	1	1		
2	Cấu trúc và chức năng tế bào	8	2	6	
3	Sự phân chia tế bào	6	1	5	
4	Sự phát sinh giao tử ở người	1	1		
5	Sinh học phát triển	6	2	4	
6	Các quy luật di truyền	7	1	6	
7	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	4	1	3	
8	NST người và bệnh học NST người	8	2	6	
9	Sinh học phân tử	2	2		
10	Nguyên lý sinh thái	1	1		
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	45	14	30	1

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1. Tế bào và hệ thống tế bào

1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nội dung cơ bản của học thuyết tế bào và học thuyết tế bào theo quan điểm hiện đại.

1.2. So sánh được sự khác nhau giữa hai giới Prokaryota và Eukaryota.

1.3. Mô tả được hình thái đại cương của tế bào.

2. Nội dung

2.1. Lịch sử hình thành tế bào học và học và học thuyết tế bào

2.2. Hệ thống tế bào

2.3. Hình thái đại cương của tế bào

Bài 2. Cấu trúc và chức năng tế bào

8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cấu tạo và chức năng cơ bản của các thành phần cấu trúc màng tế bào.

1.2. Trình bày được cấu tạo và chức năng chính của các bào quan trong tế bào.

1.3. Trình bày được cấu tạo và chức năng của nhân tế bào.

1.4. Trình bày được các hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.

1.5. Trình bày được đặc điểm của từng hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.

1.6. Trình bày được các điều kiện ảnh hưởng sự khuếch tán qua màng tế bào.

2. Nội dung:

2.1. Cấu trúc tế bào

2.1.1. Cấu trúc của màng tế bào

2.1.2. Tế bào chất

2.1.3. Nhân tế bào

2.2. Chức năng của tế bào

2.3.1. Vận chuyển thẩm

Bài 3. Sự phân chia tế bào

6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm pha G₁, S và G₂ của thời kỳ gian kỳ.

1.2. Trình bày được đặc điểm, ý nghĩa của quá trình phân bào nguyên phân.

1.3. Trình bày được đặc điểm, ý nghĩa của quá trình phân bào giảm phân

1.4. So sánh được sự khác nhau cơ bản giữa phân bào nguyên phân và giảm phân

2. Nội dung:

2.1. Gian kỳ

2.1. Phân bào

- 2.1.1. Trục phân
- 2.1.2. Nội phân
- 2.1.3. Phân bào nguyên nhiễm
- 2.1.4. Phân bào giảm nhiễm

Bài 4. Sự phân chia giao tử ở người

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được quá trình phát sinh tinh trùng ở người
- 1.2. Trình bày được quá trình phát sinh trứng ở người
- 1.3. So sánh được điểm khác nhau giữa quá trình phát sinh tinh trùng và trứng ở người.

2. Nội dung

- 2.1. Sự phát sinh tinh trùng
- 2.2. Sự phát sinh trứng

Bài 5. Sinh học phát triển

6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được cấu tạo tinh trùng và các loại trứng
- 1.2. Trình bày được sự phân cắt và phát triển phôi của các loại trứng.
- 1.3. Trình bày được định nghĩa, các đặc điểm của giai đoạn sinh trưởng, giai đoạn trưởng thành, giai đoạn già lão và giai đoạn tử vong
- 1.4. Trình bày được các cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi
- 1.5. Trình bày được một số thực nghiệm về phôi

2. Nội dung:

- 2.1. Quá trình phát triển cá thể của động vật
 - 2.1.1. Giai đoạn tạo giao tử
 - 2.1.2. Giai đoạn tạo hợp tử
 - 2.1.3. Giai đoạn phôi thai
 - 2.1.4. Giai đoạn sinh trưởng
 - 2.1.5. Giai đoạn trưởng thành
 - 2.1.6. Giai đoạn già lão
 - 2.1.7. Giai đoạn tử vong
- 2.2. Cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi
 - 2.2.1. Chương trình thông tin di truyền
 - 2.2.2. Các sản phẩm gen từ nguồn mẹ
 - 2.2.3. Các nhân tố từ môi trường xung quanh

2.3. Một số thực nghiệm về phôi

2.3.1. Sự chuyển nhân tạo tế bào đặc hiệu

2.3.2. Sự chuyển gen

2.3.3. Sinh vật trong ống nghiệm và thụ tinh trong ống nghiệm

Bài 6. Các quy luật di truyền

7 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Giải thích được khái niệm một số thuật ngữ và giải thích một số kí hiệu thường dùng trong di truyền

1.2. Trình bày được các quy luật di truyền của Mendel

1.3. Trình bày được hiện tượng di truyền tương tác gen

1.4. Trình bày được khái niệm, đặc điểm và một số bệnh di truyền đơn gen, di truyền đa gen, đa nhân tố

1.5. Trình bày được sự liên kết gen và sự tái tổ hợp của các gen trong nhóm liên kết

1.6. Trình bày được di truyền ngoài nhiễm sắc thể

2. Nội dung

2.1. Một số thuật ngữ và ký hiệu

2.2. Các định luật di truyền của Mendel

2.2.1. Lai một cặp tính trạng

2.2.2. Lai hai cặp tính trạng

2.2.3. Lai đa tính

2.3. Di truyền tương tác

2.4. Di truyền đơn gen

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Di truyền hai alen

2.4.3. Di truyền nhiều alen

2.5. Sự di truyền đa gen và đa nhân tố

2.5.1. Khái niệm

2.5.2. Đặc điểm

2.5.3. Một số bệnh, tính trạng di truyền đa gen và di truyền đa nhân tố ở người

2.6. Sự liên kết gen và tái tổ hợp gen trong nhóm gen liên kết

2.6.1. Liên kết gen

2.6.2. Hoán vị gen

2.7. Di truyền ngoài nhiễm sắc thể

2.7.1. Đặc điểm di truyền ngoài nhiễm sắc thể

2.7.2. Hệ gen Lạp thể và sự di truyền hệ gen Lạp thể

Bài 7. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được NST giới

1.2. Trình bày được cơ chế xác định giới tính

1.3. Trình bày được một số bệnh bất thường về nhiễm sắc thể giới tính ở người

1.4. Trình bày được các quy luật di truyền liên kết giới tính

1.5. Trình bày được các đặc điểm di truyền liên kết giới tính

1.6. Trình bày được một số bệnh bất thường di truyền liên kết với giới tính ở người

2. Nội dung:

2.1. Di truyền giới tính

2.1.1. Cơ chế xác định giới tính do nhiễm sắc thể giới

2.1.2. Ý nghĩa của di truyền học giới tính

2.1.3. Một số bệnh bất thường về nhiễm sắc thể giới tính ở người

2.2. Di truyền liên kết với giới tính

2.2.1. Nguyên lý chung

2.2.2. Sự di truyền các tính trạng do gen liên kết nhiễm sắc thể X mà không có alen tương ứng trên nhiễm sắc thể Y quy định

2.2.3. Sự di truyền các tính trạng do gen liên kết nhiễm sắc thể Y mà không có alen tương ứng trên nhiễm sắc thể X quy định

2.2.4. Sự di truyền các tính trạng do gen nằm trên đoạn tương đồng của NST X và Y quy định

2.2.5. Ý nghĩa của di truyền liên kết giới tính

2.2.6. Một số bệnh bất thường di truyền liên kết với giới tính

2.3. Những tính trạng bị hạn chế bởi giới tính

Bài 8. NST người và bệnh học NST người

8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được hình dạng, kích thước và số lượng nhiễm sắc thể người

1.2. Trình bày được đặc điểm đặc trưng của các vật thể giới và những ứng dụng khi nghiên cứu về vật thể giới

1.3. Trình bày được những tiêu chuẩn cơ bản để phân loại nhiễm sắc thể người và lập karyotyp

1.4. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế phát sinh và hậu quả của đột biến đa bội

1.5. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế phát sinh dị bội thể và một số bệnh thường gặp ở người

1.6. Trình bày được cơ chế phát sinh và các dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể, và hậu quả của nó

1.7. Trình bày được cơ chế gây đột biến gen và các dạng gen đột biến gen.

2. Nội dung:

2.1. Hình dạng, kích thước và số lượng nhiễm sắc thể

2.1.1. Hình dạng

2.1.2. Kích thước

2.1.3. Số lượng

2.2. Vật thể giới ở người

2.2.1. Vật thể Barr

2.2.2. Thể đuôi trống

2.2.3. Vật thể Y

2.3. Xếp Bộ nhiễm sắc thể người (Lập karyotyp)

2.3.1. Các tiêu chuẩn để phân loại nhiễm sắc thể

2.3.2. Karyotyp

2.3.3. Các quy định quốc tế về xếp bộ NST người

2.4. Bệnh nhiễm sắc thể

2.4.1. Đột biến số lượng NST

2.4.2. Đột biến cấu trúc NST

2.5. Cơ chế ổn định bộ nhiễm sắc thể

2.6. Gen

2.6.1. Khái niệm chung

2.6.2. Đột biến gen

Bài 9. Sinh học phân tử

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm, cấu trúc của ADN và quá trình tái bản ADN ở Prokaryota

1.2. So sánh quá trình tái bản ADN ở Prokaryota và Eukaryota

1.3. Trình bày được cấu trúc và chức năng của mARN, rARN, tARN và quá trình tổng hợp ARN ở Prokaryota

1.4. So sánh quá trình tổng hợp ARN ở Prokaryota và Eukaryota

1.5. Trình bày quá trình sinh tổng hợp Protein ở Prokaryota

1.6. So sánh quá trình sinh tổng hợp protein ở Prokaryota và Eukaryota

1.7. Trình bày được cơ chế điều hòa sinh tổng hợp protein ở Prokaryota và Eukaryota

1.8. Trình bày được đặc tính của mã bộ ba (mã di truyền)

2. Nội dung:

2.1. Acid nucleic

2.1.1. Acid deoxyribonucleic

2.1.1.1. Cấu trúc của ADN

2.1.1.2. Đặc điểm của ADN

2.1.1.3. Đặc điểm của bộ gen

2.1.1.4. Quá trình tái bản của ADN ở Prokaryota

2.1.1.5. Sự tái bản ở Eukaryota

2.1.2. Acid ribonucleic

2.1.2.1. Cấu tạo của ARN

2.1.2.2. Phân loại ARN

2.1.2.3. Sự tổng hợp ARN (Sự sao mã hay sự phiên mã)

2.2. Protein

2.2.1. Cấu trúc protein

2.2.2. Sinh tổng hợp protein

2.3. Cơ chế điều hòa sinh tổng hợp Protein

2.3.1. Cơ chế điều hòa sinh tổng hợp protein ở Prokaryota

2.3.2. Cơ chế điều hòa sinh tổng hợp protein ở Eukaryota

Bài 10. Nguyên lý sinh thái

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các ảnh hưởng của các nhân tố nhiệt độ, khí độc hại, phóng xạ, tiếng ồn lên con người. Từ đó nêu các biện pháp phòng chống

1.2. Trình bày các vấn đề môi trường làm việc và bệnh nghề nghiệp

1.3. Trình bày được mối quan hệ dinh dưỡng giữa con người và ngoại cảnh hữu sinh

1.4. Trình bày được mối quan hệ gây bệnh giữa loài người và vi sinh vật gây bệnh trên người

2. Nội dung:

2.1. Một số khái niệm

2.2. Loài người và ngoại cảnh

2.2.1. Loài người và nhân tố vô sinh

2.2.2. Loài người và ngoại cảnh hữu sinh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 bài tập

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc Môn học lý thuyết	60%

- Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Dược Cao đẳng liên thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học Môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc Môn học lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Cấu trúc và chức năng các thành phần trong tế bào.

- Các quy luật di truyền và vận dụng nó để giải thích và ứng dụng vào thực tiễn đời sống.

- Quá trình và cơ chế điều khiển phát triển cá thể. Vận dụng vào tiến hành các thực nghiệm phôi.

- Sinh học phân tử.

- Môi quan hệ giữa loài người và các nhân tố ngoại cảnh.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Ngô Thị Thúy Vân, (2023), Bài giảng sinh học đại cương và di truyền, Khoa KHCB trường CDYT Hà Tĩnh

2. GS.TS. Nguyễn Văn Tài, (2017), *Sinh học đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. GS. TS. Trịnh Văn Bảo, (2010), *Sinh học*, NXB giáo dục Việt Nam.

4. Đỗ Hải Lan (chủ biên), Lê Văn Cương, Cao Phi Bằng, (2022), *Tế bào học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Đinh Hoàng Long, Đỗ Lê Thăng, (2020), *Cơ sở di truyền học phân tử và tế bào*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HÓA HỌC

Mã môn học: MH 09

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn Hóa học là một môn học chung nằm trong nhóm môn khoa học cơ bản, thường được bố trí ở kì 1, năm thứ nhất trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng, cao đẳng Hộ sinh, cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học liên thông VLVH.

2. Tính chất

Môn Hóa học là một môn học thuộc khoa học tự nhiên, môn học này vừa có lý thuyết vừa có thực hành. Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng Điều dưỡng, cao đẳng Hộ sinh, cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học Liên thông VLVH các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết hoá học các nguyên tố; lý thuyết hoá vô cơ, tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của một số chất vô cơ và hữu cơ, vận dụng được các kiến thức hoá học vào các môn học khác; thực hiện được một số phản ứng hoá học cơ bản trong phòng thực hành; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, liên kết hóa học.

1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học: Nhiệt động học, động hóa học và dung dịch.

1.3. Nêu được ứng dụng trong y học và tác dụng sinh học của các nguyên tố và hợp chất.

1.4. Vận dụng được những kiến thức Hóa học đã học vào các môn Y học cơ sở và Y học lâm sàng.

2. Về kỹ năng

2.1. Tiếp cận được phương pháp nghiên cứu hệ vi mô (electron, nguyên tử, phân tử) trong cơ học lượng tử để học tốt phần cấu tạo nguyên tử.

2.2. Giải được các bài tập hóa học về cấu tạo nguyên tử, xác định vị trí của các nguyên tố trong Bảng tuần hoàn.

2.3. Tính toán được lượng nhiệt tỏa ra hay thu vào trong phản ứng (ΔH). Tính ΔG và dự đoán chiều của phản ứng.

2.4. Tính tốc độ phản ứng.

2.5. Tính các đại lượng trong dung dịch như pH, độ điện li α , hằng số điện li K, nồng độ các ion trong dung dịch, độ tan S,....

2.6. Thực hiện được một số phản ứng hóa học và các kỹ thuật cơ bản trong phòng thực hành hóa học.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

3.2. Rèn luyện được ý thức về an toàn nghề nghiệp và ý thức bảo vệ môi trường.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

**Phân lý thuyết*

Số TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Cấu tạo nguyên tử	2	2		
2	Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học	2	2		
3	Nhiệt động học	2	2		
4	Động hóa học	2	2		
5	Đại cương về dung dịch	2	2		
6	Dung dịch chất điện ly	2	2		
7	Tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của một số chất vô cơ và hữu cơ	3	3		
	Tổng cộng	15	15		

** Phần thực hành*

Số TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Dụng cụ và các kỹ thuật cơ bản trong phòng thực hành hóa học	3		3	
2	Phương pháp lọc, rửa và cất	3		3	
3	Phương pháp kết tinh, thăng hoa	3		3	
4	Nồng độ dung dịch và cách xác định	3		3	
5	Tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng	3		3	
6	Phản ứng trong dung dịch chất điện ly, sự thủy phân	3		3	
7	pH và dung dịch đệm	3		3	
8	Phản ứng oxy hóa khử	3		3	
9	Phức chất	3		3	
	Kiểm tra	3			3
	Tổng cộng	30		27	3

2. Nội dung chi tiết môn học

**Phần lý thuyết*

Bài 1: Cấu tạo nguyên tử

2

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích được những ưu điểm và nhược điểm của các mẫu nguyên tử cổ điển của Rutherford và Bohr.

1.2. Trình bày được những luận điểm cơ bản của thuyết cơ học lượng tử trong việc nghiên cứu nguyên tử

1.3. Vận dụng quy luật phân bố electron trong nguyên tử, để biểu diễn cấu hình electron của nguyên tử của một nguyên tố.

1.4. Mô tả được cấu trúc của bảng tuần hoàn và quy luật biến thiên tính chất của các nguyên tố trong bảng tuần hoàn.

2. Nội dung

2.1. Thành phần cấu tạo nguyên tử

- 2.2. Những mẫu nguyên tử cổ điển
- 2.3. Những tiền đề của cơ học lượng tử
- 2.4. Những khái niệm cơ bản về cơ học lượng tử
- 2.5. Các số lượng tử và quy luật phân bố electron trong nguyên tử
- 2.6. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học

Bài 2: Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Định nghĩa và nêu lên được mối quan hệ giữa các đại lượng đặc trưng của liên kết.

1.2. Nêu được bản chất và cho ví dụ các thuyết cổ điển về liên kết.

1.3. Trình bày được những luận điểm cơ bản của thuyết liên kết hóa trị.

1.4. Nêu đặc điểm của một số kiểu lai hóa.

1.5. Trình bày được những luận điểm cơ bản của thuyết MO

2. Nội dung

2.1. Một số đại lượng có liên quan đến liên kết

2.2. Những thuyết kinh điển về liên kết

2.3. Thuyết liên kết hóa trị

2.4. Sự lai hóa các AO trong liên kết

2.5. Thuyết orbital phân tử

2.6. Sự phân cực của phân tử

Bài 3: Nhiệt động học

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nội dung nguyên lý thứ nhất của nhiệt động học, các khái niệm nội năng, entanpi và nhiệt dung. Quan hệ giữa biến thiên nội năng ΔU và biến thiên entanpi ΔH .

1.2. Vận dụng được những định luật của nhiệt hoá học để tính toán hiệu ứng nhiệt của phản ứng hoá học khác nhau.

1.3. Trình bày được nội dung và giải thích biểu thức nguyên lý thứ hai của nhiệt động học.

1.4. Nêu được ý nghĩa của các hàm trạng thái entropi và entanpi tự do hay năng lượng Gíp trong nghiên cứu các phản ứng hoá học.

2. Nội dung

1.1. Một số khái niệm và định nghĩa

1.2. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động học

1.3. Nhiệt hoá học

1.4. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động học

Bài 4: Động hóa học

2

giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phát biểu và giải thích được biểu thức của định luật tác dụng khối lượng về ảnh hưởng của nồng độ đến tốc độ phản ứng.

1.2. Trình bày được những quy luật về ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng.

1.3. Trình bày được cơ chế chung và giải thích được vai trò của chất xúc tác trong phản ứng hoá học.

1.4. Vận dụng được nguyên lý Le Chatelier để dự đoán chiều chuyển dịch của một số cân bằng khi có tác động của một số yếu tố.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm

2.2. Ảnh hưởng của nồng độ đến tốc độ phản ứng

2.3. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng

2.4. Ảnh hưởng của chất xúc tác đến tốc độ phản ứng

2.5. Cân bằng hóa học

Bài 5: Đại cương về dung dịch

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Định nghĩa đúng và tính toán được những loại nồng độ khác nhau sử dụng trong hoá học.

1.2. Mô tả được hiện tượng thẩm thấu và giải thích được biểu thức của định luật Van't Hoff về áp suất thẩm thấu.

1.3. So sánh và giải thích được sự khác nhau về nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch và dung môi.

1.4. Nêu lên được những ứng dụng của việc đo áp suất thẩm thấu, độ tăng nhiệt độ sôi, độ hạ nhiệt độ đông đặc của dung dịch trong việc xác định khối lượng mol của các chất.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa và phân loại dung dịch

2.2. Nồng độ của dung dịch

2.3. Áp suất thẩm thấu của dung dịch

2.4. Nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch chứa chất tan không bay hơi, không điện ly

2.5. Áp suất thẩm thấu, nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch chất điện ly

Bài 6: Dung dịch chất điện ly

2

giờ

1. Mục tiêu

1.1. Định nghĩa đúng và tính toán được một số đại lượng đặc trưng cho chất điện ly, một dung dịch chất điện ly.

1.2. Nêu được một số quan niệm về acid - base và nhận biết được acid, base theo Bronsted.

1.3. Tính toán được pH của dung dịch chất điện ly.

1.4. Nêu được thành phần tổng quát, giải thích được cơ chế tác dụng và tính được pH của một số hệ đệm.

1.5. Định nghĩa đúng tích số tan của chất điện ly mạnh ít tan và nêu được mối quan hệ giữa đại lượng này với độ tan.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm và đại lượng về dung dịch điện ly

2.2. Acid và base

2.3. Sự điện ly của acid, base yếu nhiều nấc

2.4. Dung dịch đệm

2.5. Dung dịch các chất điện ly mạnh ít tan. Tích số tan

Bài 7: Tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của một số chất vô cơ và hữu cơ 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của một số chất vô cơ.

1.2. Trình bày được tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của một số chất hữu cơ.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của một số chất vô cơ

2.2. Tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của một số chất hữu cơ

**Phần thực hành:*

Bài 1: Dụng cụ và các kỹ thuật cơ bản trong phòng thực hành hóa học 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được công dụng và cách sử dụng một số dụng cụ trong phòng thực hành Hóa học

1.2. Trình bày được cách rửa một số dụng cụ có hóa chất bám dính khác nhau

1.3. Sử dụng được một số dụng cụ trong phòng thực hành Hóa học

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu dụng cụ và kỹ thuật cơ bản

2.2. Quy trình thực hành

Bài 2: Phương pháp lọc, rửa và cất 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được các cách lọc tủa.

1.2. Rửa sạch được tủa BaSO_4 dưới áp suất thường.

1.3. Tự lắp được các dụng cụ và cất được nước cất đạt tiêu chuẩn tinh khiết.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 3: Phương pháp kết tinh, thăng hoa **giờ**

3

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được phương pháp để tinh chế một chất.
- 1.2. Tinh chế để thu được KNO_3 sạch theo đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.3. Kết tinh lại để tinh chế $\text{K}_2\text{C}_2\text{O}_7$ có lẫn tạp chất theo đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung:

- 2.1. Cơ sở lý thuyết
- 2.2. Quy trình thực hành

Bài 4: Nồng độ dung dịch và cách xác định **giờ**

3

1. Mục tiêu

- 1.1. Tiến hành pha được một dung dịch có nồng độ cần thiết từ hóa chất tinh khiết hoặc từ các dung dịch gốc ban đầu.
- 1.1. Xác định được nồng độ dung dịch bằng phương pháp chuẩn độ acid-base theo đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

- 2.1. Cơ sở lý thuyết
- 2.2. Quy trình thực hành pha 100ml dung dịch NaOH 0,1N

Bài 5: Tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng **giờ**

3

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng.
- 1.2. Bằng thực nghiệm, chứng minh được ảnh hưởng của các yếu tố đến tốc độ phản ứng như nồng độ, nhiệt độ, chất xúc tác, diện tích bề mặt tiếp xúc

2. Nội dung

- 2.1. Cơ sở lý thuyết
- 2.2. Quy trình thực hành

Bài 6: Phản ứng trong dung dịch chất điện ly, sự thủy phân **giờ**

3

1. Mục tiêu

- 1.1. Nhận biết được chiều hướng xảy ra các phản ứng trong dung dịch chất điện ly thông qua thí nghiệm.
- 1.2. Viết được phương trình phản ứng thủy phân của các muối và điều kiện thủy phân.

2. Nội dung

- 2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 7: pH và dung dịch đệm

3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Xác định được pH của dung dịch bằng các chỉ thị màu pH.

1.2. Tiến hành thí nghiệm chứng tỏ rằng dung dịch đệm có pH tương đối ổn định khi thêm vào nó dung dịch acid, base hay pha loãng.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 8: Phản ứng oxy hóa khử

3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện được một số phản ứng oxy hóa - khử và phân biệt được các loại phản ứng oxy hóa - khử.

1.2. Xác định được chiều phản ứng khi biết điện thế chuẩn của các cặp oxy hóa - khử.

1.3. Cân bằng được phương trình phản ứng oxy hóa khử.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 9: Phức chất

3 giờ

1. Mục tiêu

Điều chế, nhận biết và đọc tên một số phức chất đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn và các thiết bị thực hành.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, videos, bài giảng Power Point, bảng kiểm, dụng cụ và hóa chất thực hành.

4. Các điều kiện khác: Đảm bảo an toàn phòng thí nghiệm và vệ sinh môi trường.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- *Kiểm tra thường xuyên*: 01 điểm kiểm tra 15 phút.

- *Kiểm tra định kỳ*: 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra thực hành

+ Công cụ: Các kỹ thuật thực hành trong chương trình đã học.

+ Thời gian: 45 phút.

- *Thi kết thúc môn học*: 01 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (theo quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022)

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng, cao đẳng Hộ sinh, cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học liên thông VLVH.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

*Lý thuyết: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

*Thực hành: Áp dụng phương pháp làm mẫu, cầm tay chỉ việc, sử dụng bảng kiểm, ...

*Thảo luận: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% giờ học lý thuyết, 100% giờ thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; điểm kiểm tra kết thúc phần thực hành phải đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10 (nếu điểm kiểm tra phần thực hành chưa đạt thì được kiểm tra lại tối đa 02 lần)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bài về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học như nhiệt động học, động hóa học, dung dịch;

- Tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của một số chất vô cơ, hữu cơ.

- Thực hiện được một số phản ứng hóa học và các kỹ thuật cơ bản trong phòng thực hành hóa học.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Bùi Thị Trâm Anh (2025), *Hóa học*, trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh

2. Hoàng Nhâm, (tái bản năm 2022), *Hóa học vô cơ cơ bản T1, T2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

3. PGS.TSKH Phan An - TS. Nguyễn Thị Nguyệt - ThS. Hà Thị Phụng - ThS. Phan Diệu Hằng, (tái bản năm 2020), *Hóa vô cơ và hữu cơ*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

4. TS. Trần Đức Lượng, (2020), *Giáo trình Hóa học (đào tạo ngành Điều dưỡng đại học)*, nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

5. Đặng Như Tại - Ngô Thị Thuận, (tái bản lần thứ 6 năm 2023), *Hóa học hữu cơ T1, T2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

6. PGS.TSKH Phan An - TS. Nguyễn Sĩ Đắc - DS. Lê Hữu Trí, (tái bản năm 2012), *Hóa đại cương*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

7. Trần Thị Đà - Đặng Trần Phách, (2006), *Cơ sở lý thuyết các phản ứng hóa học*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

8. PGS.TS Lê Minh Trí - TS. Nguyễn Minh Hiền, (2021), *Hóa hữu cơ*, nhà xuất bản đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

9. Nguyễn Văn Thơ - Bùi Xuân Khoa, (2016), *Giáo trình thực hành Hóa đại cương - Vô cơ*, Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương.

10. Trương Thị Cẩm Mai (chủ biên), (2019), *Giáo trình thực hành Hóa học vô cơ*, nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022,2023,2024), *Sách giáo khoa Hóa học 10,11,12 - Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG - LÝ SINH

Mã số môn học : MH 10

Thời gian môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ, Thảo luận: 30 giờ, Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

1. Vị trí của môn học:

Môn học là môn học chung bắt buộc được phân bố từ đầu khóa học, điều kiện tiên quyết: không.

2. Tính chất môn học:

Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng Y được các kiến thức cơ bản về các dạng vận động vật lý và các qui luật của nó trong thế giới tự nhiên; vận dụng được các qui luật vận động trong hoá học và sinh học vào y dược học; thực hiện được một số phương pháp đo lường trong Vật lý – Lý sinh tại phòng thực tập; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

1. Kiến thức:

1.1. Sử dụng, quy đổi được đơn vị về hệ đo lường chuẩn của Việt Nam, phân tích được các tính chất của hiện tượng Lí sinh.

1.2. Giải thích được cơ chế vận chuyển vật chất trong cơ thể.

1.3. Mô tả được tính chất Lí sinh tuần hoàn và hô hấp.

1.4. Trình bày được nguyên lý hoạt động máy phát siêu âm, ứng dụng của âm, siêu âm trong y học.

1.5. Giải thích được các hiện tượng điện trên cơ thể sống, thực hiện an toàn điện.

1.6. Trình bày được các ứng dụng quang sinh học trong y học.

1.7. Trình bày được các ứng dụng học phóng xạ và hạt nhân, thực hiện an toàn phóng xạ.

1.8. Trình bày được nguyên lý hoạt động, tính chất của bức xạ ron ghen và ứng dụng.

1.9. Trình bày được nguyên lý chính của một số kỹ thuật Lí sinh ứng dụng trong y học.

2. Kỹ năng:

2.1. Kỹ năng tìm kiếm, tự đọc tài liệu và tự học

2.2. Kỹ năng xử lý tình huống liên quan kiến thức

2.3. Kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan của Lí sinh y học

2.4. Kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin.

3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

3.1. Nghiêm túc, tích cực khi học tập, nghiên cứu

3.2. Chủ động tiếp nhận thông tin các kỹ thuật vật lí mới ứng dụng trong các học phần chuyên môn y học

3.3. Có ý thức về an toàn nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Các khái niệm cơ bản	3	1	2	
2	Vận chuyển vật chất trong cơ thể sinh vật	6	2	4	
3	Lí sinh tuần hoàn và hô hấp	6	2	4	
4	Ứng dụng của âm, siêu âm	3	1	2	
5	Các hiện tượng điện trên cơ thể sống	6	2	4	
6	Quang sinh học	6	2	4	
7	Y học phóng xạ và hạt nhân	6	2	4	
8	Bức xạ Ron ghen (tia X) và ứng dụng	3	1	2	
9	Một số phương pháp vật lí ứng dụng trong y học	5	1	4	
10	Kiểm tra	1			1

	Tổng số	45	14	30	1
--	----------------	-----------	-----------	-----------	----------

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Các khái niệm cơ bản

3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về đơn vị đo, một số đặc điểm của hiện tượng lý sinh.

1.2. Trình bày được nguyên lý 1, 2 nhiệt động học và ứng dụng trên cơ thể sinh vật.

2. Nội dung:

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Đơn vị đo lường

2.1.2. Tiền tố

2.1.3. Thứ nguyên

2.1.4. Một số đặc điểm của hiện tượng Lý sinh

2.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động và ứng dụng trong y học

2.2.1. Hệ nhiệt động

2.2.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học

2.2.3. Áp dụng nguyên lý thứ nhất cho hệ thống sống

2.3. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động và ứng dụng trong y học

2.3.1. Nguyên lý thứ hai nhiệt động học và sự dịch chuyển Entropi trong hệ thống sống.

2.3.2. Áp dụng nguyên lý 2 cho hệ thống sống

Thảo luận – Đọc tài liệu

Bài 2. Vận chuyển vật chất trong cơ thể sinh vật

6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các vai trò của phân tử, Ion trong cơ thể và các loại dung dịch trong cơ thể sinh vật.

1.2. Lấy ví dụ về hiện tượng thẩm thấu, nêu được khái niệm về áp suất thẩm thấu và công thức tính, ý nghĩa của áp suất thẩm thấu và ứng dụng trong y học.

1.3. Trình bày các điều kiện để có cân bằng Donnan và dùng cân bằng Donnan để tính tỉ lệ nồng độ vật chất trong và ngoài màng tế bào ở các trường hợp đặc biệt.

1.4. Phân biệt hiện tượng thẩm thấu, lọc, siêu lọc.

2. Nội dung:

2.1. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sinh vật

2.1.1. Phân tử, ion và dung dịch trong cơ thể sinh vật

2.1.2. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sinh vật

2.2. Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.2.1. Màng tế bào

2.2.2. Vận chuyển của vật chất qua màng

2.2.3. Động lực và cơ chế vận chuyển vật chất qua màng tế bào

Thảo luận – Đọc tài liệu

Bài 3. Lí sinh tuần hoàn và hô hấp

6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được sơ lược về hệ tuần hoàn.

1.2. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến tuần hoàn máu..

1.3. Trình bày được sơ lược về hệ thống hô hấp, cơ chế hoạt động hô hấp.

1.4. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hô hấp.

2. Nội dung:

2.1. Lí sinh tuần hoàn

2.1.1. Tính chất vật lý của hệ tuần hoàn

2.1.2. Sự thay đổi của áp suất và tốc độ chảy của máu trong các mạch

2.1.3. Đặc điểm về thể dịch máu và hệ tuần hoàn máu

2.1.4. Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến tuần hoàn máu

2.2. Lí sinh hô hấp

2.2.1. Sơ lược về cấu tạo hệ hô hấp

2.2.2. Hoạt động hô hấp

2.2.3. Sự vận chuyển khí trong cơ thể

2.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình trao đổi khí

Thảo luận – Đọc tài liệu

Bài 4. Ứng dụng của sóng âm và siêu âm trong y học

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được bản chất vật lý của âm và siêu âm.
- 1.2. Trình bày cơ sở vật lý của phương pháp âm trong chẩn đoán.
- 1.3. Trình bày được phương pháp ứng dụng siêu âm vào điều trị và chẩn đoán.

2. Nội dung:

- 2.1. Ứng dụng của sóng âm
 - 2.1.1. Âm thanh
 - 2.1.2. Cơ chế của quá trình nghe
 - 2.1.3. Cơ sở vật lý của phương pháp âm trong chẩn đoán
- 2.2. Ứng dụng của siêu âm
 - 2.2.1. Nguồn phát siêu âm
 - 2.2.2. Ứng dụng của siêu âm trong y học

Bài 5. Các hiện tượng điện trên cơ thể sống

6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các loại điện thế sinh vật cơ bản.(hai loại)
- 1.2. Trình bày được các loại hiệu điện thế, lý thuyết ion màng về hiện tượng điện sinh vật.

2. Nội dung:

- 2.1. Hiện tượng điện sinh vật, cơ chế phát sinh và lan truyền
 - 2.1.1. Các loại điện thế sinh vật cơ bản
 - 2.1.2. Lý thuyết ion màng – cơ chế phát sinh và lan truyền các loại điện thế sinh vật
- 2.2. Cơ chế dẫn truyền sóng hưng phấn từ thần kinh đến cơ
 - 2.2.1. Khái niệm hưng phấn
 - 2.2.2. Khái niệm ngưỡng hưng phấn
 - 2.2.3. Cơ chế dẫn truyền sóng hưng phấn trong dây thần kinh.
 - 2.2.4. Cơ chế bàn giao hưng phấn qua xinap
- 2.3. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể, ứng dụng trong điều trị
 - 2.3.1. Các loại dòng điện dùng trong điều trị
 - 2.3.2. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể và ứng dụng trong điều trị.
 - 2.3.3. An toàn điện
- Thảo luận – Đọc tài liệu

Bài 6. Quang sinh học

6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nội dung chính của hai thuyết về bản chất ánh sáng
- 1.2. Trình bày được cơ chế hấp thụ và phát quang
- 1.3. Nêu được các quá trình quang sinh quang hợp và sinh tổng hợp sắc tố vitamin
- 1.4. Trình bày, giải thích được nguyên lý cấu tạo một Laser; vẽ sơ đồ Laser rắn.

2. Nội dung:

- 2.1. Bản chất ánh sáng
 - 2.1.1. Thuyết sóng điện từ về bản chất ánh sáng
 - 2.1.2. Thuyết lượng tử về bản chất ánh sáng
 - 2.2. Cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng
 - 2.2.1. Định luật hấp thụ ánh sáng
 - 2.2.2. Ứng dụng quang phổ hấp thụ phân tử
 - 2.2.3. Cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng
 - 2.2.4. Sự di chuyển năng lượng trong hệ sinh vật
 - 2.3 Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
 - 2.3.1. Đại cương tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
 - 2.3.2. Một số quá trình quang sinh và ứng dụng
 - 2.4. Laser và ứng dụng trong y học
 - 2.4.1. Khái niệm về Laser
 - 2.4.2. Nguồn gốc tia Laser
 - 2.4.3. Nguyên lý cấu tạo và hoạt động của máy phát tia Laser
 - 2.4.4. Phân loại Laser
 - 2.4.5. Tính chất của chùm tia Laser
 - 2.4.6. Ứng dụng của Laser trong y học
- Thảo luận – Đọc tài liệu

Bài 7. Y học phóng xạ và hạt nhân

6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu khái niệm phóng xạ, bản chất của các bức xạ ion hoá

1.2. Phân biệt cơ chế tác dụng của bức xạ ion hoá lên cơ thể sống và các mức độ tổn thương của cơ thể sống.

1.3. Trình bày được các ứng dụng trong y học và nguyên lý kiểm soát an toàn bức xạ

2. Nội dung:

2.1. Nguyên tử, hạt nhân, đồng vị

2.1.1. Cấu trúc nguyên tử

2.1.2. Hạt nhân

2.1.3. Đồng vị

2.2. Phóng xạ

2.2.1. Hiện tượng phóng xạ.

2.2.2. Các dạng phân rã phóng xạ (tia phóng xạ) thường gặp

2.2.3. Quy luật phân rã phóng xạ

2.2.4. Liều lượng bức xạ:

2.2.5. Tính chất của tia phóng xạ

2.3. Tác dụng sinh học của bức xạ ion hóa

2.3.1. Cơ chế tác dụng của bức xạ ion hóa lên cơ thể sống.

2.3.2. Tác dụng của bức xạ ion hóa lên cơ thể sống.

2.3.3. Tác dụng của bức xạ ion hóa lên tế bào

2.4. Ứng dụng của tia phóng xạ trong y học và an toàn phóng xạ

2.4.1. Ứng dụng của tia phóng xạ trong chẩn đoán

2.4.1. Ứng dụng của tia phóng xạ trong điều trị

2.4.3. An toàn phóng xạ

Thảo luận – Đọc tài liệu

Bài 8. Bức xạ Rơn ghen và ứng dụng

3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm và các tính chất của chùm tia X.

1.2. Liệt kê được các ứng dụng của tia X trong điều trị, phân tích được ứng dụng đó đã sử dụng dựa trên tính chất đặc biệt nào của chùm tia X.

2. Nội dung:

2.1. Hiện tượng bức xạ tia X và ứng dụng trong y học

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn phát xạ tia X.

2.1.3. Tính chất của tia X

2.1.4. Ứng dụng của tia X trong y học

2.2. Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và ứng dụng

2.2.1. Đại cương về kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính

2.2.2. Nguyên lý tạo hình trong chụp cắt lớp

2.2.3. Chụp cắt lớp dùng vi tính (CTS - Computer Tomography Scanner)

2.2.4. An toàn bức xạ đối với tia X

Thảo luận – Đọc tài liệu

Bài 9. Một số phương pháp vật lí ứng dụng trong y học 5 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được sơ đồ Kính hiển vi quang học trường sáng, tác dụng của các bộ phận trong sơ đồ.

1.2. Trình bày được nội dung phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử.

1.3. Trình bày được nội dung phương pháp Cộng hưởng từ hạt nhân.

2. Nội dung:

2.1. Phương pháp hiển vi

2.1.1. Kính hiển vi quang học trường sáng

2.1.2. Một số loại kính hiển vi khác

2.1.3. Ứng dụng

2.2. Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử

2.2.1. Sự hấp thụ của nguyên tử:

2.2.2. Phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử

2.2.3. Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử

2.2.4. Các ưu, nhược điểm của máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS

2.3. Cộng hưởng từ hạt nhân

2.3.1. Cơ sở vật lí của phương pháp cộng hưởng từ

2.3.2. Chụp cộng hưởng từ (MRI)

2.3.3. Ưu, nhược điểm của phương pháp chụp cộng hưởng từ

Thảo luận – Đọc tài liệu

10. Kiểm tra

1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn Lý sinh/nhà xưởng: Phòng học
2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy vi tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, sinh viên cần đạt các yêu cầu:

- + Hệ thống các kiến thức về Vật lý đại cương
- + Trình bày được tác dụng và ứng dụng trong y học của một số phương pháp kỹ thuật vật lý.

- Kỹ năng: Đánh giá thông qua các bài tập thảo luận mà SV hoặc nhóm SV trình bày.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong suốt quá trình học tập, sinh viên được đánh giá có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao trong quá trình học tập nếu:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Hoàn thành các bài tập được giao;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ 45 phút

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

- Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình này áp dụng cho sinh viên cao đẳng Dược, Điều dưỡng, Hộ sinh liên thông VLVH.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên:

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bài về cơ sở lý thuyết các quá trình vật lý như nhiệt động học, quang học, âm học, điện học, cấu tạo nguyên tử;

- Tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của ánh sáng, siêu âm, điện trường, từ trường, phóng xạ hạt nhân.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo:

1. Phan Văn Phú Cường, (2023), Bài giảng Vật lý - Lý sinh y học, Khoa Khoa học cơ bản trường Cao đẳng y tế Hà Tĩnh.
2. Lương Duyên Bình (2007 - tái bản 2020), Giáo trình Vật lí đại cương – ĐHSPHN.
3. Nhiều tác giả, Giáo trình Lí sinh y học (2004 - tái bản 2019) - ĐHY Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIẢI PHẪU SINH LÝ

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Môn Giải phẫu Sinh lý là một môn học cơ sở cung cấp cho sinh viên những kiến thức để ứng dụng vào kiến thức lý thuyết chuyên ngành và thực tiễn.

2. Tính chất:

Là môn học bắt buộc nhằm cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng Điều dưỡng Cao đẳng các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu về hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, mô học vào các môn học khác. Cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn lâm sàng. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được những kiến thức tổng quan về cơ thể sống nói chung và cơ thể người nói riêng.

1.2. Mô tả được các bộ phận, các cơ quan trên tranh vẽ, mô hình, trên tiêu bản đại thể và trên xương, liên hệ trên cơ thể người sống

1.3. Trình bày được đặc điểm sinh lý và phân tích mối liên hệ giữa các chức năng sinh lý các hệ cơ quan trong cơ thể người.

1.4. Trình bày được các hằng số sinh lý chủ yếu của cơ thể người

2. Về kỹ năng:

2.1 Xác định được những đặc điểm giải phẫu cơ bản nhất về các bộ phận và cơ quan trong cơ thể người

2.2 Liên hệ, vận dụng được môn học GP-SL vào cơ thể sống, áp dụng được vào lâm sàng và các môn học khác

2.3. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng vận dụng các kiến thức liên quan để nắm vững kiến thức.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Nhận thức đúng vai trò của môn Giải phẫu sinh lý đối với chương trình Đào tạo và chuyên môn để có thái độ nghiêm túc khi học tập nghiên cứu môn học này.

3.2. Luôn có ý thức vận dụng kiến thức Giải phẫu sinh lý để học các môn chuyên ngành và liên hệ thực tế.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Phần Giải phẫu: (Lí thuyết: 7 giờ; Thực hành: 24 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Giới thiệu về môn học GPSL	0.5	0.5	0	
2	Giải phẫu Hệ Cơ -Xương- Khớp	6	1	5	
3	Giải phẫu Hệ tuần hoàn	4	1	3	
4	Giải phẫu hệ hô hấp	4	1	3	
5	Giải phẫu hệ tiêu hóa	4	1	3	
6	Giải phẫu hệ tiết niệu – sinh dục	4	1	3	
7	Giải phẫu hệ thần kinh	4	1	3	
8	Giải phẫu Giác quan: Tai-mắt	1.5	0.5	1	
9	Kiểm tra kết thúc thực hành	3			3
	Cộng	31	7	21	3

1.2. Phần sinh lý: 13 giờ (Lí thuyết: 7 giờ; Thực hành: 5 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lí	Thực hành, thí	Kiểm

		số	thuyết	thực nghiệm,	tra
1	Đại cương về cơ thể sống,- Sinh lý tuyến nội tiết, chuyển hóa năng lượng và điều nhiệt	01	01		
2	Sinh lý máu - Nội môi	01	01		
3	Sinh lý tuần hoàn – hô hấp	02	02		
4	Sinh lý hệ tiêu hóa	01	01		
5	Sinh lý hệ tiết niệu, sinh dục	01	01		
6	Sinh lý hệ thần kinh	01	01		
7	Định thời gian máu đông, máu chảy, Xác định nhóm máu hệ ABO	03		03	
8	Định công thức bạch cầu, định lượng Hb, Thực nghiệm chẩn đoán có thai bằng thực nghiệm pháp sinh vật học	03		03	
9	Kiểm tra định kỳ	01			01
	Cộng	14	07	06	01

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Giới thiệu về môn học Giải phẫu sinh lý

0,5 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa: giải phẫu học, tư thế giải phẫu và sinh lý học
- 1.2. Trình bày được vai trò, vị trí của giải phẫu học, sinh lý học trong y học.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa, vai trò Giải phẫu học
- 2.2. Định nghĩa, vai trò Sinh lý học

Bài 2: Giải phẫu Hệ Cơ - Xương - Khớp

01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được phân loại và quá trình phát triển của xương.
- 1.2. Trình bày được định nghĩa và phân loại khớp.
- 1.3. Phân biệt được các loại xương, kể được tên và số lượng các loại xương theo từng vùng cơ thể.

- 1.4. Mô tả được cấu tạo của khớp vai, khớp háng.
- 1.5. Kể được tên và vị trí của các cơ quan trọng theo từng vùng cơ thể.
- 1.6. Liên hệ được với bài học trên thực tiễn lâm sàng
- 1.7. Kể được các nhóm cơ theo vùng trên cơ thể
- 1.8. Mô tả được các cơ tạo nên ống bẹn

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về xương

- 2.1.1. Số lượng
- 2.1.2. Phân loại
- 2.1.3. Cấu tạo của xương
- 2.1.4. Xương đầu mặt
- 2.1.4. Xương thân mình
- 2.1.5. Xương chi trên
- 2.1.6. Xương chi dưới

2.2. Đại cương về khớp

- 2.2.1. Định nghĩa
- 2.2.2. Phân loại
- 2.2.3. Cấu tạo
- 2.2.4. Khớp vai
- 2.2.5. Khớp háng

2.3. Giải phẫu hệ cơ.

1 Đại cương về cơ

- 1.1. Phân loại cơ
- 1.2. Các đầu bám của cơ
- 1.3. Các kiểu sắp xếp bó sợi cơ
- 1.4. Sự phối hợp giữa cơ và nhóm cơ
- 1.5. Sự cung cấp thần kinh cho cơ.

2. Cơ đầu mặt cổ

- 2.1. Cơ vùng đầu
- 2.2. Cơ vùng cổ

3. Cơ thân mình

- 3.1. Các cơ thành ngực
- 3.2. Các cơ thành bụng
- 3.3. Ống bẹn

3.4. Cơ hoành

4. Cơ tứ chi

4.1. Cơ chi trên

4.2. Cơ chi dưới

Bài 3: Giải phẫu hệ tuần hoàn.

01 giờ.

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được vị trí và hình thể ngoài của tim.

1.2. Mô tả được hình thể trong và cấu tạo của tim.

1.3. Mô tả được phân đoạn, các nhánh bên, nhánh tận của động mạch chủ

2. Nội dung:

2.1. Giải phẫu tim

2.1.1. Vị trí

2.1.2. Hình thể

2.1.3. Cấu tạo

2.1.4. Liên quan

2.2. Đại cương về mạch máu và các mạch máu chính trong cơ thể

4.2.1 Động mạch

4.2.2. Tĩnh mạch

2.2.3. Bạch mạch

Bài 4: Giải phẫu hệ hô hấp.

01 giờ.

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể và cấu tạo của mũi, thanh quản, khí quản.

1.2. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài của phổi.

1.3. Mô tả được hình thể trong(cấu tạo) của phổi.

1.4. Mô tả được màng phổi.

2. Nội dung:

2.1. Mũi

2.2. Thanh quản

2.3. Khí quản

2.4. Phổi

Bài 5: Giải phẫu hệ tiêu hóa.

01 giờ.

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các đặc điểm đại cương của hệ tiêu hoá.

1.2. Mô tả được vị trí, hình thể và cấu tạo của miệng, họng, thực quản.

1.3. Mô tả được vị trí, hình thể và liên quan của dạ dày, ruột.

1.4. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, liên quan và cấu tạo của gan, tụy, lách.

1.5. Mô tả được đường mật trong và ngoài gan.

2. Nội dung:

2.1. Ổ miệng

2.2. Hàu

2.3. Thực quản

2.4. Dạ dày

2.5. Gan

2.6. Lách

2.7. Tụy - tá tràng

2.8. Hồng tràng – Hồi tràng

2.9. Ruột già.

Bài 6: Giải phẫu hệ tiết niệu – sinh dục

01 giờ.

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài và liên quan của thận.

1.2. Mô tả được hình thể trong của thận.

1.3. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và cấu tạo của niệu quản, bàng quang và niệu đạo.

1.4. Mô tả được các đặc điểm giải phẫu của cơ quan sinh dục nam và nữ.

1.5. Mô tả được vị trí, hình thể và cấu tạo của các bộ phận quan trọng trong các cơ quan sinh dục nam và nữ.

2. Nội dung:

*** Giải phẫu hệ tiết niệu.**

2.1. Thận

2.2. Niệu quản

2.3. Bàng quang

2.4. Niệu đạo

*** Giải phẫu hệ sinh dục.**

1. Cơ quan sinh dục nam

2. Cơ quan sinh dục nữ

Bài 7: Giải phẫu hệ thần kinh.

01 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài và hình thể trong của tuỷ sống
- 1.2. Xác định được các phần của não bộ.
- 1.3. Mô tả được hình thể ngoài và hình thể trong của đại não
- 1.4. Kể được tên, chức năng cơ bản của 12 đôi dây thần kinh sọ.
- 1.5. Mô tả được đám rối cánh tay và đám rối thắt lưng cùng

2. Nội dung:

- 2.1. Tế bào và mô thần kinh
- 2.2. Các màng não tuỷ
- 2.3. Tuỷ sống
- 2.4. Não bộ
- 2.5. Các dây thần kinh sọ
- 2.6. Các dây thần kinh gai sống

Bài 8: Giải phẫu giác quan.

0,5 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được các lớp võ của nhãn cầu
- 1.2. Mô tả được các môi trường trong suốt của nhãn cầu
- 1.3. Trình bày được các thành phần của cơ quan tiền đình ốc tai.
- 1.4. Mô tả được cấu tạo của tai giữa và tai trong.

2. Nội dung:

- 2.1. Cơ quan thị giác
- 2.2. Cơ quan tiền đình ốc tai

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Hệ Xương - Khớp.

03 giờ.

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của các xương trên mô hình và tranh (Hình vẽ)
- 1.2. Vẽ và chú thích được hình thể của các xương người.
- 1.3. Trình bày được định nghĩa khớp.

2. Nội dung

- 2.1. Đặc điểm và cấu tạo của xương đầu mặt
- 2.2. Đặc điểm và cấu tạo của xương cột sống
- 2.3. Đặc điểm và cấu tạo của xương lồng ngực

- 2.4. Đặc điểm và cấu tạo của xương chi trên
- 2.5. Đặc điểm và cấu tạo của xương chi dưới
- 2.6. Định nghĩa, phân loại khớp.

Bài 2: Hệ cơ.

02 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các cơ vận đã học, các cơ tùy hành với mạch trên mô hình và tranh (Hình vẽ).

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ vận đã học.

2. Nội dung

- 2.1. Cơ đầu, mặt, cổ
- 2.2. Cơ thành ngực
- 2.3. Cơ thành bụng
- 2.4. Cơ đáy chậu
- 2.5. Cơ chi trên
- 2.6. Cơ chi dưới

Bài 3: Hệ tuần hoàn.

03 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của tim, đường đi, phân nhánh của động mạch và tĩnh mạch trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được hình thể của tim; đường đi, phân nhánh của động mạch, tĩnh mạch.

2. Nội dung

- 2.1. Tim
 - 2.1.1. Vị trí, hình thể ngoài và liên quan của tim
 - 2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo của tim
- 2.2. Mạch
 - 2.2.1. Đường đi phân nhánh của động mạch
 - 2.2.2. Đường đi phân nhánh của tĩnh mạch sâu
 - 2.2.3. Đường đi phân nhánh của tĩnh mạch nông
 - 2.2.4. Mao mạch.
 - 2.2.5. Bạch mạch

Bài 4: Hệ hô hấp.

03 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của các cơ quan thuộc hệ hô hấp trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được hình thể của các cơ quan thuộc hệ hô hấp.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo và liên quan của mũi

2.2. Vị trí, cấu tạo và liên quan của thanh quản

2.3. Vị trí, Phân đoạn, cấu tạo và liên quan của khí quản

2.4. Cấu tạo và liên quan của phế quản

2.5. Vị trí, cấu tạo và liên quan của phổi

2.6. Vị trí, cấu tạo và liên quan của màng phổi.

Bài 5: Hệ tiêu hóa.

03 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo và liên quan của miệng

2.2. Cấu tạo và liên quan của hầu

2.3. Cấu tạo, phân đoạn và liên quan của thực quản

2.4. Vị trí, cấu tạo và liên quan của dạ dày

2.5. Vị trí, cấu tạo, phân đoạn và liên quan của ruột tá

2.6. Vị trí, cấu tạo, liên quan của hồng tràng và hồi tràng

2.7. Vị trí, cấu tạo, phân đoạn và liên quan của ruột già

2.8. Vị trí, cấu tạo, hình thể và liên quan của gan.

2.9. Vị trí, cấu tạo, hình thể và liên quan của tụy.

2.10. Cấu tạo của màng bụng (phức mạc).

Bài 6: Hệ tiết niệu.

02 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của các cơ quan thuộc hệ tiết niệu trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan thuộc hệ tiết niệu.

2. Nội dung

2.1. Thận.

2.1.1. Vị trí, hình thể ngoài và liên quan của thận.

- 2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo của thận.
- 2.2. Cấu tạo, phân đoạn, các điểm hẹp và liên quan của niệu quản.
- 2.3. Cấu tạo và liên quan của bàng quang.
- 2.4. Niệu đạo
- 2.4.1. Cấu tạo, phân đoạn và liên quan của niệu đạo nam.
- 2.4.2. Cấu tạo, phân đoạn và liên quan của niệu đạo nữ.

Bài 7: Hệ sinh dục.

01 giờ.

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của các cơ quan thuộc hệ sinh dục trên mô hình và tranh (Hình vẽ)
- 1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan thuộc hệ sinh dục.

2. Nội dung

- 2.1. Sinh dục nữ
 - 2.1.1. Vị trí, cấu tạo, hình thể ngoài và liên quan của buồng trứng.
 - 2.1.2. Phân đoạn, cấu tạo của vòi trứng.
 - 2.1.3. Hình thể, cấu tạo và liên quan của tử cung.
 - 2.1.4. Cấu tạo và liên quan của âm đạo.
 - 2.1.5. Cấu tạo của âm hộ.
- 2.2. Sinh dục nam
 - 2.2.1. Vị trí, hình thể và cấu tạo của tinh hoàn.
 - 2.2.2. Cấu tạo, đường đi của ống dẫn tinh.
 - 2.2.3. Vị trí, hình thể và cấu tạo của túi tinh.
 - 2.2.4. Cấu tạo và liên quan của tuyến tiền liệt.
 - 2.2.5. Cấu tạo của dương vật.

Bài 8: Hệ thần kinh.

03 giờ.

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của não bộ, các đôi dây thần kinh sọ, tủy sống và các đôi dây thần kinh gai sống trên mô hình và tranh (Hình vẽ)
- 1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan của não bộ, tủy sống.
- 1.3. Chỉ được cấu tạo của đám rối thần kinh chi trên và chi dưới
- 1.4. Vẽ và chú thích được đám rối thần kinh chi trên và chi dưới.

2. Nội dung

- 2.1. Não bộ và các đôi dây thần kinh sọ não.
 - 2.1.1. Vị trí, cấu tạo, hình thể của hành não.

- 2.1.2. Vị trí, cấu tạo, hình thể của cầu não.
- 2.1.3. Vị trí, cấu tạo, hình thể của tiểu não.
- 2.1.4. Vị trí, cấu tạo, hình thể của não giữa.
- 2.1.5. Vị trí, cấu tạo, hình thể của não trung gian.
- 2.1.6. Vị trí, cấu tạo, hình thể của đại não.
- 2.1.7. Cấu tạo các màng não tủy.
- 2.1.8. Đường đi chức năng của các đôi dây thần kinh sọ não.
- 2.2. Tủy sống và các đôi dây thần kinh gai sống
 - 2.2.1. Vị trí, hình thể và cấu tạo của tủy sống.
 - 2.2.2. Cấu tạo, các nhánh tận của đám rối thần kinh chi trên.
 - 2.2.3. Cấu tạo, các nhánh tận của đám rối thần kinh chi dưới.
 - 2.2.4. Các nhánh bên và nhánh tận còn lại của các đôi dây thần kinh gai sống.

Bài 9: Giác quan.

01 giờ.

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của cơ quan thị giác và cơ quan tiền đình ốc tai trên mô hình và tranh (Hình vẽ)
- 1.2. Vẽ và chú thích được cấu tạo của cơ quan thị giác và cơ quan tiền đình ốc tai.

2. Nội dung

- 2.1. Cơ quan tiền đình ốc tai.
 - 2.1.1. Vị trí, cấu tạo của tài ngoài.
 - 2.1.2. Vị trí, cấu tạo của tài giữa.
 - 2.1.3. Vị trí, cấu tạo của tài trong.
- 2.2. Cơ quan thị giác
 - 2.2.1. Các phần phụ.
 - 2.2.2. Các cơ.
 - 2.2.3. Cấu tạo của nhãn cầu.

2.2. Sinh lí

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Đại cương về cơ thể sống - Sinh lí nội tiết, chuyển hóa năng lượng và điều nhiệt

01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được 3 đặc điểm của sự sống
- 1.2. Trình bày được đặc điểm đại cương của tuyến nội tiết, hormon
- 1.3. Trình bày được tác dụng của các hormon vùng dưới đồi, tuyến yên, tuyến giáp, tuyến cận giáp, tuyến thượng thận, tuyến tuỵ nội tiết.
- 1.4. Trình bày được các dạng năng lượng trong cơ thể, nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng
- 1.5. Trình bày được đặc điểm cơ bản về sinh lý điều nhiệt

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về cơ thể sống
- 2.2. Sinh lý nội tiết
 - 2.2.1. Đại cương tuyến nội tiết và hormon
 - 2.2.2. Giải phẫu sinh lý các tuyến nội tiết
- 2.3. Sinh lý chuyển hóa năng lượng
 - 2.3.1. Các dạng năng lượng của cơ thể
 - 2.3.2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng
- 2.4. Sinh lý điều nhiệt
 - 2.4.1. Thân nhiệt
 - 2.4.2. Quá trình sinh nhiệt
 - 2.4.3. Quá trình tỏa nhiệt
 - 2.4.4. Cơ chế điều nhiệt

Bài 2: Nội môi - Sinh lý máu

01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm nội môi, hằng tính nội môi và Trình bày được các hệ thống, yếu tố điều hoà hằng tính nội môi
- 1.2. Trình bày được các đặc điểm đại cương của máu.
- 1.3. Trình bày được các đặc điểm cơ bản của sinh lý huyết tương
- 1.4. Trình bày được các đặc điểm cơ bản sinh lý hồng cầu, hệ thống của nhóm máu ABO, Rh và ứng dụng trong lâm sàng.
- 1.5. Trình bày được đặc điểm cơ bản của sinh lý bạch cầu và chức năng từng loại bạch cầu.
- 1.6. Trình bày được đặc điểm cơ bản của sinh lý tiểu cầu và quá trình cầm máu.

2. Nội dung:

- 2.1. Nội môi

2.2. Sinh lí máu

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Sinh lý huyết tương

2.2.3. Sinh lý hồng cầu

2.2.4. Sinh lý bạch cầu

2.2.5. Sinh lý tiểu cầu

Bài 3: Sinh lý hệ tuần hoàn - hô hấp

02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc tính sinh lý tim

1. 2. Trình bày được đặc tính cơ bản sinh lý của động mạch, các loại huyết áp động mạch

1.3. Trình bày được đặc tính cơ bản sinh lý tĩnh mạch, mao mạch

1.4. Trình bày được chức năng thông khí của phổi.

1.5. Trình bày được chức năng vận chuyển và trao đổi khí của máu .

1.6. Trình bày được hoạt động của trung tâm hô hấp và nêu các cơ chế điều hòa hô hấp

2. Nội dung:

2.1. Sinh lí tuần hoàn:

2.1.1. Sinh lí tim

2.1.2. Sinh lý tuần hoàn động mạch

2.1.3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch

2.1.4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

2.2. Sinh lí hô hấp

2. 2.1. Chức năng thông khí của phổi (CNTKP)

2.2.2. Chức năng vận chuyển và trao đổi khí của máu

2.2.3. Điều hoà chức năng hô hấp

Bài 4: Sinh lý hệ tiêu hóa

01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được hoạt động cơ học và sự bài tiết dịch ở miệng và thực quản

1.2. Trình bày được hoạt động cơ học, sự bài tiết dịch vị và sự hấp thu ở dạ dày

1.3. Trình bày được hoạt động cơ học, sự bài tiết dịch và sự hấp thu ở ruột non

1.4. Trình bày được hoạt động cơ học, sự bài tiết dịch, hoạt động của vi sinh vật và sự hấp thu ở ruột già

1.5. Trình bày được 4 chức năng sinh lý của gan

2. Nội dung:

2.1. Đại cương sinh lý tiêu hóa

2.2. Tiêu hóa ở miệng và thực quản

2.2.1. Hoạt động cơ học

2.2.2. Bài tiết nước bọt

2.3. Tiêu hóa ở dạ dày

2.3.1. Hiện tượng cơ học của dạ dày

2.3.2. Hoạt động bài tiết dịch vị

2.3.1. Sự hấp thu của dạ dày

2.4. Tiêu hóa ở ruột non

2.4.1. Hoạt động cơ học của ruột non

2.4.2. Hoạt động bài tiết dịch

2.4.3. Hoạt động hấp thu ở ruột non

2.5. Tiêu hóa ở ruột già

2.5.1. Hoạt động bài tiết ở ruột già

2.5.2. Hoạt động của hệ vi sinh vật ở ruột già

2.5.3. Hấp thu ở ruột già

2.5.4. Hoạt động cơ học ở ruột già

2.6. Sinh lý gan

2.6.1. Chức năng chuyển hóa của gan

2.6.2. Chức năng chống độc của gan

2.6.3. Chức năng dự trữ của gan

2.6.4. Chức năng sản xuất và bài tiết mật

Bài 5: Sinh lý hệ tiết niệu - Sinh dục

01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các cơ chế tạo thành nước tiểu

1.2. Trình bày được cơ chế bài xuất nước tiểu và Trình bày được một số ứng dụng trong lâm sàng về sử dụng thuốc lợi tiểu và chạy thận nhân tạo.

1.3. Trình bày được chức năng nội tiết và ngoại tiết của tinh hoàn, Trình bày được chức năng của túi tinh, tuyến tiền liệt và đặc điểm của tinh dịch

1.4. Trình bày được chức năng nội tiết và ngoại tiết của buồng trứng

2. Nội dung:

2.1. Sinh lí tiết niệu

2.1. 1. Chức năng tạo nước tiểu của thận

2.1.2. Sự bài xuất nước tiểu và một số ứng dụng lâm sàng

2.2. Sinh lí sinh dục

2.2.1. Sinh lí sinh dục nam

2.1.1.1. Chức năng của tinh hoàn

2.1.1.2. Chức năng của túi tinh

2.1.1.3. Chức năng của tuyến tiền liệt

2.1.1.4. Tinh dịch

2.2.2. Sinh lí sinh dục nữ

2.2.2.1. Các hormon của buồng trứng

2.2.2.2. Chu kỳ kinh nguyệt

Bài 6: Sinh lí hệ thần kinh

01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được chức năng cảm giác thân và cảm giác giác quan

1.2. Trình bày được chức năng vận động của tủy sống, thân não, gian não, tiểu não và vỏ não.

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm sinh lí chức năng cảm giác của hệ thần kinh

2.1.1. Sinh lí Receptor

2.1.2. Cảm giác thân thể

2.1.3. Cảm giác giác quan

2.2. Đặc điểm sinh lí hệ thần kinh vận động

2.2.1. Sinh lí vận động của tủy sống

2.2.2. Sinh lí vận động của thân não

2.2.3. Sinh lí tiểu não

2.2.4. Sinh lí não trung gian (gian não)

2.2.5. Chức năng vận động của vỏ não

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 7: Định thời gian máu đông, máu chảy - Xác định nhóm máu hệ ABO;

03 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định thời gian máu đông, máu chảy, định nhóm máu hệ ABO.

1.2. Thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật tiến hành định thời gian máu đông, máu chảy, định nhóm máu hệ ABO.

1.3. Nhận định chính xác thời gian máu đông, máu chảy, định nhóm máu hệ ABO đối với từng người bệnh.

2. Nội dung:

A. Kỹ thuật máu đông, máu chảy

1. Nguyên tắc
2. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất
3. Chuẩn bị người bệnh
4. Tiến hành kỹ thuật
5. Nhận định kết quả

B. Kỹ thuật định nhóm máu hệ ABO

1. Nguyên tắc
2. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất
3. Chuẩn bị người bệnh
4. Tiến hành kỹ thuật
5. Nhận định kết quả

Bài 8: Định công thức bạch cầu, định lượng Hb, Chẩn đoán có thai bằng phương pháp sinh học

03 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định công thức bạch cầu, định lượng Hb, Chẩn đoán có thai bằng phương pháp sinh học

1.2. Thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật tiến hành định công thức bạch cầu, định lượng Hb, Chẩn đoán có thai bằng phương pháp sinh học

1.3. Nhận định chính xác kết quả định công thức bạch cầu, định lượng Hb, Chẩn đoán có thai bằng phương pháp sinh học

2. Nội dung:

A. Định công thức bạch cầu, định lượng Hb

- 2.1. Nguyên tắc
- 2.2. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Tiến hành kỹ thuật

2.5. Nhận định kết quả

B. Chẩn đoán có thai bằng phương pháp sinh học

2.1. Nguyên tắc

2.2. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Tiến hành kỹ thuật

2.5. Nhận định kết quả.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn giải phẫu/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết và phòng thực hành

2. Trang thiết bị máy móc: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn, mô hình, tranh vẽ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên

4. Các điều kiện khác: Bảo đảm an toàn vệ sinh phòng học

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, sinh viên cần đạt các yêu cầu:

+ Hệ thống các kiến thức về giải phẫu đại cương

+ Trình bày được đặc điểm, hình thể cấu tạo của các hệ cơ quan trong cơ thể

+ Chỉ được trên mô hình và tranh vẽ các hệ cơ quan và liên hệ các cơ quan bộ phận với thực tế lâm sàng.

- Kỹ năng: Đánh giá thông qua các bài tập thảo luận mà SV hoặc nhóm SV trình bày.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập SV cần:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy Môn học như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 40 phút

- Kiểm tra kết thúc thực hành: 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Thực hiện trên mô hình

+ Phương pháp: Chạy trạm

+ Công cụ: Mô hình, bảng kiểm, thang điểm

+ Thời gian: 40 phút

- Thi kết thúc Môn học lý thuyết: 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc Môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ phân lý thuyết và kết thúc thực hành tại trường (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc Môn học lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình này áp dụng cho sinh viên cao đẳng Điều dưỡng liên thông tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

*** Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

*** Thực hành tại trường**

Sinh viên thực hành tại phòng thực hành Giải phẫu của Trường. Trong mỗi buổi học, sinh viên được hướng dẫn ban đầu trên mô hình, tranh vẽ, bảng phân...; tự học thực hành đến thành thạo các chi tiết Giải phẫu dưới sự giám sát của giảng viên hướng dẫn thực hành.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học Môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia đủ 100% số tiết thực hành tại trường;

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ;

- Tham dự thi kết thúc Môn học lý thuyết và thực hành;

- Điểm kiểm tra kết thúc thực hành trên ≥ 5 ;

- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5 ;

- Chủ động tổ chức thực hiện 45 giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những mốc giải phẫu quan trọng trên cơ thể người và các ứng dụng lâm sàng.

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Nguyễn Tất Tuấn, Lê Văn Huân, Lê Nữ Vân Thắng, (2025), Bài giảng Giải phẫu sinh lý học (Tài liệu hành nội bộ), Khoa kỹ thuật Y học- Y học cơ sở- Y học cộng đồng, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

4.2. Bài giảng Giải phẫu học, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, (2002), Tập I, II. Nhà xuất bản Y học.

- 4.3. Bộ môn Sinh lý học , (2000), Sinh lí học tập I,II, Nhà xuất bản y học.
- 4.4. Bộ môn Sinh lý học , (2000), Sinh lí học tập I, Nhà xuất bản y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HÓA SINH

Mã số môn học: MH 12

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Thuộc khối kiến thức cơ sở ngành

Được bố trí sau khi sinh viên học xong môn Hóa học, Giải phẫu – Sinh lý, dành cho đối tượng Cao đẳng Điều dưỡng liên thông vừa làm vừa học

2. Tính chất:

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo và quá trình chuyển hóa của các chất hữu cơ diễn ra trong cơ thể người và các bệnh lý gây ra do rối loạn quá trình chuyển hóa các chất đó. Mối liên quan giữa các quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể người. Một số phương pháp xét nghiệm máu, nước tiểu, các dịch cơ thể.

II. Mục tiêu môn học:

1. Kiến thức:

1.1. Trình bày được quá trình chuyển hóa của các chất hữu cơ diễn ra trong cơ thể người.

1.2. Trình bày được rối loạn chuyển hóa của các chất hữu cơ trong cơ thể.

1.3. Giải thích được các bệnh lý liên quan đến rối loạn chuyển hóa các chất trong cơ thể người.

1.4. Trình bày được mối liên quan của các chuyển hóa các chất hữu cơ trong cơ thể người

1.5. Phân tích được ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh trong đánh giá các rối loạn chuyển hóa các chất.

2. Kỹ năng:

2.1. Làm được 1 số xét nghiệm máu nước tiểu, các dịch cơ thể

2.2. Nhận định và phân tích được các kết quả xét nghiệm máu nước tiểu, các dịch cơ thể chính xác.

2.3. Vận dụng được các kiến thức hóa sinh để giải thích các thông số bất thường trong máu, nước tiểu, các dịch cơ thể

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Thể hiện thái độ tỉ mỉ, gọn gàng, cẩn thận, nghiêm túc, trung thực, chính xác, khách quan khi tiến hành các xét nghiệm hoá sinh.

3.2. Thể hiện ý thức trách nhiệm trong công tác thực hành xét nghiệm và chuyên môn

3.3. Thể hiện được sự cảm thông, chia sẻ khi bệnh nhân

3.4. Nhận thức đúng vai trò của môn hóa sinh đối với chương trình đào tạo và thực hành nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

A. LÍ THUYẾT

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Đại cương hóa sinh	02	02		
2	Cấu tạo hóa học và chuyển hoá lipid	02	02		
3	Cấu tạo hóa học và chuyển hoá glucid	02	02		
4	Cấu tạo hóa học và chuyển hoá protid	02	02		
5	Hoá sinh thận, nước tiểu	02	02		
6	Hoá sinh gan	02	02		
7	Hoá sinh máu và dịch sinh vật	02	02		
8	Kiểm tra	01			01
	Tổng	15	14	0	1

B. THỰC HÀNH

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	An toàn trong phòng thí nghiệm	03		03	0
2	Cách sử dụng và bảo quản dụng cụ trong phòng thí nghiệm	03		03	0
3	Cách lấy và bảo quản bệnh phẩm trong hóa sinh	03		03	0
4	Định lượng cholesterol máu	03		03	0
5	Định lượng triglycerid	03		03	0
6	Định lượng SGOT	03		03	0
7	Định lượng SGPT	03		03	0
8	Định lượng glucose máu	03		03	0
9	Xét nghiệm nước tiểu	03		03	0
10	Kiểm tra	03			03
	Tổng	30		27	03

2. Nội dung chi tiết:

A. LÍ THUYẾT

Bài 1: Đại cương hóa sinh

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm và vai trò của hoá sinh trong y học
- 1.2. Trình bày được các thành phần hoá học cấu tạo nên cơ thể sống

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa, nội dung môn học
- 2.2. Vai trò của hóa sinh trong y học
- 2.3. Thành phần hóa học cấu tạo cơ thể.

Bài 2: Cấu tạo hóa học và chuyển hóa lipid

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, vai trò của lipid đối với cơ thể.
- 1.2. Trình bày được các thành phần cấu tạo của lipid.
- 1.3. Trình bày được quá trình tiêu hoá và hấp thu lipid ở đường tiêu hoá.
- 1.4. Trình bày được các rối loạn chuyển hoá lipid.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo hóa học Lipid

- 2.1.1. Định nghĩa, phân loại, vai trò của lipid
- 2.1.2. Thành phần cấu tạo của lipid
- 2.1.3. Một số lipid quan trọng

2.2. Chuyển hóa Lipid

- 2.2.1. Tiêu hoá và hấp thu lipid
- 2.2.2. Thoái hoá lipid ở tế bào
- 2.2.3. Tổng hợp lipid
- 2.2.4. Rối loạn chuyển hóa lipid

Bài 3: Cấu tạo hóa học và chuyển hóa glucid

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, vai trò của glucid
- 1.2. Trình bày được cấu tạo và một số tính chất của monosaccarid
- 1.3. Trình bày được cấu tạo, nguồn gốc của oligosaccarid và polysaccarid.
- 1.4. Diễn tả được quá trình tiêu hóa, hấp thu glucid
- 1.5. Trình bày được sự thoái hóa glucid ở tế bào và mô
- 1.6. Trình bày đầy đủ về sự tổng hợp glucid ở tế bào và mô
- 1.7. Trình bày được sự rối loạn chuyển hóa glucid

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo hóa học

- 2.1.1. Định nghĩa, phân loại, vai trò của glucid
- 2.1.2. Monosaccarid.
- 2.1.3. Oligosaccarid
- 2.1.4. Polysaccarid

2.2. Chuyển hóa Glucid

- 2.2.1. Sự tiêu hoá và hấp thu Glucid
- 2.2.2. Sự thoái hoá glucid ở tế bào và mô

2.2.3. Quá trình tổng hợp glucid

Bài 4: Cấu tạo hóa học và chuyển hóa protid

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại protid.
- 1.2. Trình bày được cấu tạo, tính chất của acid amin
- 1.3. Trình bày được cấu trúc, vai trò và tính chất của protein
- 1.4. Trình bày được quá trình thoái hoá chung của acid amin.
- 1.5. Trình bày được quá trình sinh tổng hợp acid amin
- 1.6. Trình bày được quá trình sinh tổng hợp protein

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo hóa học

- 2.1.1. Định nghĩa, phân loại protid
- 2.1.2. Acid amin
- 2.1.3. Peptid
- 2.1.4. Protein

2.2. Chuyển hóa Protid

- 2.2.1. Sự thoái hoá protein thành acid amin
- 2.2.2. Thoái hoá acid amin
- 2.2.3. Quá trình tổng hợp protein

Chương 5: Hóa sinh thận và nước tiểu

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các chức phận hoá sinh của thận.
- 1.2. Trình bày đầy đủ tính chất lý hoá, thành phần hoá học bình thường và bất thường của nước tiểu.

- 1.3. Sử dụng được máy phân tích nước tiểu tự động

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Chức phận bài tiết
- 2.3. Chức phận chuyển hóa
- 2.4. Vai trò của thận trong thăng bằng acid-base
- 2.5. Chức phận nội tiết
- 2.6. Nước tiểu

Bài 6: Hóa sinh gan

02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày đầy đủ thành phần hoá học và các chức phận hoá sinh của gan.

1.2. Trình bày được các xét nghiệm thường làm để thăm dò chức năng gan.

2. Nội dung

2.1. Thành phần hóa học của gan

2.2. Chức năng sinh hóa của gan

2.3. Các xét nghiệm đánh giá chức năng gan

Chương 7: Hóa sinh máu và các dịch sinh vật

02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày đầy đủ vai trò và tính chất lý hoá của máu.

1.2. Trình bày được chỉ số pH và hệ đệm của máu

1.3. Kể được các thành phần hoá học của máu và các chỉ số sinh lý của các thành phần đó.

1.4. Trình bày được tính chất chung và thành phần hoá học của các dịch sinh vật.

1.5. Trình bày đúng hiện tượng tràn dịch và phân biệt được sự khác nhau của dịch thẩm và dịch tiết.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của máu

2.2. Tính chất lý hoá của máu

2.3. pH và hệ đệm của máu

2.5. Dịch vị

2.6. Dịch não tủy

2.7. Dịch tụy

B. THỰC HÀNH

Bài 1: An toàn trong phòng thí nghiệm

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc tạo nên một phòng thí nghiệm an toàn.

1.2. Hiểu được về an toàn đối với trang thiết bị, hóa chất, sinh học, chất phóng xạ và đối với các chất cháy, nổ.

1.3. Tổ chức sắp xếp các hóa chất, thiết bị và sử dụng các trang thiết bị cá nhân để đề phòng và xử lý các sự cố xảy ra.

2. Nội dung

- 2.1. Nhận thức về an toàn đối với người làm thí nghiệm
- 2.2. An toàn về sử dụng thiết bị
- 2.3. An toàn về sinh học
- 2.4. An toàn về sử dụng hóa chất
- 2.5. An toàn về phòng, chống cháy

Bài 2: Cách sử dụng và bảo quản dụng cụ trong phòng thí nghiệm 03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Thực hiện đúng quy trình sử dụng những dụng cụ thông thường trong phòng thí nghiệm Hóa sinh.
- 1.2. Biết cách bảo quản các dụng cụ trong phòng thí nghiệm

2. Nội dung

- 2.1. Dụng cụ đo lường
- 2.2. Dụng cụ không để đo lường
- 2.3. Bảo quản dụng cụ thủy tinh

Bài 3: Cách lấy và bảo quản bệnh phẩm trong sinh hóa 03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Lấy được bệnh phẩm của bệnh nhân (máu, huyết thanh, huyết tương và nước tiểu) một cách chính xác để làm xét nghiệm.
- 1.2. Bảo quản đúng các mẫu bệnh phẩm để làm xét nghiệm.

2. Nội dung

- 2.1. Lấy và bảo quản mẫu máu
- 2.2. Lấy và bảo quản nước tiểu
- 2.3. Lấy và bảo quản một số dịch khác

Bài 4: Định lượng Cholesterol máu 03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định lượng Cholesterol máu
- 1.2. Tiến hành thao tác định lượng Cholesterol máu đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

- 2.1. Chuẩn bị
- 2.2. Tiến hành
- 2.3. Nhận định kết quả

Bài 5: Định lượng Triglycerid 03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định lượng Triglycerid máu

1.2. Tiến hành thao tác định lượng Triglycerid máu đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị

2.2. Tiến hành

2.3. Nhận định kết quả

Bài 6: Định lượng SGOT

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định lượng SGOT máu

1.2. Tiến hành thao tác định lượng SGOT máu đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị

2.2. Tiến hành

2.3. Nhận định kết quả

Bài 7: Định lượng SGPT

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định lượng SGPT máu

1.2. Tiến hành thao tác định lượng SGPT máu đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị

2.2. Tiến hành

2.3. Nhận định kết quả

Bài 8: Định lượng Glucose máu

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định lượng Glucose máu

1.2. Tiến hành thao tác định lượng Glucose máu đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị

2.2. Tiến hành

2.3. Nhận định kết quả

Bài 9: Xét nghiệm nước tiểu toàn phần

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Vận hành được máy phân tích nước tiểu tự động

1.2. Biết cách đọc các chỉ số trên bảng kết quả in tự động

2. Nội dung

Phương pháp xác định thành phần của nước tiểu bằng máy phân tích nước tiểu tự động.

2.1. Nguyên tắc hoạt động của máy phân tích nước tiểu tự động

2.2. Cách sử dụng máy phân tích nước tiểu tự động

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành đảm bảo đúng quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu projector, máy li tâm, máy Sinh hóa tự động, máy xét nghiệm nước tiểu tự động, tủ bảo quản hóa chất, bộ micropipet

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo, dụng cụ, trang thiết bị, hóa chất dùng trong thực hành thí nghiệm.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia dự lớp: Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết trên lớp; 100% các buổi thực hành.
- + Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.
- + Có vở tự học và vở ghi chép bài trên lớp
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp đánh giá:

+ Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

Hình thức: Kiểm tra viết

Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học:**

01 bài thi kết thúc Môn học: hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính, thời gian thi 40 phút.

Điểm thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10).

Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/ QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	40%
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	
+ Điểm thi kết thúc Môn học	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Hóa sinh này được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên Cao đẳng Điều dưỡng liên thông trong trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đây là môn học gắn liền với thực tế trong cận lâm sàng để giúp thầy thuốc chẩn đoán bệnh vì vậy cần tăng cường thảo luận, luyện tập tình huống nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên: Nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên

2.2. Đối với người học:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học Môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% tổng số giờ lý thuyết. Nếu vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự 100% các buổi thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc Môn học lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Lí thuyết: Chương 2,3,4,5,6,7 là những chương sát thực nhất đối với người học.

Thực hành: Chương 4,5,6,7,8,9 là những chương sát thực nhất đối với người học.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh (2025), Bài giảng Hóa sinh, tài liệu lưu hành nội bộ
2. Trường ĐH Y Hà Nội (2018), Hóa sinh, Sách đào tạo bác sĩ đa khoa, NXB Y học
3. Trường ĐH Y Hà Nội (2018), Hóa sinh lâm sàng, NXB Y học

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: VI SINH VẬT - KÝ SINH TRÙNG

Mã số môn học: MH 13

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Là môn học bắt buộc thuộc các môn học cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 2 năm thứ nhất sau khi Sinh viên học xong các môn chung, dùng cho đối tượng Cao đẳng Điều dưỡng chính quy.

2. Tính chất

Đây là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vi khuẩn, virus, ký sinh trùng, mối tương quan giữa vi sinh vật – Ký sinh trùng với cơ thể, môi trường, các phương pháp chẩn đoán bệnh do Vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được các đặc điểm cơ bản của Vi sinh – Ký sinh y học

1.2. Trình bày được mối liên quan giữa vi sinh vật – Ký sinh trùng với cơ thể. Chẩn đoán được một số vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh thường và nguyên tắc phòng bệnh.

1.3. Trình bày được các phương pháp vô trùng và tiệt trùng, lấy được một số bệnh phẩm thường gặp.

2. Về kỹ năng

2.1. Thực hiện được đúng kỹ thuật lấy bệnh phẩm, soi tươi, nhuộm soi để chẩn đoán vi sinh vật, ký sinh trùng trên bệnh phẩm.

2.2. Nhận định được kết quả chính xác trên tiêu bản mẫu cũng như trên bệnh phẩm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức đúng vai trò của môn vi sinh - ký sinh đối với chương trình Đào tạo và thực hành nghề nghiệp.

3.2. Có thái độ nghiêm túc, chuẩn bị đầy đủ bài trước khi lên lớp.

3.3. Thao tác cẩn thận, đảm bảo an toàn sinh học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

A. Lí thuyết

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Hình thể cấu tạo và sinh lý vi khuẩn, Kháng nguyên - Kháng thể	02	02	0	0
2	Chương 2: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp	04	04	0	0
3	Chương 3: Đại cương về virus. Các virus gây bệnh thường gặp	04	04		
4	Chương 4: Đại cương về các loại kí sinh trùng gây bệnh thường gặp	05	04	0	01
	Tổng	15	14		01

B. Thực hành

Số	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)
----	-----------------	-----------------

TT		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ thuật sử dụng kính hiển vi quang học	03	0	03	0
2	Bài 2: Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh vật.	03	0	03	0
3	Bài 3: Kỹ thuật nhuộm Gram	03	0	03	0
4	Bài 4: Kỹ thuật nhuộm Ziehl - Neelsen	03	0	03	0
5	Bài 5: Kỹ thuật kháng sinh đồ	03	0	03	0
6	Bài 6: Các phương pháp pháp chẩn đoán huyết thanh bệnh nhiễm virus	03	0	03	0
7	Bài 7: Quan sát trứng giun sán thường gặp	03	0	03	0
8	Bài 8: Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp	03	0	03	0
9	Bài 9: Kỹ thuật xét nghiệm phân phong phú	03	0	03	0
10	Kiểm tra thực hành	03			03
	Tổng	30	0	27	03

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Hình thể cấu tạo và sinh lý vi khuẩn. Kháng nguyên - Kháng thể;

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. *Trình bày định nghĩa và tính chất chung của virus.*
- 1.2. *Mô tả cấu trúc của virus, giải thích các giai đoạn nhân lên của virus và hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào.*
- 1.3. *Nêu các phương pháp chẩn đoán virus bằng xét nghiệm.*
- 1.4. *Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.*
- 1.5. *Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập*

2. Nội dung

2. 1. Hình thể cấu tạo
 - 2.1.1. Hình thể
 - 2.1.2. Cấu trúc
 - 2.1.3. Sinh lý của vi khuẩn
- 2.2. Vi sinh vật trong tự nhiên và trên cơ thể người
 - 2.2.1. Vi sinh vật trong tự nhiên
 - 2.2.2. Vi sinh vật trên cơ thể người
- 2.3. Đại cương miễn dịch vi sinh vật
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Kháng nguyên
 - 2.3.3. Kháng thể
 - 2.3.4. Các loại miễn dịch
 - 2.3.5. Các hệ thống miễn dịch của cơ thể
4. Vaccin và huyết thanh
 - 2.4.1. Vaccin
 - 2.4.2. Huyết thanh miễn dịch

Chương 2: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp;

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. *Trình bày đặc điểm sinh vật học và khả năng gây bệnh của Trùng khuẩn lao.*
- 1.2. *Nêu các phương pháp chẩn đoán vi khuẩn học Trùng khuẩn lao.*
- 1.3. *Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.*
- 1.4. *Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập.*

2. Nội dung

- 2.1. Tụ cầu
- 2.2. Liên cầu
- 2.3. Lậu cầu
- 2.4. Trục khuẩn lao
- 2.5. Trục khuẩn mủ xanh
- 2.6. Xoắn khuẩn giang mai
- 2.7. Trục khuẩn uốn ván
- 2.8. Trục khuẩn thương hàn
- 2.9. Trục khuẩn lỵ
- 2.10. Phẩy khuẩn tả
- 2.11. Helicobacter Pylori (vi khuẩn gây viêm dạ dày)

Chương 3: Đại cương về virus - Các virus gây bệnh thường gặp; 05 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa và tính chất chung của virus.*
- 1.2. Mô tả cấu trúc của virus, giải thích các giai đoạn nhân lên của virus và hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào.*
- 1.3. Nêu các phương pháp chẩn đoán virus bằng xét nghiệm.*
- 1.4. Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.*
- 1.5. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập.*

2. Nội dung

2.1. Đại cương virus

- 2.1.1. Định nghĩa virus
- 2.1.2. Tính chất của virus
- 2.1.3. Sự nhân lên của virus
- 2.1.4. Hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào
- 2.1.5. Các phương pháp chẩn đoán virus

2.2.. Các Virus gây bệnh thường gặp

- 2.2.1. Virus Cúm
- 2.2.2. Virus Bại liệt
- 2.2.3. Virus Đại
- 2.2.4. Các virus viêm gan
- 2.2.5. Virus viêm não Nhật Bản
- 2.2.6. Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người (HIV)

Chương 4: Đại cương về ký sinh trùng - Các ký sinh trùng gây bệnh thường gặp; 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Định nghĩa được ký sinh vật, vật chủ và chu kỳ. Mô tả các loại chu kỳ của ký sinh vật.*
- 1.2. Định nghĩa được chu kỳ của ký sinh vật, mô tả được các loại chu kỳ của ký sinh vật.*
- 1.3. Mô tả đặc điểm sinh sản của ký sinh vật.*
- 1.4. Nêu được nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh vật.*
- 1.5. Mô tả được hình thể, vẽ và mô tả được hình thể trùng các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.*
- 1.6. Trình bày được đặc điểm sinh thái của các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.*
- 1.7. Nêu được tác hại, các phương pháp chẩn đoán bệnh các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp bằng phương pháp xét nghiệm.*
- 1.8. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và các biện pháp phòng bệnh các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.*
- 1.9. Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.*
- 1.10. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập.*

2. Nội dung

2.1. ĐẠI CƯƠNG KÝ SINH TRÙNG Y HỌC

- 2.1.1. Ký sinh vật, vật chủ và chu kỳ của ký sinh vật
- 2.1.2. Đặc điểm sinh sản
- 2.1.3. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống
- 2.1.4. Phân loại

2.2. MỘT SỐ KÝ SINH TRÙNG GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP

- 2.2.1. Giun đũa
- 2.2.2. Giun móc
- 2.2.3. Giun tóc
- 2.2.4. Giun kim
- 2.2.5. Giun chỉ bạch huyết
- 2.2.6. Sán lá gan nhỏ
- 2.2.7. Sán dây Lợn
- 2.2.8. Sán dây Bò
- 2.2.9. Amip gây bệnh
- 2.2.10. Ký sinh trùng sốt rét
- 2.2.11. Trùng roi

B. THỰC HÀNH

Bài 1: Kỹ thuật sử dụng kính hiển vi quang học

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các bộ phận trên kính hiển vi*
- 1.2. Thực hiện đúng các thao tác tìm vi trường.*
- 1.3. Soi được kính hiển vi đúng quy trình.*
- 1.4. Thực hiện đúng việc lau vật kính dầu và điều chỉnh các bộ phận của kính hiển vi về tư thế hợp lí sau khi sử dụng.*
- 1.5. Vận dụng kiến thức trong bài học soi và bảo quản kính hiển vi có hiệu quả.*
- 1.6. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.*

2. Nội dung

- 2.1. Cấu tạo của kính hiển vi quang học
- 2.2. Cách sử dụng kính hiển vi quang học
- 2.3. Bảo quản kính hiển vi quang học

Bài 2: Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh vật

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được nguyên tắc chung của kỹ thuật lấy bệnh phẩm*
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ, hóa chất và lấy được một số bệnh phẩm thông thường.*
- 1.3. Vận dụng được kiến thức trong bài học lấy được và hướng dẫn cho bệnh nhân lấy được các loại bệnh phẩm.*
- 1.4. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.*

2. Nội dung

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Nguyên tắc chung
- 2.3. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất
- 2.4. Các kỹ thuật lấy bệnh phẩm

Bài 3: Kỹ thuật nhuộm Gram

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành nhuộm Gram*
- 1.2. Tiến hành thao tác nhuộm Gram đúng quy trình kỹ thuật.*
- 1.3. Nhận định chính xác kết quả đã làm.*
- 1.4. Vận dụng kiến thức trong bài học nhuộm một tiêu bản đạt yêu cầu.*
- 1.5. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.*
- 1.6. Tác phong sạch gọn, vô khuẩn.*

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên lý
- 2.2. Chuẩn bị phương tiện
- 2.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Nhận định kết quả
- 2.5. Các sai phạm thường gặp và cách khắc phục

Bài 4: Kỹ thuật nhuộm Ziehl - Neelsen 03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành nhuộm Ziehl Neelsen
- 1.2. Tiến hành thao tác nhuộm Ziehl Neelsen đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.3. Nhận định chính xác kết quả đã làm.
- 1.4. Vận dụng kiến thức trong bài học nhuộm được tiêu bản đạt yêu cầu.
- 1.5. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.
- 1.6. Tác phong sạch gọn, vô khuẩn.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên lý
- 2.2. Chuẩn bị phương tiện
- 2.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Nhận định kết quả
- 2.5. Các sai phạm thường gặp và cách khắc phục

Bài 5: Kỹ thuật kháng sinh đồ 03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa kháng sinh đồ.
- 1.2. Nêu được nguyên lý và mục đích của kháng sinh đồ theo kỹ thuật khoan giấy khuếch tán để ứng dụng trong điều trị.
- 1.3. Tiến hành làm kháng sinh đồ đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.4. Đọc kết quả kháng sinh đồ chính xác.
- 1.5. Vận dụng kiến thức trong bài học làm và đọc tốt kết quả kháng sinh đồ trên bệnh phẩm của người bệnh.
- 1.6. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.
- 1.7. Tác phong sạch, gọn, vô khuẩn.

2. Nội dung

- 1.1. Định nghĩa
- 1.2. Nguyên lý, mục đích
- 1.3. Chuẩn bị phương tiện
- 1.4. Quy trình kỹ thuật kháng sinh đồ

1.5. Đọc, đánh giá kết quả và ứng dụng

Bài 6: Các phương pháp pháp chẩn đoán huyết thanh bệnh nhiễm virus; 03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên lý của các phản ứng huyết thanh tìm virus.

1.2. Tiến hành một số phản ứng tìm kháng thể trong huyết thanh chẩn đoán HIV và kháng nguyên HBsAg.

1.3. Vận dụng kiến thức trong bài ứng dụng làm được các test nhanh chẩn đoán các virus gây bệnh thường gặp.

1.4. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

2. Nội dung

2.1 Chẩn đoán virus HIV

2.2. Chẩn đoán Virus viêm gan B

Bài 7: Quan sát trứng giun sán thường gặp; 03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nhận dạng được chính xác hình thể một số trứng giun, sán thường gặp.

1.2. Vận dụng kiến thức trong bài học soi và bảo trả lời chính xác kết quả xét nghiệm tìm trứng giun sán trên tiêu bản mẫu.

1.3. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị

2.2. Hình dạng các trứng giun sán

2.3. Quan sát tiêu bản mẫu dưới kính hiển vi

Bài 8: Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp; 03 giờ

1. Nội dung

1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, hóa chất, bệnh phẩm.

1.2. Làm được xét nghiệm phân trực tiếp đúng quy trình kỹ thuật.

1.3. Vận dụng được kiến thức trong bài học làm được xét nghiệm phân trực tiếp trên bệnh phẩm của bệnh nhân.

1.4. Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Nguyên lý

2.2. Chuẩn bị phương tiện

2.3. Quy trình kỹ thuật

2.4. Nhận định kết quả

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, hóa chất, bệnh phẩm.
- 1.2. Làm được xét nghiệm phân trực tiếp đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.3. Vận dụng được kiến thức trong bài học làm được xét nghiệm phân phong phú trên bệnh phẩm của bệnh nhân.
- 1.4. Có thái độ nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên lý
- 2.2. Chuẩn bị phương tiện
- 2.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Nhận định kết quả

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
2. Phòng thực hành:
 - 2.1. Các trang thiết bị cơ bản:
 - Tủ an toàn sinh học
 - Máy ly tâm
 - Máy lắc
 - Tủ sấy
 - Tủ ẩm
 - Tủ lạnh
 - Kính hiển vi
 - Máy đo độ đục chuẩn
 - 2.2. Dụng cụ:
 - khay inox
 - Que cấy
 - Đèn cồn
 - Giá ống nghiệm, ống nghiệm
 - Dụng cụ chứa mẫu
 - Tăm bông vô khuẩn
 - Lam kính
 - Đĩa nuôi cấy
 - 2.3. Hóa chất sinh phẩm:
 - Test nhanh sắc kí miễn dịch
 - Khoanh giấy kháng sinh

- Kháng huyết thanh mẫu
 - Hóa chất sát khuẩn
 - Môi trường nuôi cấy, phân lập, xác định tính chất sinh vật hóa học: Môi trường pepton kềm, môi trường canh thang, môi trường thạch máu, môi trường Macconkey, môi trường Mullerhinton...
 - Hóa chất nhuộm: Zieln-Neelsen, nhuộm Gram
 - Khoanh giấy kháng sinh đồ
 - Kháng nguyên làm phản ứng Widal
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.
4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Thể hiện thái độ tích cực, cẩn trọng khi thao tác với các loại hóa chất, môi trường nuôi cấy và vi khuẩn
 - + Thao tác gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo an toàn sinh học

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết hoặc vấn đáp
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: Dưới 30 phút
- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút
- **Kiểm tra định kỳ thực hành:** 1 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Thực hiện kỹ thuật
 - + Công cụ: Dụng cụ, bảng kiểm, thang điểm
 - + Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc Môn học lý thuyết: 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với người học

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

*** Thực hành tại trường**

Sinh viên thực hành tại phòng thực hành Vi sinh- Ký sinh trùng của Trường. Trong mỗi buổi học, sinh viên được hướng dẫn ban đầu từng kỹ thuật, tự học thực hành đến thành thạo các kỹ thuật của buổi học dưới sự giám sát của giảng viên hướng dẫn thực hành.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết, 100% thời gian học thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$ theo thang điểm 10.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Sinh viên cần chú ý các nội dung trọng tâm như: cấu tạo của các loại vi khuẩn và kí sinh trùng lây bệnh thường gặp, các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản...

4. Tài liệu tham khảo

1. Đoàn Thị Nguyễn (2007), *Vi Sinh vật Y học*, NXB Y học.
2. Lã Thị Thanh Hỷ (2008), *Ký sinh trùng*, Nhà xuất bản y học.
3. Bộ y tế (2017), *Hướng dẫn thực hành kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản y học Hà Nội.
4. Bộ y tế (2014), *Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản y học Hà Nội.
5. Lê Huy Chính (2014), *Vi sinh vật y học*, Nhà xuất bản y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: SINH LÝ BỆNH

Mã môn học: MH 13

Thời gian môn học: 45 giờ, trong đó lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 27 giờ;
Kiểm tra thực hành: 04 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí

Thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng liên thông. Được bố trí học ở học kỳ 2 năm thứ nhất, học sau môn Hóa sinh, Giải phẫu - Sinh lý, Vật lý đại cương và Lý sinh.

2. Tính chất

Môn học Sinh lý bệnh cung cấp kiến thức cơ bản về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. Quan sát diễn biến của một số bệnh lý điển hình và cơ quan khi bị bệnh trên động vật thí nghiệm. Vận dụng kiến thức của học phần vào việc học tập các môn học chuyên ngành, chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- 1.1. Trình bày được các khái niệm và qui luật chung nhất về bệnh.
- 1.2. Trình bày được sự thay đổi chức năng của cơ thể, cơ quan, và tế bào khi chúng bị bệnh.
- 1.3. Trình bày được những kiến thức cơ bản về Sinh lý bệnh các cơ quan: Phát hiện và mô tả sự thay đổi trong các hoạt động tạo máu, hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá, chức năng gan, tiết niệu, khi các cơ quan này bị bệnh.
- 1.4. Vận dụng được những kiến thức đó học vào các môn Y học lâm sàng

2. Về kỹ năng

- 2.1. Giải thích cơ chế bệnh sinh của một số bệnh thường gặp.
- 2.2. Phân tích một số kết quả xét nghiệm và nghiệm pháp thăm dò.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Trung thực, khách quan, thận trọng, chính xác trong khi quan sát người bệnh, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

3.2. Áp dụng những kiến thức đã học vào: Tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin để có biện pháp chăm sóc người bệnh phù hợp.

3.3. Có tinh thần tôn trọng người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian lý thuyết 15 giờ

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái niệm về bệnh học	0.5	0.5	
2	Bài 2: Bệnh nguyên học	0.5	0.5	
3	Bài 3: Bệnh sinh học	1	1	
4	Bài 4: Rối loạn chuyển hoá nước, điện giải	1	1	
5	Bài 5: Rối loạn thăng bằng acid- base	1	1	
6	Bài 6: Rối loạn chuyển hoá Glucid	1	1	
7	Bài 7: Rối loạn chuyển hoá Protid	1	1	
8	Bài 8: Sinh lý bệnh quá trình viêm	1	1	
9	Bài 9: Sinh lý bệnh thân nhiệt và sốt	1	1	
10	Bài 10: Sinh lý bệnh cơ quan tạo máu	1	1	
11	Bài 11: Sinh lý bệnh tuần hoàn	1	1	
12	Bài 12: Sinh lý bệnh hô hấp	1	1	
13	Bài 13: Sinh lý bệnh tiêu hoá	1	1	
14	Bài 14: Sinh lý bệnh chức năng gan	1	1	
15	Bài 15: Sinh lý bệnh thận tiết niệu	1	1	
16	Kiểm tra			1
	Tổng số	15	14	1

1.2. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian thực hành 30 giờ:

Số T T	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhận định các loại bạch cầu	3	3	
2	Bài 2: Định công thức bạch cầu trong viêm	3	3	
3	Bài 3: Đo tốc độ máu lắng	3	3	
4	Bài 4: Đọc tiêu bản máu	6	6	
5	Bài 5: Phân tích huyết đồ	6	6	
6	Bài 6: Rối loạn hô hấp thực nghiệm	6	6	
7	Kiểm tra	3		3
	Tổng số	30	27	3

2. Nội dung chi tiết:

2.1. Nội dung chi tiết phân lý thuyết:

Bài 1. Khái niệm về bệnh học 0.5 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm chủ yếu về bệnh trước thế kỷ XX
- 1.2. Trình bày được những yếu tố liên quan đến bệnh.
- 1.3. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh
- 1.4. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Một số khái niệm trong lịch sử.
 - 2.1.1. Thời nguyên thủy.
 - 2.1.2. Thời các nền văn minh cổ đại
 - 2.1.3. Thời kỳ trung cổ và phục hưng.
 - 2.1.4. Thế kỷ XVIII-XIX
- 2.2. Quan niệm hiện nay về bệnh
 - 2.2.1. Những yếu tố liên quan.
 - 2.2.2. Định nghĩa bệnh
 - 2.2.3. Các khái niệm và thuật ngữ liên quan

Bài 2. Bệnh nguyên học 0.5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các ưu, nhược điểm của các thuyết bệnh nguyên trong quá khứ.

1.2. Trình bày được quan niệm hiện nay về bệnh nguyên.

1.3. Trình bày cách xếp loại các nguyên nhân gây bệnh.

1.4. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh

1.5. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Quan niệm trước đây về bệnh nguyên

2.2. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên

2.2. 1. Quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện gây bệnh

2.2.2. Quy luật nhân quả giữa nguyên nhân và điều kiện gây bệnh

2.3. Xếp loại các nguyên nhân gây bệnh

2.3.1. Nguyên nhân bên ngoài

2.3.2. Nguyên nhân bên trong.

Bài 3. Khái niệm về bệnh sinh 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được vai trò của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.

1.2. Trình bày được các yếu tố cơ thể ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh.

1.3. Trình bày diễn biến quá trình bệnh sinh.

1.4. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh

1.5. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Vai trò của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh

2.2.1. Vai trò của bệnh nguyên

2.2.2. Một số yếu tố bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh

2.3. Yếu tố cơ thể ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh

2.3.1. Yếu tố bên trong

2.3.2. Yếu tố bên ngoài

2.3.3. Diễn biến trong quá trình bệnh sinh

Bài 4. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày các yếu tố tham gia điều hòa nước và điện giải.
- 1.2. Nêu được 3 cách phân loại mất nước.
- 1.3. Trình bày được một số trường hợp mất nước thường gặp
- 1.4. Trình bày được các cơ chế gây phù.
- 1.5. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh
- 1.6. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.
- 2.3. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải.
 - 2.3.1. Rối loạn chuyển hóa nước
 - 2.3.2. Rối loạn chuyển hóa điện giải

Bài 5. Rối loạn thăng bằng Acid - Base 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được ý nghĩa và cơ chế điều hoà cân bằng acid- base
- 1.2. Trình bày rối loạn cân bằng acid- base.
- 1.3. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh
- 1.4. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Ý nghĩa của cân bằng acid- base
- 2.2. Các cơ chế điều hòa pH máu
 - 2.2.1. Vai trò của hệ đệm.
 - 2.2.2. Vai trò của hô hấp
 - 2.2.3. Vai trò của thận
- 2.3. Rối loạn cân bằng acid-base.
 - 2.3.1. Nhiễm acid.
 - 2.3.2. Nhiễm base

Bài 6. Rối loạn chuyển hóa Glucid 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được vai trò của nội tiết, thần kinh trong điều hòa glucid máu.
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của hạ glucid máu.

- 1.3.Trình bày được nguyên nhân, bệnh sinh của đái tháo đường typI, typII.
- 1.4.Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh
- 1.5.Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Điều hòa cân bằng glucose máu
 - 2.2.1. Vai trò của nội tiết
 - 2.2.2. Vai trò của thần kinh
- 2.3. Rối loạn chuyển hóa glucid
 - 2.3.1. Rối loạn glucose máu
 - 2.3.2. Đái tháo đường

Bài 7. Rối loạn chuyển hóa Protid 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1.Trình bày nguyên nhân và hậu quả của thay đổi số lượng protid huyết tương.
- 1.2. Giải thích cơ chế, hậu quả của thay đổi thành phần protid huyết tương.
- 1.3. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh
- 1.4. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Rối loạn chuyển hoá protid
 - 2.2.1. Rối loạn tổng hợp về lượng
 - 2.2.2. Rối loạn protid huyết tương
 - 2.2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất
 - 2.2.4. Rối loạn chuyển hoá acid nucleic

Bài 8. Sinh lý quá trình viêm 1giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
- 1.2. Phân tích được mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.
- 1.3. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh
- 1.4. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Nguyên nhân gây viêm

- 2.1.2. Phân loại viêm
- 2.2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm
 - 2.2.1.. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm
 - 2.2.2. Rối loạn chuyển hoá trong ổ viêm
 - 2.2.3 Tổn thương mô
 - 2.2.4. Tăng sinh tế bào
- 2.3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể
 - 2.3.1. Ảnh hưởng của cơ thể đối với ổ viêm
 - 2.3.2. Ảnh hưởng của phản ứng viêm với cơ thể
- 2. 4. Nguyên tắc xử trí ổ viêm

Bài 9. Sinh lý bệnh thân nhiệt và sốt 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của say nóng, say nắng, nhiễm lạnh.
- 1.2. Định nghĩa sốt, trình bày cơ chế các giai đoạn của phản ứng sốt.
- 1.3. Phân tích các thay đổi chức phận và ý nghĩa của phản ứng sốt.
- 1.4. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh
- 1.5. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Điều hòa thân nhiệt
- 2.2. Thay đổi thân nhiệt thụ động
 - 2.2.1. Giảm thân nhiệt
 - 2.2.2. Tăng thân nhiệt
- 2.3. Tăng thân nhiệt chủ động-sốt
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Các chất gây sốt
 - 2.3.3. Các giai đoạn của sốt
 - 2.3.4. Cơ chế sốt, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sốt
- 2.4. Thay đổi chuyển hóa trong sốt
- 2.5. Thay đổi các chức năng trong sốt
- 2.6. Ý nghĩa của phản ứng sốt

Bài 10. Sinh lý cơ quan tạo máu 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được cách xếp loại thiếu máu theo nguyên nhân cơ chế bệnh sinh

1.2. Trình bày các trường hợp tăng giảm bạch cầu

1.3. Trình bày đại cương về rối loạn tiểu cầu và đông máu.

1.4. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh

1.5. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

2.1. Rối loạn cấu tạo hồng cầu

2.1.1. Nhắc lại giải phẫu sinh lý hồng cầu.

2.1.2. Thiếu máu

2.2. Những hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu máu

2.3. Rối loạn cấu tạo bạch cầu

2.3.1. Rối loạn không ác tính

2.3.2. Rối loạn ác tính

2.4. Rối loạn cấu tạo tiểu cầu

Bài 11. Sinh lý bệnh tuần hoàn 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, và phân loại suy tim.

1.2. Trình bày các biện pháp thích nghi của tim.

1.3. Trình bày được cơ chế các biểu hiện chính của suy tim.

1.4. Trình bày cơ chế, hậu quả của bệnh tăng huyết áp, hạ huyết áp.

1.5. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh

1.6. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Suy tuần hoàn

2.2.1. Suy tuần hoàn (Suy tim)

2.2.2. Suy tuần hoàn do mạch

Bài 12. Sinh lý bệnh hô hấp 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế của rối loạn thông khí?

1.2. Trình bày cơ chế, hậu quả của rối loạn khuếch tán?

1.3. Trình bày phân loại, biểu hiện của suy hô hấp?

1.4. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh

1.5. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Rối loạn hô hấp

2.2.1. Rối loạn quá trình thông khí

2.2.2. Rối loạn quá trình khuếch tán

2.2.3. Rối loạn quá trình vận chuyển

2.4. Rối loạn quá trình hô hấp tế bào

2.3. Suy hô hấp

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Phân loại

2.3.3. Biểu hiện suy hô hấp

Bài 13. Sinh lý bệnh tiêu hóa 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày rối loạn co bóp và tiết dịch tại dạ dày

1.2. Trình bày cơ chế bệnh sinh loét dạ dày , tá tràng.

1.3. Trình bày cơ chế rối loạn co bóp tại ruột

1.4. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh

1.5. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

2.1. Đại cương về cấu tạo và chức năng cầu ống tiêu hóa

2.2. Rối loạn tiêu hóa tại dạ dày

2.2.1. Rối loạn co bóp

2.2.2. Rối loạn chức năng tiết dịch

2.2.3. Cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày, tá tràng.

2.3. Rối loạn tiêu hóa tại ruột

2.3.1. Rối loạn tiết dịch

2.3.2. Rối loạn co bóp

3.3. Rối loạn hấp thu tại ruột

Bài 14. Sinh lý bệnh chức năng gan 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày rối loạn chức năng chuyển hóa của gan.

1.2 . Trình bày rối loạn chức năng chống độc của gan.

1.3. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, đặc điểm của vàng da.

- 1.4. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, hậu quả rối loạn tuần hoàn gan.
- 1.5. Trình bày nguyên nhân và biểu hiện của suy gan mạn, hôn mê gan.
- 1.6. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh
- 1.7. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Rối loạn chức năng gan
 - 2.2.1. Rối loạn chức năng chuyển hóa
 - 2.2.2. Rối loạn chức năng chống độc
 - 2.2.3. Rối loạn chức năng cấu tạo và bài tiết mật
 - 2.2.4. Rối loạn tuần hoàn và chức năng tạo máu của gan
- 2.3. Suy gan
 - 2.3.1. Định nghĩa.
 - 2.3.2. Suy gan cấp.
 - 2.3.3. Suy gan mạn.
 - 2.3.4. Hôn mê gan

Bài 15. Sinh lý bệnh thận 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày sự thay đổi về số lượng và chất lượng nước tiểu trong một số bệnh thận.
- 1.2. Trình bày sự thay đổi về máu trong một số bệnh thận.
- 1.3. Trình bày được nguyên nhân và cơ chế của viêm cầu thận cấp, mạn.
- 1.4. Nêu được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của suy thận cấp, mạn.
- 1.5. Ứng dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh
- 1.6. Có thái độ tôn trọng người bệnh, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Nhắc lại giải phẫu và chức năng của thận.
- 2.2. Thay đổi ở nước tiểu và máu trong một số bệnh thận.
 - 2.2.1. Nước tiểu.
 - 2.2.2. Máu
- 2.3. Một số bệnh lý cầu thận và ống thận
 - 2.3.1. Viêm cầu thận cấp
 - 2.3.2. Viêm cầu thận mạn
 - 2.3.3. Viêm ống thận cấp

2.4. Suy thận

2.4.1. Suy thận cấp

2.4.2. Suy thận mạn

2.1. Nội dung chi tiết phần thực hành:

Bài 1. Nhận định các loại bạch cầu 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quy trình nhận định các loại bạch cầu

1.2. Chuẩn bị được trang thiết bị vật tư đầy đủ và vô khuẩn

1.3. Tiến hành nhận định được các loại bạch cầu

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2. Nội dung

2.1. Nhận định

2.2. Chuẩn bị dụng cụ, máy móc

2.3. Tiến hành nhận định các loại bạch cầu

2.4. Đánh giá

Bài 2. Định công thức bạch cầu trong viêm 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được quy trình định công thức bạch cầu trong viêm

1.2. Chuẩn bị được trang thiết bị vật tư đầy đủ và vô khuẩn

1.3. Tiến hành được định công thức bạch cầu trong viêm

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2. Nội dung:

2.1. Nhận định

2.2. Chuẩn bị dụng cụ, máy móc

2.3. Tiến hành định công thức bạch cầu trong viêm

2.4. Đánh giá

Bài 3. Đo tốc độ máu lắng 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quy trình đo tốc độ máu lắng

1.2. Chuẩn bị được trang thiết bị vật tư đầy đủ và vô khuẩn

1.3. Tiến hành đo được tốc độ máu lắng

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2.Nội dung:

- 2.1. Nhận định
- 2.2. Chuẩn bị dụng cụ, máy móc
- 2.3. Tiến hành đo tốc độ máu lắng
- 2.4. Đánh giá

Bài 4. Đọc tiêu bản 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quy trình đọc tiêu bản máu
- 1.2. Chuẩn bị được trang thiết bị vật tư đầy đủ và vô khuẩn
- 1.3. Tiến hành đọc được tiêu bản máu
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2. Nội dung:

- 2.1. Nhận định
- 2.2. Chuẩn bị dụng cụ, máy móc
- 2.3. Tiến hành đọc tiêu bản máu
- 2.4. Đánh giá

Bài 5. Phân tích huyết đồ 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quy trình phân tích huyết đồ
- 1.2. Chuẩn bị được trang thiết bị vật tư đầy đủ và vô khuẩn
- 1.3. Tiến hành phân tích được huyết đồ
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2. Nội dung:

- 2.1. Nhận định
- 2.2. Chuẩn bị dụng cụ, máy móc
- 2.3. Tiến hành phân tích huyết đồ
- 2.4. Đánh giá

Bài 6. Thực hành rối loạn hô hấp thực nghiệm 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quy trình rối loạn hô hấp thực nghiệm
- 1.2. Chuẩn bị được trang thiết bị vật tư đầy đủ và vô khuẩn
- 1.3. Tiến hành thực hành được rối loạn hô hấp thực nghiệm

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2. Nội dung:

2.1. Nhận định

2.2. Chuẩn bị dụng cụ, máy móc

2.3. Tiến hành làm rối loạn hô hấp thực nghiệm

2.4. Đánh giá

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Đủ ánh sáng, quạt mát, diện tích phòng đạt chuẩn

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, Projector

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại trường
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm thường xuyên (01 điểm kiểm tra 15 phút, 01 điểm kiểm tra thực hiện kỹ thuật thực hành sau buổi học)
- **Kiểm tra định kỳ phân lý thuyết:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm tên giấy
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 45 phút
- **Kiểm tra định kỳ học phần thực hành:** 01 điểm
 - + Thi chạy trạm: đánh giá kỹ năng tại phòng thực hành thông qua chạy trạm đồng thời xét điểm điều kiện để thi lý thuyết

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên phần lý thuyết, thực hành tại trường (Hệ số 1) + Điểm kiểm tra định kì phần lý thuyết, thực hành tại trường (Hệ số 2)	40%
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: đối tượng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng liên thông tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thực hành:** Mô phỏng, đóng vai, làm mẫu...

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$ và điểm kiểm tra định kỳ thực hành $\geq 5,0$.
- Chủ động tổ chức thực hiện 45 giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào các bài cơ chế bệnh sinh

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh 2025, Giáo trình Sinh lý bệnh, tài liệu lưu hành nội bộ
2. Bộ Y tế, (2007), Sinh lý bệnh và Miễn dịch, phần Sinh lý bệnh, Nhà xuất bản Y học
3. Trường Đại học Y Hà Nội, (2018), Sinh lý bệnh và Miễn dịch, Nhà xuất bản Y học

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ - KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

Mã số môn học: MH 15

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 87 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí:

Môn Học Điều dưỡng cơ sở - Kiểm soát nhiễm khuẩn thuộc lĩnh vực môn học cơ sở ngành, được học ở học kì 2 của ngành học Cao đẳng Điều dưỡng liên thông, sau khi đã học xong các môn học cơ sở: Giải phẫu sinh lí, Sinh lí bệnh, Vi sinh - Ký sinh trùng.

2. Tính chất:

Là môn học trang bị những kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo điều dưỡng đa khoa. Bao gồm kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của ngành điều dưỡng Việt Nam và thế giới những nguyên lý về điều dưỡng, vai trò chức năng của người điều dưỡng, các kỹ thuật điều dưỡng như: Kỹ thuật rửa tay thường quy, kỹ thuật theo dõi dấu hiệu sinh tồn, kỹ thuật tiêm truyền ...; kỹ năng giao tiếp giữa nhân viên y tế và người bệnh; đảm bảo an toàn khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng. Ngoài ra, môn học còn môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nhiễm khuẩn bệnh viện, nhiễm khuẩn môi trường, cộng đồng; vai trò và kỹ năng cơ bản khống chế nhiễm khuẩn bệnh viện, môi trường và cộng đồng nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường sống, môi trường làm việc, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và đề phòng dịch bệnh.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được lịch sử hình thành, định hướng phát triển và các nguyên lý cơ bản về công tác điều dưỡng, định hướng phát triển của ngành điều dưỡng.

1.2. Trình bày được mục đích, chỉ định và chống chỉ định của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.

1.3. Trình bày được các thông số bình thường, bất thường về dấu hiệu sinh tồn trên cơ thể người bệnh.

1.4. Trình bày được nguyên nhân, hậu quả và các phương thức lây truyền nhiễm khuẩn bệnh viện.

1.5. Trình bày được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản về kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

1.6. Trình bày được các điều kiện cơ bản đảm bảo công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

1.7. Trình bày được các quy trình vệ sinh bệnh viện.

1.8. Trình bày quy chế quản lý chất thải y tế.

2. Về kỹ năng:

2.1. Trình bày và tiến hành được các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn.

2.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ và đảm bảo công tác vô khuẩn

2.3. Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình khi học tại phòng lý thuyết, thực hành cũng như trong thực tế.

2.4. Áp dụng được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên cơ thể người bệnh.

2.5. Sử dụng đúng phương tiện phòng hộ cá nhân trong phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ sung theo đường lây truyền.

2.6. Thực hiện đúng quy trình vệ sinh bề mặt môi trường bệnh viện.

2.7. Xác định đúng loại dụng cụ, phương pháp khử khuẩn tiết kiệm.

2.8. Thực hiện đúng quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế.

2.9. Thực hiện đúng quy trình quản lý đồ vải.

2.10. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Rèn luyện được tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh chóng và chính xác khi thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản

3.2. Giao tiếp có hiệu quả, giúp người bệnh an tâm, hợp tác trong quá trình chăm sóc

3.3. Coi trọng mô hình, xem mô hình như là người bệnh để có thái độ thực hành phù hợp.

3.4. Sinh viên luôn có ý thức thực hiện đúng phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.

3.5. Tự giác giữ gìn vệ sinh và tham gia công tác vệ sinh khoa phòng bệnh viện, tạo môi trường sạch sẽ.

3.6. Có trách nhiệm bảo vệ bệnh nhân và cộng đồng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

1.1. Lý thuyết và thực hành tại trường:

TT	Nội dung	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Lịch sử ngành điều dưỡng	1	1	0	
2	Quy trình điều dưỡng.	8	2	6	
3	Hồ sơ người bệnh; tiếp nhận bệnh nhân vào viện, ra viện, chuyển viện	4	1	3	
4	Vệ sinh đôi tay, mang găng, vệ sinh trang phục	4	1	3	
5	Chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn	7	1	6	
6	Dự phòng, phát hiện và xử trí dị ứng thuốc	4	1	3	
7	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da, niêm mạc	4	1	3	
8	Tiêm an toàn	1	1	0	
9	Kỹ thuật tiêm truyền: Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu	14	2	12	
10	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm	4	1	3	
11	Liệu pháp Oxy, hút đờm giải, thở khí dung	7	1	6	
12	Thông tiểu, theo dõi nước tiểu 24 giờ, rửa bàng quang	8	2	6	
13	Kỹ thuật sử dụng bơm tiêm điện, máy	4	1	3	

	truyền dịch				
14	Đặt ống thông dạ dày: Cho người bệnh ăn qua ống thông, rửa dạ dày	8	2	6	
15	Trợ giúp bác sỹ: chọc dịch màng bụng, màng phổi, màng tim và tủy sống; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn	7	1	6	
16	Sơ cấp cứu: phân loại người bệnh cấp cứu, cố định gãy xương, garo cầm máu, sơ cứu vết thương, cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp và các tai nạn đường thở	8	2	12	
17	Băng bó	4	1	3	
18	Thay băng cắt chỉ vết thương	4	1	3	
19	Dự phòng chăm sóc loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường	4	1	3	
20	Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế	1	1	0	
21	Định nghĩa, tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp	1	1	0	
22	Cách li phòng ngừa	1	1	0	
23	Vệ sinh khoa phòng bệnh viện	1	1	0	
24	Quản lý chất thải y tế	1	1	0	
25	Kiểm tra	4	1	3	4
	Tổng số	120	30	90	

2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Lịch sử hình thành và phát triển của ngành điều dưỡng; 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển ngành Điều dưỡng ở Việt Nam

1.2. Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển ngành Điều dưỡng ở trên thế giới.

1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng thế giới

2.2. Sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng Việt Nam

2.2.1. Giai đoạn trước năm 1954.

2.2.2. Giai đoạn 1954 - 1975.

2.2.3. Giai đoạn từ 1975 đến nay.

2.3.1. Về công tác tổ chức.

2.3.2. Về công tác đào tạo, phát triển nhân lực Điều dưỡng.

2.3.3. Về công tác phát triển hội nghề nghiệp.

2.3.4. Quan hệ và hợp tác quốc tế.

Bài 2. Quy trình điều dưỡng;

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa, mục đích của quy trình Điều dưỡng.

1.2. Trình bày được nội dung các bước của quy trình Điều dưỡng.

1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa

2.2. Quy trình điều dưỡng

2.2.1. Nhận định

2.2.2. Chẩn đoán Điều dưỡng

2.2.3. Lập kế hoạch

2.2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.2.5. Đánh giá

Bài 3. Chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn;

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được giới hạn bình thường của mạch, huyết áp, nhịp thở, nhiệt độ và các yếu tố ảnh hưởng.

1.2. Liệt kê được 6 nguyên tắc đo dấu hiệu sinh tồn.

1.3. Trình bày được kỹ thuật tiến hành đo huyết áp, nhiệt độ, đếm mạch, nhịp thở

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Giới hạn bình thường và các yếu tố ảnh hưởng đến mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở
 - 2.1.1. Nhiệt độ
 - 2.1.2. Mạch
 - 2.1.3. Nhịp thở
 - 2.1.4. Huyết áp
- 2.2. Nguyên tắc đo dấu hiệu sinh tồn
- 2.3. Kỹ thuật theo dõi dấu hiệu sinh tồn
 - 2.3.1. Đo nhiệt độ
 - 2.3.2. Đếm mạch
 - 2.3.3. Đếm nhịp thở
 - 2.3.4. Đo huyết áp

Bài 4. Dự phòng, phát hiện và xử trí dị ứng thuốc;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quy định về phòng ngừa và giảm tai biến, tử vong do sốc phản vệ.
- 1.2. Liệt kê được danh mục hộp cấp cứu sốc phản vệ
- 1.3. Trình bày được kỹ thuật test lấy da
- 1.4. Trình bày được phác đồ cấp cứu sốc phản vệ
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Hướng dẫn chẩn đoán phản vệ
 - 2.1.1. Chẩn đoán phản vệ
 - 2.1.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.2. Hướng dẫn chẩn đoán mức độ phản vệ
 - 2.2.1. Nhẹ (độ I)
 - 2.2.2. Nặng (độ II):
 - 2.2.3. Nguy kịch (độ III):
 - 2.2.4. Ngừng tuần hoàn (độ IV)
- 2.3. Hướng dẫn xử trí cấp cứu phản vệ
 - 2.3.1. Nguyên tắc chung
 - 2.3.2. Xử trí phản vệ nhẹ
 - 2.3.3. Xử trí tiếp theo
 - 2.3.4. Theo dõi
- 2.4. Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và trang thiết bị y tế

- 2.4.1. Thành phần hộp thuốc cấp cứu phản vệ
- 2.4.2. Trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu cấp cứu phản vệ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- 2.5. Hướng dẫn khai thác tiền sử dị ứng
- 2.6. Hướng dẫn chỉ định làm test da
- 2.7. Sơ đồ chẩn đoán và xử trí phản vệ
 - 2.7.1. Sơ đồ chi tiết về chẩn đoán và xử trí phản vệ
 - 2.7.2. Sơ đồ tóm tắt về chẩn đoán và xử trí phản vệ

Bài 5. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da, niêm mạc; **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được những nét cơ bản về thuốc
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc
- 1.3. Trình bày được các yêu cầu cần thiết khi cho người bệnh dùng thuốc
- 1.4. Trình bày được các bước tiến hành cho người bệnh uống thuốc
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Những yêu cầu cần thiết trong việc dùng thuốc
 - 2.1.1. Những nét cơ bản về thuốc
 - 2.1.2. Nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc
 - 2.1.3. Những yêu cầu cần thiết khi cho người bệnh dùng thuốc
 - 2.1.4. Các đường dùng thuốc
- 2.2. Kỹ thuật cho bệnh nhân uống thuốc
 - 2.2.1. Áp dụng
 - 2.2.2. Không áp dụng
 - 2.2.3. Cách cho uống các loại thuốc đặc biệt
 - 2.2.4. Chuẩn bị
 - 2.2.5. Các bước tiến hành
 - 2.2.6. Đánh giá, ghi hồ sơ
- 2.3. Thuốc dùng ngoài da và niêm mạc
 - 2.3.1. Kỹ thuật đặt thuốc dưới lưỡi
 - 2.3.2. Khí dung
 - 2.3.3. Thuốc đặt âm đạo, hậu môn

2.3.4. Thuốc bôi ngoài da

2.3.5. Thuốc xoa

2.3.6. Kỹ thuật nhỏ mắt

2.3.7. Kỹ thuật nhỏ mũi

2.3.8. Kỹ thuật nhỏ tai

Bài 6. Tiêm an toàn;

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm tiêm an toàn và trình bày các tác hại của tiêm không an toàn

1.2. Trình bày được các giải pháp tăng cường thực hiện tiêm an toàn

1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm

2.2. Tác hại của tiêm không an toàn

2.3. Các giải pháp tăng cường thực hiện tiêm an toàn

2.3.1. Giảm hoặc loại bỏ các mũi tiêm không cần thiết

2.3.2. Bảo đảm đầy đủ các phương tiện, dụng cụ, thuốc cho kỹ thuật tiêm

2.3.3. Tiêm phòng vắc xin viêm gan B cho nhân viên y tế và thiết lập, thực hiện hệ thống báo cáo các trường hợp phơi nhiễm nghề nghiệp

2.3.4. Tăng cường kiến thức về tiêm an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn

2.3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

2.3.6. Thực hành đúng quy trình kỹ thuật tiêm

2.4. Tiêu chuẩn mũi tiêm an toàn

Bài 7. Kỹ thuật tiêm truyền: Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu;

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa của tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu.

1.2. Trình bày được chỉ định và chống chỉ định của tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu

1.3. Trình bày được qui trình kỹ thuật tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu.

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Tiêm trong da
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Vùng tiêm
 - 2.1.3. Góc độ tiêm
 - 2.1.4. Chỉ định
 - 2.1.5. Quy trình kỹ thuật
 - 2.1.6. Tai biến
- 2.2. Tiêm dưới da
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Vùng tiêm
 - 2.2.3. Góc độ tiêm
 - 2.2.4. Chỉ định
 - 2.2.5. Chống chỉ định
 - 2.2.6. Quy trình kỹ thuật
 - 2.2.7. Tai biến
- 2.3. Tiêm bắp
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Vùng tiêm
 - 2.3.3. Góc độ tiêm
 - 2.3.4. Chỉ định
 - 2.3.5. Chống chỉ định
 - 2.3.6. Quy trình kỹ thuật
 - 2.3.7. Tai biến
- 2.4. Tiêm tĩnh mạch
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Vùng tiêm
 - 2.4.3. Góc độ tiêm
 - 2.4.4. Chỉ định
 - 2.4.5. Chống chỉ định
 - 2.4.6. Quy trình kỹ thuật
 - 2.4.7. Tai biến
- 2.5. Truyền dịch
 - 2.5.1. Đại cương
 - 2.5.2. Mục đích
 - 2.5.3. Chỉ định
 - 2.5.4. Chống chỉ định
 - 2.5.5. Vị trí truyền
 - 2.5.6. Nguyên tắc truyền dịch
 - 2.5.7. Quy trình kỹ thuật

- 2.5.8 Tai biến và xử trí
- 2.6. Truyền máu
- 2.6.1. Mục đích
- 2.6.2. Chỉ định
- 2.6.3. Chống chỉ định
- 2.6.4. Nguyên tắc truyền máu
- 2.6.5. Quy trình kỹ thuật
- 2.6.6. Tai biến và xử trí

Bài 8. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm;

1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được tầm quan trọng của việc lấy bệnh phẩm để xét nghiệm.
- 1.2. Trình bày được vai trò của người điều dưỡng trong việc chuẩn bị xét nghiệm cho người bệnh.
- 1.3. Trình bày được kỹ thuật lấy một số bệnh phẩm để xét nghiệm.
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Tầm quan trọng
- 2.2. Vai trò của người điều dưỡng trong quá trình lấy bệnh phẩm xét nghiệm
- 2.3. Kỹ thuật lấy máu xét nghiệm
 - 2.3.1. Những quy định chung
 - 2.3.2. Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch
- 2.4. Kỹ thuật lấy nước tiểu xét nghiệm
 - 2.4.1. Kỹ thuật lấy nước tiểu người bệnh tự đái được
 - 2.4.2. Kỹ thuật lấy nước tiểu bằng cách thông bàng quang
- 2.5. Kỹ thuật lấy phân để xét nghiệm.
- 2.6. Kỹ thuật lấy mủ để xét nghiệm
- 2.7. Kỹ thuật lấy đờm để xét nghiệm

Bài 9: Liệu pháp Oxy, hút đờm giải, thở khí dung;

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa liệu pháp oxy, các nguyên nhân làm cho người bệnh bị thiếu oxy.
- 1.2. Trình bày các dấu hiệu, triệu chứng chính của thiếu oxy.
- 1.3. Trình bày được mục đích, chỉ định hút đờm dãi.
- 1.4. Trình bày được nguyên tắc cơ bản khi sử dụng liệu pháp oxy.

1.5. Trình bày được khái niệm, chỉ định, chống chỉ định thở khí dung.

1.6. Trình bày được quy trình cho người bệnh thở oxy; hút đờm dãi, thở khí dung.

1.7. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Liệu pháp oxy

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Dấu hiệu và triệu chứng

2.1.4. Nguyên tắc

2.1.5. Các phương pháp

2.2. Hút đờm dãi

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Chỉ định

2.2.3. Nguyên tắc

Bài 10: Thông tiểu, theo dõi nước tiểu 24 giờ, rửa bàng quang; 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được mục đích, chỉ định và chống chỉ định thông tiểu, thực tháo, theo dõi dịch vào ra cơ thể

1.2. Thực hiện được quy trình kỹ thuật thông tiểu, thực tháo, theo dõi dịch vào ra cơ thể

1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Chỉ định

2.3. Chống chỉ định

2.4. Quy trình kỹ thuật thông tiểu- dẫn lưu nước tiểu

2.5. Kỹ thuật rửa bàng quang

2.6. Tai biến

2.7. Những điều cần lưu ý

Bài 11: Đặt ống thông dạ dày: Cho người bệnh ăn qua ống thông, rửa dạ dày; Thời gian : 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định cho ăn qua ống thông, rửa dạ dày.

1.2. Trình bày được các trường hợp áp dụng và không áp dụng kỹ thuật cho người bệnh ăn bằng ống thông, rửa dạ dày.

1.3. Trình bày được kỹ thuật cho người bệnh ăn bằng ống thông dạ dày, rửa dạ dày.

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày

2.1.1. Các trường hợp áp dụng, không áp dụng

2.1.2. Quy trình kỹ thuật.

2.1.3. Những điều cần lưu ý

2.2. Rửa dạ dày

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Chỉ định

2.2.3. Chống chỉ định

2.2.4. Quy trình kỹ thuật

Bài 12: Trợ giúp bác sỹ: chọc dịch màng bụng, màng phổi, màng tim và tử cung; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn; 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được mục đích của chọc hút dịch màng phổi, màng bụng, màng tim, tử cung; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn.

1.2. Nêu được những điểm cần chú ý trước, trong và sau khi chọc dịch màng phổi, màng bụng, màng tim, tử cung; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn.

1.3. Trình bày được các tai biến có thể xảy ra ở người bệnh khi chọc hút dịch màng phổi, màng bụng, màng tim, tử cung; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn.

1.4. Thực hiện được quy trình phụ giúp thầy thuốc chọc hút dịch màng phổi, màng bụng, màng tim, tử cung; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn

1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt..

2. Nội dung

2.1. Trợ giúp bác sĩ chọc dịch

2.1.1. Chọc dịch màng phổi

2.1.1.1. Đại cương

2.1.1.2. Mục đích

2.1.1.3. Những điểm cần lưu ý trước, trong và sau khi chọc

2.1.1.4. Quy trình kỹ thuật

2.1.1.5. Tai biến

2.1.2. Chọc hút dịch màng bụng

2.1.2.1. Đại cương

2.1.2.2. Mục đích chọc hút dịch màng bụng

2.1.2.3. Những điểm cần lưu ý trước và sau khi chọc

2.1.2.4. Quy trình kỹ thuật

2.1.2.5. Tai biến

2.1.3. Chọc dịch não tủy

2.1.3.1. Đại cương

2.1.3.2. Mục đích của chọc dịch não tủy

2.1.3.3. Chỉ định và chống chỉ định chọc dịch não tủy

2.1.3.4. Những điều cần chú ý trước, trong và sau khi chọc

2.1.3.5. Quy trình kỹ thuật

2.1.3.6. Nhận định kết quả dịch não tủy

2.1.4. Chọc dịch màng tim

2.1.4.1. Đại cương

2.1.4.2. Mục đích của chọc hút dịch màng ngoài tim

2.1.4.3. Quy trình kỹ thuật

2.1.4.4. Theo dõi, chăm sóc trong và sau khi chọc

2.1.4.5. Tai biến

2.2. Phụ giúp bác sĩ đặt catheter tĩnh mạch dưới đòn, đặt nội khí quản, mở khí quản

2.2.1. Đặt catheter tĩnh mạch dưới đòn

2.2.1.1. Chỉ định đặt Catheter tĩnh mạch dưới đòn cho người bệnh

2.2.1.2. Chống chỉ định

2.2.1.3. Phụ giúp thầy thuốc đặt catheter tĩnh mạch dưới đòn

2.2.1.4. Tai biến

- 2.2.1.5. Theo dõi, chăm sóc người bệnh sau đặt Catheter
- 2.2.2. Đặt ống nội khí quản
 - 2.2.2.1. Mục đích của việc đặt ống nội khí quản
 - 2.2.2.2. Chỉ định của đặt ống nội khí quản
 - 2.2.2.3. Chống chỉ định
 - 2.2.2.4. Trợ giúp thầy thuốc đặt ống NKQ cho người bệnh
 - 2.2.2.5. Các tai biến và cách theo dõi người bệnh sau đặt ống nội khí quản.

2.2.3. Mở khí quản

- 2.2.3.1. Đại cương
- 2.2.3.2. Chỉ định mở khí quản
- 2.2.3.3. Chống chỉ định mở khí quản.
- 2.2.3.4. Quy trình kỹ thuật phụ giúp thầy thuốc mở khí quản.
- 2.2.3.5. Các tai biến hay gặp và cách theo dõi người bệnh sau mở khí

quản

Bài 13: Sơ cấp cứu: phân loại người bệnh cấp cứu, cố định gãy xương, garo cầm máu, sơ cứu vết thương, cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp và các tai nạn đường thở; 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa chung về phân loại bệnh nhân cấp cứu, chảy máu, gãy xương, ngừng tuần hoàn hô hấp và các tai nạn đường thở.
- 1.2. Trình bày được cách phân loại bệnh nhân cấp cứu tại hiện trường cấp thảm họa và tại khoa cấp cứu.
- 1.3. Trình bày được kỹ thuật sơ cấp cứu nạn nhân gãy xương, ngừng tuần hoàn hô hấp garo cầm máu và các tai nạn đường thở.
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Nhận định và phân loại bệnh nhân cấp
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.1.1. Lịch sử
 - 2.1.1.2. Khái niệm chung
 - 2.1.2. Phân loại bệnh nhân:
 - 2.1.2.1. Phân loại bệnh nhân chấn thương:
 - 2.1.2.2. Phân loại thảm họa

2.1.2.3. Phân loại bệnh nhân tại khoa cấp cứu

2.1.2.4. Các yêu cầu cơ bản của PLBN.

2.2. Sơ cứu, cấp cứu nạn nhân gãy xương

2.2.1. Nguyên nhân gây gãy xương

2.2.2. Phân loại gãy xương

2.2.3. Triệu chứng chung

2.2.4. Mục đích và nguyên tắc cố định gãy xương chi

2.2.5. Dụng cụ để cố định gãy xương

2.2.6. Vỡ xương sọ

2.2.7. Gãy xương hàm dưới

2.2.8. Gãy cột sống

2.2.9. Gãy xương ức và xương sườn

2.2.10. Vỡ xương chậu

2.2.11. Gãy xương đòn

2.2.12. Gãy xương cánh tay

2.2.13. Gãy xương cẳng tay

2.2.14. Gãy xương đùi

2.2.15. Gãy xương cẳng chân

2.3. Sơ cứu vết thương, garo cầm

2.3.1. Dấu hiệu mất máu nhiều

2.3.2. Phân loại chảy máu

2.3.3. Chẩn đoán vết thương mạch máu

2.3.4. Sơ cứu nạn nhân chảy máu ngoài

2.3.5. Theo dõi phát hiện và chăm sóc nạn nhân chảy máu trong

2.4. Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp

2.4.1. Những nguyên nhân gây ngừng thở, ngừng tim

2.4.2. Dấu hiệu của một người bị ngừng thở, ngừng tim

2.4.3. Nguyên tắc chung khi xử trí cấp cứu nạn nhân bị ngừng tim, ngừng

thở

2.4.4. Kỹ thuật ép tim ngoài lồng ngực

2.4.5. Kỹ thuật thổi ngạt

2.4.6. Kỹ thuật hồi sinh tim phổi

2.5. Cấp cứu các tai nạn đường thở

2.5.1. Ngạt

- 2.5.2. Cấp cứu nghẹt thở
- 2.5.3. Cấp cứu thắt cổ và bóp cổ
- 2.5.4. Cấp cứu chết đuối
- 2.5.5. Cấp cứu ngộ độc oxyd carbon
- 2.5.6. Cấp cứu sặc

Bài 14: Băng bó; 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được mục đích, cách làm các loại băng, nêu được cách dùng băng cuộn.
- 1.2. Trình bày được 6 cách băng cơ bản và áp dụng 6 cách băng cơ bản để băng từng vị trí trên cơ thể.
- 1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Vật liệu và cách làm các loại băng
- 2.3. Cách dùng các loại băng để băng
- 2.4. Áp dụng các kiểu băng cơ bản để băng từng bộ phận cơ thể
- 2.5. Băng bằng khăn tam giác

Bài 15: Thay băng, cắt chỉ vết thương; 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được mục đích thay băng và rửa vết thương.
- 1.2. Trình bày được quy tắc chung khi tiến hành thay băng và rửa vết thương.
- 1.3. Thực hiện được qui trình kỹ thuật thay băng, rửa vết thương.
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Mục đích thay băng rửa vết thương
- 2.2. Quy tắc chung khi thay băng và rửa vết thương
- 2.3. Địa điểm thay băng và rửa vết thương
- 2.4. Những vật liệu sử dụng thay băng - rửa vết thương
- 2.5. Phân loại vết thương
- 2.6. Quy trình thay băng và rửa vết thương

Bài 16: Dự phòng chăm sóc loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường; 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây loét ép.
- 1.2. Liệt kê được những vị trí dễ bị loét ép và những nguyên tắc đề phòng loét ép.
- 1.3. Thực hiện được các biện pháp dự phòng và điều trị loét ép cho người bệnh.
- 1.4. Trình bày được một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.
- 1.5. Trình bày được quy trình kỹ thuật đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thích hợp.
- 1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Loét ép

- 2.1.1. Nguyên nhân gây loét ép
- 2.1.2. Những vị trí trên cơ thể dễ bị loét ép
- 2.1.3. Dấu hiệu của vị trí bị mảng mục (loét ép).
- 2.1.4. Những biện pháp đề phòng mảng mục cho người bệnh.
- 2.1.5. Kỹ thuật phòng và chăm sóc người bệnh bị loét ép.
- 2.2. Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường
- 2.2.1. Tư thế nằm ngửa thẳng.
- 2.2.2. Tư thế nằm ngửa đầu thấp.
- 2.2.3. Tư thế nằm ngửa đầu hơi cao.
- 2.2.4. Tư thế nửa nằm - nửa ngồi (Fowler).
- 2.2.5. Tư thế nằm sấp.
- 2.2.6. Tư thế nằm nghiêng sang bên phải hoặc bên trái.
- 2.2.7. Một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu lòng ngực.

Bài 17: Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phát biểu được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện.
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân, hậu quả và các phương thức lây truyền nhiễm khuẩn.
- 1.3. Kể được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp.

1.4. Liệt kê được tên các văn bản pháp quy về hoặc liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn và nội dung mấu chốt của chúng.

1.5. Mô tả được các nội dung chính của Chương trình KSNK trong các cơ sở y tế.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về nhiễm khuẩn bệnh viện.

2.2. Dịch tễ học về nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.1. Dịch tễ học

2.2.2. Hậu quả của nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.3. Nguyên nhân của nhiễm khuẩn bệnh viện

2.3. Tác nhân gây nhiễm khuẩn bệnh viện

2.3.1. Vai trò gây bệnh của vi khuẩn

2.3.2. Vai trò gây bệnh của vi rút

2.3.3. Vai trò gây bệnh của ký sinh trùng và nấm

2.4. Đường lây truyền của nhiễm khuẩn bệnh viện

2.5. Các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

2.6. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến KSNK

2.7. Chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn và những giải pháp cụ thể

Bài 18. Định nghĩa, tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp;

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện.

1.2. Trình bày được các tiêu chuẩn để chẩn đoán nhiễm khuẩn huyết và nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng vết mổ, vết bỏng.

1.3. Trình bày được các tiêu chuẩn để chẩn đoán viêm phổi bệnh viện, nhiễm trùng catheter, nhiễm trùng da và mô mềm, nhiễm trùng tiêu hóa.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Các tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

2.2.1. Nhiễm khuẩn phổi bệnh viện

2.2.2. Nhiễm trùng vết mổ

2.2.3. Nhiễm trùng tiết niệu.

2.2.4. Nhiễm trùng huyết:

2.2.5. Nhiễm trùng vết bỏng

- 2.2.6. Nhiễm trùng catheter
- 2.2.7. Nhiễm trùng da và mô mềm
- 2.2.8. Nhiễm trùng tiêu hóa

Bài 19: Cách ly phòng ngừa;

1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nắm được những nguyên tắc chung của cách ly phòng ngừa.
- 1.2. Biết thực hành phòng ngừa chuẩn/phòng ngừa phổ cập
- 1.3. Biết thực hành phòng ngừa dựa trên đường lây truyền
- 1.4. Biết cách áp dụng phòng ngừa các bệnh nhiễm quan trọng như H5N1, SARS, Lao phổi, nhiễm Gram âm đa kháng, nhiễm MRSA

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về cách ly phòng chống nhiễm khuẩn
- 2.2. Trình bày sinh bệnh học nhiễm khuẩn bệnh viện
 - 2.2.1. Cơ chế truyền bệnh
 - 2.2.2. Các đường lây truyền
- 2.3. Biện pháp phòng ngừa chuẩn
 - 2.3.1. Vệ sinh tay
 - 2.3.2. Mang phương tiện phòng hộ
 - 2.3.3. Thực hiện quy tắc vệ sinh hô hấp
 - 2.3.4. Sắp xếp người bệnh thích hợp
 - 2.3.5. Xử lý dụng cụ y tế để dùng lại cho người bệnh
 - 2.3.6. Tiêm an toàn và phòng ngừa phơi nhiễm do vật sắc nhọn
 - 2.3.7. Xử lý đồ vải
 - 2.3.8. Vệ sinh môi trường bệnh viện
 - 2.3.9. Quản lý chất thải y tế
 - 2.3.10. Tóm tắt các biện pháp phòng ngừa chuẩn
- 2.4. Các biện pháp phòng ngừa bổ sung theo đường lây
 - 2.4.1. Cách ly phòng ngừa qua tiếp xúc
 - 2.4.2. Cách ly phòng ngừa qua giọt bắn
 - 2.4.3. Cách ly qua đường khí

Bài 20: Vệ sinh khoa phòng bệnh viện;

1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được mục đích và nội dung vệ sinh trong các cơ sở y tế.
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và

cách phân vùng vệ sinh đúng

1.3. Liệt kê được các dụng cụ, phương tiện cần thiết phục vụ cho công tác vệ sinh và tần suất vệ sinh tại các bề mặt trong bệnh viện.

1.4. Thực hiện đúng qui trình vệ sinh tại đơn vị mình làm việc.

2. Nội dung

2.1. Vệ sinh bề mặt môi trường buồng bệnh

2.1.1. Nguyên tắc vệ sinh bề mặt, buồng bệnh, khoa phòng

2.1.2. Phân vùng khu vực vệ sinh

2.1.3. Các Quy định áp dụng cho khu vực vệ sinh bề mặt môi trường chăm sóc người bệnh

2.1.4. Quy trình thực hiện

2.2. Vệ sinh môi trường nước

2.3. Vệ sinh không khí

Bài 21: Quản lý chất thải y tế;

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày đúng mục đích quản lý chất thải y tế

1.2. Trình bày đúng các nguyên tắc phân loại chất thải

1.3. Liệt kê và nhận dạng được 5 nhóm chất thải rắn y tế và 4 loại chất thải lây nhiễm

1.4. Thảo luận được các nguyên tắc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải rắn y tế và nguyên tắc tái chế chất thải thông thường

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, giảm thiểu tái chế chất lại y tế nguy hại và chất thải thông thường

2.1. Phân định chất thải y tế

2.2. Phân loại chất thải y tế

2.3. Thu gom chất thải y tế

2.4. Lưu giữ chất thải y tế

2.5. Giảm thiểu chất thải y tế

2.6. Quản lý chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế

2.3. Vận chuyển và xử lý chất thải

2.3.1. Vận chuyển chất thải y tế nguy hại để xử lý theo mô hình cụm

2.3.2. Vận chuyển chất thải y tế để xử lý theo mô hình tập trung

- 2.3.3. Xử lý chất thải y tế nguy hại
- 2.3.4. Quản lý nước thải y tế
- 2.3.5. Quản lý và vận hành thiết bị xử lý chất thải y tế

B. PHẦN THỰC HÀNH (Tại trường)

Bài 1. Quy trình điều dưỡng

6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quy trình điều dưỡng
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Tiến hành làm phiếu chăm sóc đúng kỹ thuật
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2. Nội dung

- 2.1. Nhận định
- 2.2. Chẩn đoán
- 2.3. Lập kế hoạch chăm sóc
- 2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
- 2.5. Đánh giá

Bài 2. Hồ sơ người bệnh; tiếp nhận bệnh nhân vào viện, ra viện, chuyển viện

3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các bước ghi hồ sơ người bệnh, tiếp nhận người bệnh vào viện, chuyển viện
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành ghi chép và bảo quản hồ sơ đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Tiến hành tiếp nhận người bệnh vào viện, ra viện, chuyển viện đúng quy trình kỹ thuật
- 1.6. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Hồ sơ người bệnh
 - 2.1.1. Giới thiệu quy trình
 - 2.1.2. Chuẩn bị điều dưỡng
 - 2.1.3. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.1.4. Kỹ thuật tiến hành

2.2. Tiếp nhận bệnh nhân vào viện, ra viện, chuyển viện

2.2.1. Giới thiệu quy trình

2.2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 3. Kỹ thuật vệ sinh đôi tay, mang găng, vệ sinh trang phục điều dưỡng

3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quy trình rửa tay, mang găng tay, vệ sinh trang phục điều dưỡng

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Tiến hành vệ sinh đôi tay, mặc áo, mang găng đúng quy trình kỹ thuật

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2. Nội dung:

2.1. Kỹ thuật rửa tay: Rửa tay thường quy và rửa tay ngoại khoa

2.1.1. Giới thiệu quy trình

2.1.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.1.3. Chuẩn bị dụng cụ

2.1.4. Kỹ thuật tiến hành

2.2. Kỹ thuật mang găng tay

2.2.1. Giới thiệu quy trình

2.2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.2.3. Chuẩn bị dụng cụ

2.2.4. Kỹ thuật tiến hành

2.3. Kỹ thuật mặc áo choàng vô khuẩn

2.3.1. Giới thiệu quy trình

2.3.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3.3. Chuẩn bị dụng cụ

2.3.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 4. Kỹ thuật chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn

6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước của quy trình đo dấu hiệu sinh tồn

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành đo dấu hiệu sinh tồn đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2.Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 5. Dự phòng, phát hiện và xử trí dị ứng thuốc

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được phác đồ xử cấp cứu sốc phản vệ
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành kỹ thuật test lấy da đúng quy trình
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1 . Kỹ thuật test lấy da
 - 2.1.1. Giới thiệu quy trình
 - 2.1.2. Chuẩn bị điều dưỡng
 - 2.1.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.1.4. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.1.5. Kỹ thuật tiến hành
- 2.2. Phác đồ cấp cứu sốc phản vệ

Bài 6. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da, niêm mạc

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quy trình cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da niêm mạc
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da, niêm mạc đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 7. Kỹ thuật tiêm trong da, dưới da

3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình tiêm trong da, dưới da

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành tiêm trong da, dưới da đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 8. Kỹ thuật tiêm bắp

3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình tiêm bắp

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành tiêm bắp đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 9. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình tiêm tĩnh mạch
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành tiêm tĩnh mạch đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 10. Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch, truyền máu

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình truyền dịch tĩnh mạch, truyền máu
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành truyền dịch tĩnh mạch, truyền máu đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 11. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình lấy bệnh phẩm xét nghiệm
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành lấy bệnh phẩm xét nghiệm đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 12. Kỹ thuật hút đờm rãi

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình hút đờm rãi
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành hút đờm rãi đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 13. Kỹ thuật cho người bệnh thở Oxy, thở khí dung

Thời

gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình cho người bệnh thở oxy, thở khí dung
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành cho người bệnh thở oxy, thở khí dung đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 14. Kỹ thuật đặt thông tiểu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình đặt thông tiểu

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành đặt thông tiểu đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 15. Kỹ thuật theo dõi nước tiểu 24h, rửa bàng quang

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình theo dõi nước tiểu 24h, rửa bàng quang

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành theo dõi nước tiểu 24h, rửa bàng quang đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 16. Kỹ thuật sử dụng bơm tiêm điện, máy truyền dịch Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình sử dụng bơm tiêm điện, máy truyền dịch
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành sử dụng bơm tiêm điện, máy truyền dịch đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 17. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày: cho người bệnh ăn qua ống thông

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình cho người bệnh ăn qua ống thông
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành cho người bệnh ăn qua ống thông đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 18. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày: rửa dạ dày cho người bệnh

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình rửa dạ dày cho người bệnh
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành rửa dạ dày cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 19. Kỹ thuật trợ giúp thầy thuốc chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi, màng tim

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình thuật trợ giúp thầy thuốc chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi, màng tim
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành trợ giúp thầy thuốc chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi, màng tim đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 20. Kỹ thuật trợ giúp thầy thuốc đặt Catheter, đặt NKQ, mở khí quản

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình trợ giúp thầy thuốc đặt Catheter, đặt NKQ, mở khí quản
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành trợ giúp thầy thuốc đặt Catheter, đặt NKQ, mở khí quản đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 21. Kỹ thuật sơ cấp cứu gãy xương

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình sơ cấp cứu gãy xương
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành sơ cấp cứu gãy xương đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 22. Kỹ thuật garo cầm máu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình garo cầm máu
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành garo cầm máu đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 23. Kỹ thuật sơ cứu vết thương phần mềm

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình sơ cứu vết thương phần mềm
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành sơ cứu vết thương phần mềm đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 24. Kỹ thuật sơ cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình sơ cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành sơ cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 25. Kỹ thuật băng bó

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình băng bó
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành băng bó đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 26. Kỹ thuật thay băng, cắt chỉ vết thương

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình thay băng, cắt chỉ vết thương
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành thay băng, cắt chỉ vết thương đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 27. Kỹ thuật dự phòng loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình dự phòng loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành dự phòng loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn..

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:

- Mô hình: Tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, hồi sinh tim phổi, thay băng cắt chỉ, mô hình người đa năng...

- Phương tiện: Máy rửa tay thường quy và rửa tay ngoại khoa, máy đo đường huyết mao mạch, máy đo huyết áp, máy tiêm truyền tĩnh mạch, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây....

- Dụng cụ: Thùng đựng chất thải sắc nhọn, thùng đựng chất thải lây nhiễm, thùng đựng chất thải sinh hoạt

4. Các điều kiện khác: Giường bệnh đa năng, máy hút ẩm

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại trường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm thường xuyên (01 điểm kiểm tra 15 phút, 01 điểm kiểm tra thực hiện kỹ thuật thực hành sau buổi học)
- **Kiểm tra định kỳ phần lý thuyết:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm trên giấy
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 45 phút
- **Kiểm tra định kỳ học phần thực hành:** 01 điểm
 - + Thi chạy trạm: đánh giá kỹ năng tại phòng thực hành thông qua chạy trạm đồng thời xét điểm điều kiện để thi lý thuyết
- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 40 phút
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên phần lý thuyết, thực hành tại trường (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ phần lý thuyết, thực hành tại	

trường (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng Điều Dưỡng liên thông

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng. Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, thảo luận..

- Thực hành tại trường: Tại Labo.

Sinh viên thực hành tại phòng thực hành Điều dưỡng của trường, chia nhóm thực hành có giảng viên kèm, uốn nắn, được thực hiện trên mô hình. Áp dụng các phương pháp: Mô phỏng, đóng vai, phát vấn...

2.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$ và điểm kiểm tra định kỳ thực hành $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản như Tiêm thuốc, thay băng cắt chỉ, cho người bệnh thở Oxy, thông tiểu, các kỹ thuật sơ cấp cứu thường gặp

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bài giảng Điều dưỡng cơ sở - Kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa Điều Dưỡng - PHCN - CSSĐ, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh

2. PGS.TS Cao Văn Thịnh, *Điều dưỡng cơ bản tập 1, 2* Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch - NXB Y học năm 2017
3. Giáo trình điều dưỡng cơ bản, Trường Đại học Điều dưỡng Y khoa Vinh, 2016
4. Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
5. Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 về Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: SỨC KHOẺ - NÂNG CAO SỨC KHOẺ & HÀNH VI
CON NGƯỜI - DINH DƯỠNG - TIẾT CHẾ**

Mã môn học: MH 16

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng liên thông. Được phân bổ vào học kỳ 2, năm học thứ 1, sau các môn học Giải phẫu- Sinh lý, Hoá sinh, Vi sinh vật - Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh, Điều dưỡng cơ bản.

2. Tính chất

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện các kỹ năng nâng cao sức khỏe trong điều kiện thực hành của điều dưỡng. Cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý y học, hành vi con người và thực hành ứng dụng các kỹ năng, phương thức và các loại mô hình nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.

1.2. Trình bày được hành vi sức khỏe dưới các góc nhìn của tâm lý học, xã hội, văn hóa.

1.3. Trình bày được các hình thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe.

1.4. Trình bày được nội dung nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở.

2. Về kỹ năng

2.1. Vận dụng được kiến thức trong môn học để triển khai mô hình nâng cao sức khỏe ở cộng đồng

2.2. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người.

2.3. Vận dụng được kiến thức đã học để phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Có ý thức trách nhiệm về nâng cao sức khỏe cho gia đình và cộng đồng dân cư

3.2. Thường xuyên có thái độ và hành động đúng trong việc thực hiện hành vi sức khỏe.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

A. LÝ THUYẾT

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lí thuyết	Kiểm tra
1	Đại cương về nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi	2	2	0
2	Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi	2	2	0
3	Hành vi sức khỏe dưới góc nhìn của tâm lí học và xã hội học	2	2	0
4	Xã hội hóa, văn hóa, gia đình và sự hình thành hành vi sức khỏe	2	2	0
5	Các phương thức tiếp cận và mô hình NCSK	2	2	0
6	Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	2	2	0
7	Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở	2	2	0
8	Kiểm tra	1		1
Cộng		15	14	1

B. THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực hành	Kiểm tra
1	Phân tích hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi tại cộng đồng	6	6	0
2	Phân tích hành vi sức khỏe dưới góc nhìn của tâm lý học và xã hội học	6	6	0
3	Sử dụng các phương thức tiếp cận và mô hình NCSK trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng	6	6	0
4	Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	3	3	0
5	Hướng dẫn thực hành nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở	6	6	0
6	Kiểm tra	3		3
Cộng		30	27	3

2. Nội dung chi tiết

A. LÝ THUYẾT

Bài 1: Đại cương về nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các khái niệm về Sức khỏe, Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe.

1.2. Trình bày được quá trình phát triển của Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe.

1.3. Trình bày được các nguyên tắc chính của Nâng cao sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa sức khỏe

2.1.2. Vấn đề sức khỏe

2.1.3. Vấn đề KT – VH – XH

2.2. Hành vi sức khỏe.

2.2.1. Phân loại

2.2.2. Hành vi sức khỏe được hình thành từ nhiều yếu tố

2.2.3. Tiến trình thay đổi hành vi

2.3. Giáo dục sức khỏe

2.3.1. Định nghĩa GDSK

2.3.2. Mục đích

2.3.3. Mục tiêu

2.3.4. Các phương pháp truyền thông thay đổi hành vi

2.3.5. Các khoa học nền tảng của GDSK

2.4. Nâng cao sức khỏe

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Các thành phần của NCSK

2.4.3. Nguyên tắc chính trong NCSK

Bài 2: Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Giải thích được những yếu tố quyết định sức khỏe.

1.2. Trình bày được khái niệm hành vi, hành vi sức khỏe.

1.3. Phân tích được các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe.

1.4. Trình bày được các mô hình lí thuyết giải thích và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân.

1.5. Trình bày được các điều kiện tiên quyết của quá trình thay đổi hành vi và các chiến lược can thiệp phù hợp theo từng giai đoạn thay đổi hành vi.

2. Nội dung

2.1. Những yếu tố quyết định sức khỏe

2.1.1. Các yếu tố về di truyền

2.1.2. Yếu tố môi trường

2.1.3. Yếu tố liên quan đến hệ thống chăm sóc sức khỏe

2.1.4. Yếu tố hành vi và lối sống con người

2.2. Hành vi sức khỏe và những yếu tố ảnh hưởng

2.2.1. Hành vi sức khỏe

2.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe

2.2.3. Các cấp độ ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe

2.3. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe

2.4. Quá trình thay đổi hành vi và can thiệp thích hợp

2.4.1. Các giai đoạn thay đổi hành vi

2.4.2. Các điều kiện tiên quyết để thay đổi hành vi

Bài 3: Hành vi sức khỏe dưới góc nhìn của tâm lí học và xã hội học Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Giải thích được các hành vi con người thông qua góc nhìn của tâm lí học

1.2. Giải thích được các hành vi con người thông qua góc nhìn của xã hội học

2. Nội dung

2.1. Hành vi sức khỏe dưới góc nhìn của tâm lí học

2.1.1. Tâm lí học hành vi

2.1.2. Tâm lí học nhận thức

2.1.3. Tâm lí học phân tích

2.1.4. Tâm lí học nhân văn

2.1.5. Tâm lí học xuyên văn hóa

2.2. Hành vi sức khỏe dưới góc nhìn của xã hội học

2.2.1. Xã hội học sức khỏe

2.2.2. Phân tích vấn đề béo phì dưới góc nhìn xã hội học

Bài 4: Xã hội hóa, văn hóa, gia đình và sự hình thành hành vi sức khỏe

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quá trình xã hội hóa và sự hình thành hành vi sức khỏe

1.2. Trình bày được ảnh hưởng của văn hóa đến sự hình thành hành vi sức khỏe

1.3. Trình bày được ảnh hưởng của gia đình và sự hình thành hành vi sức khỏe

2. Nội dung

2.1. Xã hội hóa và sự hình thành hành vi sức khỏe

2.1.1. Khái niệm xã hội hóa

2.1.2. Sức khỏe và hành vi

2.2. Văn hóa và sự hình thành hành vi sức khỏe

2.2.1. Khái niệm văn hóa

2.2.2. Những yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe

2.3. Gia đình và sự hình thành hành vi sức khỏe

2.3.1. Hành vi sức khỏe được hình thành như thế nào trong gia đình

2.3.2. Tại sao việc tìm hiểu gia đình và hành vi sức khỏe lại cần thiết cho công tác GDSK

Bài 5: Các phương thức tiếp cận và mô hình NCSK Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1 Trình bày các phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe.

1.2 Trình bày 4 mô hình nâng cao sức khỏe áp dụng phổ biến hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Các phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe

2.1.1. Tiếp cận y tế

2.1.2. Tiếp cận thay đổi hành vi

2.1.3. Tiếp cận giáo dục sức khỏe

2.1.4. Tiếp cận trao quyền về sức khỏe/ nâng cao khả năng làm chủ về sức khỏe

2.1.5. Vận động tạo ra môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi cho hoạt động NCSK

2.2. Các mô hình nâng cao sức khỏe

2.2.1. Mô hình cầu Caplan và Holland

2.2.2. Mô hình của Beattie

2.2.3. Mô hình của Tanahill

2.2.4. Mô hình của Tones

Bài 6: Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm về Cộng đồng và Phát triển cộng đồng

1.2. Trình bày được mục tiêu và ý nghĩa của PTCD trong Nâng cao sức khỏe

1.3. Trình bày được cách tiếp cận Phát triển cộng đồng

1.4. Trình bày được cách thiết kế 1 dự án Phát triển cộng đồng

2. Nội dung

2.1. Khái niệm cộng đồng trong nâng cao sức khỏe

2.1.1. Khái niệm cộng đồng

2.1.2. Đặc điểm của cộng đồng

2.1.3. Khái niệm phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe

2.2. Các quan điểm định hướng phát triển cộng đồng

2.2.1. Quan điểm

2.2.2. Mục tiêu của phát triển cộng đồng

2.3. Cách tiếp cận phát triển cộng đồng

2.3.1. Tập trung vào nhu cầu sức khỏe của cộng đồng

2.3.2. Tập trung vào quá trình nâng cao sức khỏe

2.3.3. Tập trung vào những nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương, khó khăn

2.4. Các dạng hoạt động trong phát triển cộng đồng

2.5. Phát triển cộng đồng và khó khăn trong thực tiễn

Bài 7: Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học và nơi làm việc.

1.2. Mô tả được chương trình nâng cao sức khỏe tại các cơ sở cụ thể.

2. Nội dung

2.1. Nâng cao sức khỏe trong trường học

2.1.1. Vị trí và tầm quan trọng của y tế trường học

2.1.2. Nội dung chính của y tế trường học

2.1.3. Nhiệm vụ của nhân viên y tế tại trường học

2.1.4. Mười nghiệp vụ quản lí y tế trường học

2.2. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Sự cần thiết phải nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc

2.2.3. Các hoạt động nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc hiện nay

2.2.4. Lợi ích của chương trình nâng cao sức khỏe nơi làm việc

2.2.5. Các nguyên tắc cơ bản

2.2.6. Chiến lược nâng cao sức khỏe nơi làm việc

2.2.7. Thực hiện chương trình

B. THỰC HÀNH (tại trường)

Bài 1: Phân tích hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi tại cộng đồng

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích một số hành vi cụ thể của người dân

1.2. Trình bày các bước của quá trình thay đổi hành vi sức khỏe

2. Nội dung

2.1. Hành vi sức khỏe

2.1.1. Hành vi sức khỏe lành mạnh

2.1.2. Hành vi sức khỏe không lành mạnh

2.2. Quá trình thay đổi hành vi

2.2.1. Hiểu rõ hành vi của đối tượng

2.2.2. Các bước thay đổi hành vi sức khỏe

Bài 2: Phân tích hành vi sức khỏe dưới góc nhìn của tâm lý học và xã hội học

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Giải thích được các hành vi con người thông qua góc nhìn của tâm lý học và xã hội học

1.2. Phân tích được một số hành vi sức khỏe của cộng đồng

2. Nội dung

2.1. Hành vi con người

2.1.1. Hành vi dưới góc nhìn tâm lý học

2.1.2. Hành vi dưới góc nhìn xã hội học

2.2. Phân tích hành vi sức khỏe cộng đồng

Bài 3: Sử dụng các phương thức tiếp cận và mô hình NCSK trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Thời gian: 6

giờ

1. Mục tiêu

1.1. Ứng dụng được các phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe trong công tác nâng cao sức khỏe cộng đồng tại địa phương

1.2. Ứng dụng được các mô hình nâng cao sức khỏe trong công tác nâng cao sức khỏe cộng đồng tại địa phương

2. Nội dung

2.1. Các chương trình nâng cao sức khỏe cộng đồng

2.2. Phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe

2.3. Mô hình nâng cao sức khỏe

Bài 4: Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả cách tổ chức, xây dựng các ban chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng

1.2. Phân tích chiến lược xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng

1.3. Xây dựng và tổ chức hoạt động cho đội ngũ nhân viên y tế thôn bản để thực hiện nâng cao sức khỏe cho cộng đồng

2. Nội dung

2.1. Vai trò các tổ chức địa phương

2.2. Phối hợp liên ngành và sự hợp tác của cộng đồng trong nâng cao sức khỏe

2.3. Vai trò của nhân viên y tế thôn bản trong nâng cao sức khỏe

Bài 5: Hướng dẫn thực hành nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở; 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học và nơi làm việc.

1.2. Thực hiện được chương trình nâng cao sức khỏe tại các cơ sở cụ thể.

2. Nội dung

2.1. Các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học

2.2. Các hoạt động nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc

2.3. Thực hành tổ chức hoạt động nâng cao sức khỏe tại địa phương.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. **Phòng học Lý thuyết:** Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. **Trang thiết bị dạy học:** Projector, máy tính, bảng, phấn

3. **Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:** Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, tranh ảnh, bộ trắc nghiệm; Videos, bài giảng Power Point.

4. **Các điều kiện khác:** không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Hành vi và các quá trình thay đổi hành vi

+ Mô hình Nâng cao sức khỏe

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc làm các bài tập, tình huống tại lớp

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết vấn đáp trong giờ học, điểm tham gia thảo luận nhóm

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 15 phút

- Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm trên giấy;

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 45 phút

- Kiểm tra định kỳ thực hành: 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Thực hiện trên các tình huống giả định

+ Phương pháp: Làm báo cáo kết quả thực hành

+ Công cụ: Bộ trắc nghiệm tâm lý; tình huống giả định

+ Thời gian: 180 phút

- Thi kết thúc môn học: 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng liên thông

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thực hành:** Phân chia nhóm nhỏ thực hành theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ 100% các buổi thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Lý thuyết: Trọng tâm tập trung vào bài: Bài 2, bài 6, bài 7

- Thực hành: Trọng tâm tập trung vào bài: Bài 1, bài 4, bài 5

4. Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Chiến lược).

2. Cục Quản lý môi trường y tế (2019), Tài liệu đào tạo liên tục Y tế trường học dành cho nhân viên y tế trường học. Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số 2019, Hà Nội.

3. Bộ Y tế (2019), Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm phổ biến, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

4. Bộ Y Tế (2022), Hướng dẫn xử trí cấp cứu ban đầu phục vụ SEA GAMES 31, Hà Nội.

5. Bệnh viện Nhi Trung ương (2023), Hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ em, học sinh - Tài liệu tập huấn cho nhân viên y tế, cán bộ quản lý, giáo viên của cơ sở giáo dục, Hà Nội.

6. Bộ Y tế - Cục Quản lý khám chữa bệnh (2014), Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản dự án tăng cường chất lượng nguồn nhân lực trong khám chữa bệnh, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
7. Bài giảng Sức khỏe, Nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi con người. Tài liệu lưu hành nội bộ. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh năm 2022
8. Phan Văn Hợp(2020), Nâng cao sức khỏe và hành vi con người, Đại học Điều dưỡng Nam Định, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: SỨC KHOẺ - MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH- DỊCH TỄ
CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM**

Mã môn học: MH 17

Số tiết môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng liên thông. Được phân bổ vào học kỳ III, sau các môn học Điều dưỡng cơ sở - Kiểm soát nhiễm khuẩn, Vi sinh - Ký sinh, Giải phẫu Sinh lý

2. Tính chất

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; kiến thức các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe. Trên cơ sở đó sinh viên có thể phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đối với con người và vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- 1.1. Trình bày được những nguyên lý cơ bản về dịch tễ học.
- 1.2. Trình bày được các thiết kế nghiên cứu trong dịch tễ học trong y học.
- 1.3. Trình bày được nguyên lý về dịch tễ học bệnh nhiễm trùng và giám sát dịch.
- 1.4. Trình bày được quá trình dịch và biện pháp phòng chống dịch.
- 1.5. Trình bày được dịch tễ học các nhóm bệnh truyền nhiễm theo đường lây.

2. Về kỹ năng

2.1. Vận dụng kiến thức trong môn học để phân tích tình hình dịch tễ học tại cộng đồng.

2.2. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người.

2.3. Vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch giám sát, điều tra xử lý dịch.

2.4. Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Có ý thức trách nhiệm về phòng ngừa dịch bệnh trong cộng đồng.

3.2. Vận dụng kiến thức trong môn học để phân tích dịch tễ học trong chẩn đoán và kiểm soát bệnh không lây truyền.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên bài	Thời gian				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Ghi chú
1	Đại cương về Dịch tễ học	2	2	0		
2	Những nguyên lý cơ bản của DTH	2	2	0		
3	Dịch tễ học mô tả	2	2	0		
4	Khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng	2	2	0		
5	Quá trình dịch	2	2	0		
6	Nguyên lý phòng chống dịch	2	2	0		
7	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm theo đường lây truyền	2	2	0		
8	Hướng dẫn đo lường sự kết hợp giữa nguy cơ và bệnh	3	0	3		
9	Số đo mắc bệnh tử vong	6	0	6		
10	Sàng tuyển phát hiện bệnh sớm	6	0	6		
11	Chẩn đoán sức khỏe cộng đồng	6	0	6		
12	Tiến hành điều tra một vụ dịch	6	0	6		

13	Kiểm tra	4	1	3		
Cộng		45	15	30		

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về dịch tễ học

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được những khái niệm cơ bản và các chiến lược của Dịch tễ học (DTH).
- 1.2. Trình bày được sự phát triển của DTH thông qua các định nghĩa của các tác giả khác nhau và các lĩnh vực hoạt động của DTH.
- 1.3. Trình bày được mục đích thực tiễn của DTH và các cấp độ dự phòng.
- 1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

- 2.1. Những khái niệm cơ bản và chiến lược của Dịch tễ học
 - 2.1.1. Khái niệm cơ bản về DTH
 - 2.1.2. Chiến lược của DTH
- 2.2. Lịch sử phát triển của DTH
- 2.3. Các lĩnh vực hoạt động của DTH
 - 2.3.1. Phương pháp DTH học phân tích một vấn đề sức khỏe
 - 2.3.2. Một số áp dụng Dịch tễ học
- 2.4. Mục đích thực tiễn của DTH hiện đại
 - 2.4.1. Mục đích lý thuyết
 - 2.4.2. Mục đích thực hành

Bài 2. Những nguyên lý cơ bản dịch tễ học

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được quá trình diễn biến tự nhiên của bệnh.
- 1.2. Trình bày được các cấp độ dự phòng trong dịch tễ học
- 1.3. Trình bày được những nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài gây bệnh.
- 1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

- 2.1. Quá trình tự nhiên của bệnh
 - 2.1.1. Giai đoạn cảm nhiễm
 - 2.1.2. Giai đoạn tiền lâm sàng

- 2.1.3. Giai đoạn lâm sàng
- 2.1.4. Giai đoạn hậu lâm sàng
- 2.2. Các cấp độ dự phòng trong DTH
 - 2.2.1. Dự phòng cấp I
 - 2.2.2. Dự phòng cấp II
 - 2.2.3. Dự phòng cấp III
- 2.3. Quan niệm về căn nguyên đa yếu tố
 - 2.3.1. Yếu tố bên trong
 - 2.3.2. Yếu tố bên ngoài
 - 2.3.3. Mô hình sinh thái học

Bài 3. Dịch tễ học mô tả

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được mục tiêu, những nội dung chính của nghiên cứu mô tả;
- 1.2. Trình bày được phương pháp mô tả các hiện tượng sức khỏe và các yếu tố nguy cơ;
- 1.3. Diễn giải được các loại nghiên cứu mô tả;
- 1.4. Trình bày được các thành phần cơ bản của một giả thuyết Dịch tễ học về mối quan hệ nhân quả.

2. Nội dung

- 2.1. Mục tiêu của các nghiên cứu DTH mô tả
- 2.2. Nội dung chính của nghiên cứu mô tả
 - 2.2.1. Xác định quần thể nghiên cứu
 - 2.2.2. Định nghĩa bệnh nghiên cứu
 - 2.2.3. Mô tả yếu tố nguy cơ
- 2.3. Phương pháp mô tả các hiện tượng sức khỏe và các yếu tố nguy cơ
 - 2.3.1. Hiện tượng sức khỏe xảy ra ở những ai
 - 2.3.2. Hiện tượng sức khỏe đó xảy ra khi nào
 - 2.3.3. Hiện tượng sức khỏe xảy ra hàng loạt ở đâu
 - 2.3.4. Mô tả về nguy cơ của tình trạng sức khỏe nghiên cứu
- 2.4. Thiết kế nghiên cứu mô tả
 - 2.4.1. Mô tả trường hợp bệnh và chùm bệnh
 - 2.4.2. Mô tả tương quan
 - 2.4.3. Mô tả bằng những đợt nghiên cứu ngang
- 2.5. Hình thành giả thuyết về nghiên cứu mô tả

Bài 4: Khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Xác định được các khái niệm về bệnh nhiễm trùng, cách phân loại dịch tễ học bệnh nhiễm trùng

1.2. Mô tả được các đặc trưng dịch tễ học của các yếu tố tác nhân môi trường và vật chủ trong dịch tễ học bệnh nhiễm trùng.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Nhiễm trùng và lây lan

2.1.2. Bệnh nhiễm trùng trong cộng đồng nói chung và bệnh nhiễm trùng trong bệnh viện

2.1.3. Bệnh nhiễm trùng “nhẹ” và nhiễm trùng “chậm”

2.1.4. Nhiễm trùng ngoại sinh và nhiễm trùng nội sinh

2.2. Đặc trưng của DTH tác nhân, vật chủ và môi trường

2.2.1. Tác nhân

2.2.2. Vật chủ

2.2.3. Môi trường

2.3. Nhiễm trùng ngoại sinh

2.3.1. Các thời kỳ của bệnh truyền nhiễm

2.3.2. Các thể của một bệnh truyền nhiễm

Bài 5: Quá trình dịch

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được các mắt xích trong sự lây lan của bệnh nhiễm trùng và phân loại bệnh nhiễm trùng theo đường lây truyền.

1.2. Thảo luận được khái niệm về quá trình dịch trong các bệnh nhiễm trùng

1.3. Mô tả được các mắt xích cơ bản của quá trình dịch

1.4. Phân tích được vai trò của yếu tố tự nhiên và xã hội đối với quá trình dịch.

1.5. Thảo luận được về việc áp dụng luận thuyết về quá trình dịch trong phòng chống và kiểm soát các bệnh nhiễm trùng

1.6. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về quá trình dịch

2.1.1. Định nghĩa

- 2.1.2. Các mắt xích của quá trình dịch
- 2.2. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.2.1. Người bệnh
 - 2.2.2. Người lành mang trùng
 - 2.2.3. Người khỏi mang mầm bệnh
 - 2.2.4. Động vật
- 2.3. Các yếu tố truyền nhiễm và cơ chế truyền nhiễm
 - 2.3.1. Vai trò truyền nhiễm của không khí
 - 2.3.2. Vai trò truyền nhiễm của nước
 - 2.3.3. Vai trò truyền nhiễm của đất
 - 2.3.4. Vai trò truyền nhiễm của thực phẩm
 - 2.3.5. Vai trò truyền nhiễm của các vật dụng
 - 2.3.6. Vai trò truyền nhiễm của con trùng tiết túc
- 2.4. Tính cảm thụ và tính miễn dịch
 - 2.4.1. Tính cảm thụ
 - 2.4.2. Tính miễn dịch
 - 2.4.3. Miễn dịch tập thể
- 2.5. Các đặc trưng của quá trình dịch
 - 2.5.1. Các hình thức của quá trình dịch
 - 2.5.2. Tính chất chu kỳ của quá trình dịch
 - 2.5.3. Tính chất chu kỳ của quá trình dịch
 - 2.5.4. Bệnh địa phương và bệnh ngoại nhập
- 2.6. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội lên quá trình dịch
 - 2.6.1. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên
 - 2.6.2. Ảnh hưởng của các yếu tố xã hội

Bài 6: Nguyên lý phòng chống dịch

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được khái niệm về một vụ dịch và cách xác định một vụ dịch
- 1.2. Trình bày được các nội dung và chi tiết mô tả một vụ dịch
- 1.3. Trình bày được những nội dung của công tác điều tra xử lý dịch
- 1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Xác định một vụ dịch

- 2.3. Mô tả một vụ dịch
 - 2.3.1. Mô tả vụ dịch theo thời gian
 - 2.3.2. Về không gian.
 - 2.3.3. Về con người
- 2.4. Phân tích bệnh đối chứng
- 2.5. Đánh giá môi trường
- 2.6. Kiểm soát một vụ dịch
 - 2.6.1. Các biện pháp đối với nguồn truyền nhiễm
 - 2.6.2. Biện pháp đối với đường truyền nhiễm
 - 2.6.3. Biện pháp đối với khối cảm thụ
 - 2.6.4. Khái niệm về 3 cấp dự phòng
- 2.7. Các biện pháp phòng chống dịch đặc thù cho từng loại bệnh
 - 2.7.1. Các bệnh đường hô hấp
 - 2.7.2. Các bệnh đường tiêu hóa
 - 2.7.3. Các bệnh truyền nhiễm theo đường máu
 - 2.7.4. các bệnh truyền nhiễm theo đường da và niêm mạc

Bài 7: Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm theo đường lây truyền

02

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được quá trình truyền nhiễm của các bệnh lây theo đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường máu và đường da - niêm mạc.
- 1.2. Trình bày được cách phân loại nhóm các bệnh lây qua đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường máu và đường da - niêm mạc.
- 1.3. Trình bày được biện pháp phòng chống đối với các bệnh lây theo đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường máu và đường da - niêm mạc.
- 1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

- 2.1. Nhóm các bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiêu hóa
 - 2.1.1. Phân loại bệnh truyền nhiễm theo đường tiêu hóa
 - 2.1.2. Cơ chế truyền nhiễm nhóm các bệnh lây qua đường tiêu hóa
 - 2.1.3. Biện pháp phòng chống
- 2.2. Nhóm các bệnh truyền nhiễm lây qua đường hô hấp
 - 2.2.1. Phân loại bệnh truyền nhiễm theo đường hô hấp
 - 2.2.2. Cơ chế truyền nhiễm nhóm các bệnh lây qua đường hô hấp

2.2.3. Biện pháp phòng chống

2.3. Nhóm các bệnh truyền nhiễm lây qua đường máu

2.3.1. Phân loại bệnh truyền nhiễm theo đường máu

2.3.2. Cơ chế truyền nhiễm nhóm các bệnh lây qua đường máu

2.3.3. Biện pháp phòng chống

2.4. Nhóm các bệnh truyền nhiễm lây qua đường da và niêm mạc

2.4.1. Phân loại bệnh truyền nhiễm theo đường da - niêm mạc

2.4.2. Cơ chế truyền nhiễm nhóm các bệnh lây qua đường da - niêm mạc

2.5. Biện pháp phòng chống

Bài 8: Đo lường sự kết hợp giữa nguy cơ và bệnh

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Định nghĩa được các chỉ số nguy cơ đo lường sự kết hợp giữa nguy cơ và bệnh.

1.2. Tính toán được các chỉ số nguy cơ đo lường sự kết hợp giữa nguy cơ và bệnh.

1.3. Tính toán được các chỉ số nguy cơ đo lường sự kết hợp giữa nguy cơ và bệnh.

1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Các chỉ số nguy cơ

2.1.1. Định nghĩa các chỉ số nguy cơ

2.1.2. Ý nghĩa lâm sàng

2.2. Lập bảng tính đo lường sự kết hợp giữa nguy cơ và bệnh

2.3. Tính toán và giải thích được các chỉ số nguy cơ đo lường sự kết hợp giữa nguy cơ và bệnh.

Bài 9. Số đo mắc bệnh tử vong

06 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các số đo mắc bệnh và tử vong cơ bản trong dịch tễ học.

1.2. Trình bày được một số chỉ số thống kê y tế cơ bản thường dung.

1.3. Tính toán được một số chỉ số mắc bệnh và tử vong cơ bản

1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Một số chỉ số thống kê cơ bản về mắc bệnh

- 2.1.1. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi
- 2.1.2. Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ
- 2.1.3. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 3 lần trở lên trong một kỳ có thai
- 2.1.4. Tỷ lệ nghiện hút
- 2.1.5. Tỷ lệ gia đình có hố xí hợp vệ sinh
- 2.1.6. Tỷ lệ gia đình có nguồn nước sạch
- 2.2. Đo lường tỷ lệ tử vong
- 2.2.1. Tỷ lệ chết thô
- 2.2.3. Tỷ suất chết theo nhóm tuổi
- 2.2.4. Tỷ lệ chết theo nguyên nhân
- 2.2.5. Tỷ lệ chết trên mắc
- 2.3. Mổ số tỷ suất tử vong và tỷ lệ mắc thường dung trong dịch tễ học
- 2.3.1. Tỷ lệ chết chu sinh
- 2.3.2. Tỷ lệ chế sơ sinh
- 2.3.3. Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi
- 2.3.4. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi mắc hoặc chết do 6 bệnh có vacxin phòng ngừa
- 2.3.5. Tỷ lệ phát triển dân số hằng năm

Bài 10. Sàng tuyển phát hiện bệnh sớm 06 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, mục đích và tiêu chuẩn của bệnh được sàng tuyển.
- 1.2. Lập được bảng tính để tính toán độ nhạy, độ đặc hiệu và giá trị dư
- 1.3. Tính toán được độ nhạy, độ đặc hiệu và giá trị dự đoán.
- 1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa và mục đích của sàng tuyển
 - 2.1.1. Định nghĩa sàng tuyển
 - 2.1.2. Mục đích của sàng tuyển phát hiện bệnh sớm trong cộng đồng
 - 2.1.3. Những tiêu chuẩn bệnh của một bệnh được sàng tuyển
- 2.2. Lập bảng tính để tính toán độ nhạy, độ đặc hiệu và giá trị dư
 - 2.2.1. Bảng tính
 - 2.2.2. Yếu tố ảnh hưởng tới các giá trị của trắc nghiệm
- 2.3. Tính toán và phiên giải các giá trị của các trắc nghiệm sàng tuyển

Bài 11. Chẩn đoán sức khỏe cộng đồng 06 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa và các khái niệm cơ bản, sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán cá nhân

1.2. Trình bày được vai trò của nghiên cứu cắt ngang trong chẩn đoán sức khỏe cộng đồng.

1.3. Thực hiện được 15 bước tiến hành điều tra sức khỏe cộng đồng.

1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán cá nhân tại bệnh viện

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Mục tiêu chẩn đoán

2.1.3. Nội dung đánh giá

2.1.4. Phương pháp đánh giá

2.2. Vai trò nghiên cứu cắt ngang trong điều tra sức khỏe cộng đồng

2.2.1. Thông tin được khai thác ở từng cá thể

2.2.2. Kết quả của nghiên cứu cắt ngang

2.3. Các bước lập kế hoạch một cuộc điều tra sức khỏe cộng đồng

Bài 11. Điều tra một vụ dịch 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các bước tiến hành điều tra một vụ dịch

1.2. Ứng dụng được kiến thức đã học để điều tra một vụ dịch

1.3. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Đặt vấn đề

2.2. Chuẩn bị cho công tác điều tra thực địa

2.2.1. Kiến thức và công cụ điều tra

2.2.2. Việc quản lý hành chính

2.2.3. Trao đổi trước với cán bộ địa phương

2.3. Xác định sự tồn tại của dịch

2.4. Kiểm tra lại chẩn đoán

2.5. Định nghĩa ca bệnh và chẩn đoán những trường hợp mắc bệnh

2.6. Tiến hành nghiên cứu dịch tễ học mô tả

2.6.1. Thời gian

2.6.2. Địa điểm

2.6.3. Con người

2.7. Thực hiện các biện pháp phòng và chống dịch

2.8. Viết báo cáo

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, Videos, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Thể hiện thái độ tích cực, chuẩn bị bài trước khi lên lớp

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Kiểm tra định kỳ thực hành: 1 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Thực hiện trên các tình huống giả định

+ Phương pháp: Làm báo cáo kết quả thực hành

+ Công cụ: Bộ trắc nghiệm tâm lý; tình huống giả định

+ Thời gian: 180 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng liên thông

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thực hành:** Phân chia nhóm nhỏ thực hành theo nội dung yêu cầu

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết, 100% thời gian học thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$ theo thang điểm 10.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Lý thuyết: Bài 3.4.7.

- Thực hành: Bài 8,9,11

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bài giảng Vệ sinh môi trường – Dịch tễ, Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học năm 2018.
2. Bài giảng Dịch tễ học, Đại học Y Huế, 2019

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y ĐỨC - TỔ CHỨC Y TẾ

Mã môn học: MH 18

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ, trong đó Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 04 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Môn học Y đức - Tổ chức Y tế thuộc lĩnh vực các môn học cơ sở ngành, được học ở học kỳ 3 của ngành học Cao đẳng Điều dưỡng liên thông, sau khi đã học xong các môn học Điều dưỡng cơ sở - kiểm soát nhiễm khuẩn, Vi sinh - Ký sinh.

2. Tính chất:

Y đức - Tổ chức Y tế là môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đạo đức điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về đạo đức điều dưỡng (của Hội điều dưỡng Việt Nam và Quốc tế), những khó khăn về đạo đức khi chăm sóc sức khỏe; phản ứng đạo đức và vị trí của nó trong thực hành điều dưỡng. Phân tích mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người điều dưỡng Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương và tâm lý học y học.

1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý học người bệnh, tâm lý học người cán bộ y tế.

1.3. Trình bày được những kỹ năng cơ bản trong tiếp xúc với người bệnh, đồng nghiệp, cộng đồng.

1.4. Trình bày được nội dung 12 điều Y đức

1.5. Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh từ đó lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp.

1.6. Phân tích được mối liên hệ giữa đạo đức với đạo đức nghề y, những khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu y học và y tế.

2. Về kỹ năng:

2.1. Vận dụng kiến thức trong môn học áp dụng trong quá trình tiếp xúc bệnh nhân

2.2. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Có ý thức trách nhiệm trong quá trình đi thực tập thực tế tại bệnh viện

3.2. Thường xuyên có thái độ và hành động đúng trong việc tiếp xúc và chăm sóc bệnh nhân

3.3. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

3.4. Tuân thủ đúng các quy định về y đức của ngành y tế.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

A. LÝ THUYẾT

Số TT	Tên mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về tâm lý học và tâm lý học y học	2	2		
2	Nhân cách – Nhu cầu – Động cơ.	2	2		
3	Kỹ năng giao tiếp	2	2		
4	Tâm lý bệnh nhân, tâm lý người thầy thuốc	2	2		
5	Chấn thương tâm lý (Stress), các biện pháp dự phòng và liệu pháp tâm lý.	2	2		
6	Lịch sử Y học và Y đức.	2	2		
7	Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế.	2	2		
8	Kiểm tra	1			1
Cộng		15	14		1

B. THỰC HÀNH (Tại trường)

Số TT	Tên mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra

1	Hướng dẫn thực hiện các trắc nghiệm tâm lý	3		3	0
2	Hướng dẫn kỹ năng giao tiếp	6		6	0
3	Tâm lý bệnh nhân, tâm lý người thầy thuốc	6		6	
4	Hướng dẫn trắc nghiệm stress và tư vấn tâm lý	6		6	
5	Hướng dẫn thực hành Lập kế hoạch y tế	6		6	
9	Kiểm tra	3			3
Cộng		30		27	3

2. Nội dung chi tiết:

A. LÝ THUYẾT

Bài 1: Đại cương về tâm lý học và tâm lý học y học Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, khái niệm, đối tượng nghiên cứu và các nhiệm vụ của tâm lý học.
- 1.2. Trình bày được bản chất, đặc điểm, các giai đoạn hình thành và phân loại các hiện tượng tâm lý.
- 1.3. Trình bày khái quát được các nguyên tắc chung và phương pháp thường áp dụng trong nghiên cứu tâm lý học.
- 1.4. Trình bày được khái niệm, định nghĩa, đối tượng nghiên cứu và nhiệm vụ của tâm lý học y học.
- 1.5. Trình bày vai trò của yếu tố tâm lý trong y học.
- 1.6. Ứng dụng được các kiến thức tâm lý con người vào trong giao tiếp và sinh hoạt hằng ngày

2. Nội dung:

- 2.1. Sơ lược lịch sử phát triển tâm lý học.
- 2.2. Định nghĩa tâm lý học
- 2.3. Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học.
- 2.4. Nhiệm vụ của tâm lý học
- 2.5. Bản chất của hiện tượng tâm lý.
- 2.6. Đặc điểm của hiện tượng tâm lý.
- 2.7. Sự xuất hiện của hiện tượng tâm lý.
- 2.8. Sự phát triển của hiện tượng tâm lý.
- 2.9. Phân loại các hiện tượng tâm lý.
- 2.10. Phương pháp nghiên cứu tâm lý.

2.11. Đại cương về tâm lý y học.

Bài 2: Nhân cách – Nhu cầu – Động cơ.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các khái niệm, định nghĩa, đặc điểm, cấu trúc tâm lý, sự hình thành và phát triển của nhân cách.

1.2. Trình bày được định nghĩa, phân loại nhu cầu và các bậc thang nhu cầu của con người theo Maslow).

1.3. Trình bày được định nghĩa, đặc điểm và phân loại các loại động cơ.

2. Nội dung:

2.1. Nhân cách.

2.2. Nhu cầu.

2.3. Động cơ

Bài 3: Kỹ năng giao tiếp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các khái niệm, định nghĩa và các mục đích của giao tiếp.

1.2. Mô tả và nêu ý nghĩa các sơ đồ giao tiếp.

1.3. Trình bày được các chức năng giao tiếp.

1.4. Trình bày các nguyên tắc thông thường trong giao tiếp áp dụng trong cuộc sống và công việc.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về giao tiếp.

2.2. Định nghĩa giao tiếp.

2.3. Mục đích của giao tiếp.

2.4. Mô hình giao tiếp.

2.5. Các phương tiện giao tiếp.

2.6. Các chức năng giao tiếp.

2.7. Các kỹ năng giao tiếp.

2.8. Các nguyên tắc giao tiếp.

Bài 4: Tâm lý bệnh nhân, tâm lý người thầy thuốc

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích được các khái niệm về bệnh tật và bệnh nhân.

1.2. Trình bày được các biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân.

1.3. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự giao tiếp với bệnh nhân

1.4. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với bệnh nhân.

2. Nội dung:

2.1. Tâm lý bệnh nhân

- 2.1.1. Bệnh tật và tâm lý bệnh nhân
- 2.1.2. Khái niệm về tâm lý bệnh nhân.
- 2.1.3. Các biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân.
- 2.1.4. Các phản ứng tâm lý của bệnh nhân.
- 2.2. Tâm lý người thầy thuốc
- 2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự giao tiếp.
- 2.2.2. Các nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp với bệnh nhân.
- 2.2.3. Những điều cần lưu ý trong một số tình huống cụ thể.

Bài 5: Chấn thương tâm lý (Stress), các bệnh dự phòng và liệu pháp tâm lý. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm về stress, các yếu tố và phương thức gây bệnh của stress.
- 1.2. Trình bày được các dấu hiệu, triệu chứng và các hậu quả của stress.
- 1.3. Trình bày được các biện pháp đương đầu với stress.
- 1.4. Trình bày được khái niệm và cơ sở xây dựng liệu pháp tâm lý.
- 1.5. Trình bày được các liệu pháp tâm lý thông thường.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về chấn thương tâm lý (Stress).
- 2.2. Các yếu tố gây Stress.
- 2.3. Cách ứng xử, năng lực và các stress chính phải vượt qua trong các giai đoạn của cuộc đời.
- 2.4. Tính chất và phương pháp gây bệnh stress.
- 2.5. Các dấu hiệu và triệu chứng của Stress.
- 2.6. Các hậu quả tác động của Stress.
- 2.7. Các biện pháp đương đầu với Stress.
- 2.8. Khái niệm về liệu pháp tâm lý.
- 2.9. Cơ sở xây dựng liệu pháp tâm lý.
- 2.10. Các loại liệu pháp tâm lý.

Bài 6: Lịch sử Y học và Y đức. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán bộ y tế.
- 1.2. Trình bày được các khái niệm, về Y đức và Y đạo.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Lịch sử Y học.
- 2.1.1. Y học thời kỳ xã hội nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)

- 2.1.2. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 5 SCN).
- 2.1.3. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (Thế kỷ thứ V – XVII).
- 2.1.4. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (Thế kỷ XVII – hiện đại).
- 2.15. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)
- 2.2 Y đức
 - 2.2.1. Khái niệm về đạo đức và y đức
 - 2.2.2. Phân biệt khái niệm y đức và y đạo.
 - 2.2.3. Lịch sử đạo đức y học.

Bài 7: Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích các mối tương quan nghĩa vụ giữa bệnh nhân, cán bộ y tế, cơ sở y tế và xã hội.
- 1.2. Phân tích được bản chất của đạo đức y học xã hội chủ nghĩa.
Trình bày được những yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế
- 1.3. Trình bày khái, quát nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế

2. Nội dung:

- 2.1. Nghĩa vụ của người cán bộ y tế.
- 2.2. Bản chất đạo đức y học xã hội chủ nghĩa.
- 2.3. Những yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
- 2.4. Quy định về y đức của Bộ Y tế.

B. THỰC HÀNH (Tại trường)

Bài 1: Hướng dẫn thực hiện các trắc nghiệm tâm lý Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Thực hiện được các bước tiến hành trắc nghiệm tâm lý
- 1.2. Thực hiện 1 cuộc trắc nghiệm tâm lý

2. Nội dung:

- 2.1. Chuẩn bị các bước để tiến hành trắc nghiệm tâm lý
- 2.2. Thực hiện trắc nghiệm tâm lý

Bài 2: Hướng dẫn kỹ năng giao tiếp

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được các bước thực hiện 1 buổi nói chuyện giao tiếp
- 1.2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp trong các tình huống cụ thể

2. Nội dung:

- 2.1. Kỹ năng gây ấn tượng ban đầu trong giao tiếp
- 2.2. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân

- 2.3. Kỹ năng lắng nghe
- 2.4. Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp
- 2.5. Kỹ năng điều khiển, điều chỉnh chủ thể và đối tượng giao tiếp
- 2.6. Kỹ năng thuyết phục

Bài 3: Tâm lý bệnh nhân, tâm lý người thầy thuốc

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nắm bắt được tâm lý của bệnh nhân
- 1.2. Thực hiện được các liệu pháp tâm lý cho bệnh nhân

2. Nội dung:

- 2.1. Các mô hình liệu pháp tâm lý
- 2.2. Các giai đoạn của liệu pháp tâm lý
- 2.3. Các kỹ thuật thực hiện liệu pháp tâm lý cá nhân
 - 2.3.1. Các liệu pháp dựa trên kỹ thuật ám thị
 - 2.3.2. Các kỹ thuật thư giãn
 - 2.3.3. Các liệu pháp hành vi
- 2.4. Các bước thực hiện liệu pháp tâm lý gia đình

Bài 4: Hướng dẫn trải nghiệm stress và tư vấn tâm lý

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Thực hiện được 1 cuộc đánh giá tình trạng stress
- 1.2. Thực hiện được 1 cuộc tư vấn tâm lý

2. Nội dung:

- 2.1. Chuẩn bị các bước để tiến hành trải nghiệm stress.
- 2.2. Thực hiện trải nghiệm stress
- 2.3. Chuẩn bị các bước tư vấn tâm lý
- 2.4. Tiến hành tư vấn tâm lý

Bài 5: Hướng dẫn thực hành Lập kế hoạch y tế

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các bước lập kế hoạch y tế
- 1.2. Xây dựng được một kế hoạch can thiệp giải quyết một vấn đề y tế cụ thể tại địa phương/cơ quan nơi anh chị công tác..

2. Nội dung:

- 2.1. Yêu cầu của lập kế hoạch y tế
- 2.2. Các bước lập kế hoạch y tế
- 2.3. Khung bản kế hoạch
- 2.4. Lập kế hoạch y tế cho 1 vấn đề cụ thể

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học Lý thuyết/ Thực hành:** Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
- 2. Trang thiết bị dạy học:** Projektor, máy tính, bảng, phấn
- 3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:** Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, tranh ảnh, bộ trắc nghiệm; Videos, bài giảng Power Point.
- 4. Các điều kiện khác:** không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
 - + Có kiến thức cơ bản về các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động y tế, điều dưỡng.
 - + Phân tích mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người điều dưỡng Việt Nam.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết vấn đáp trong giờ học, điểm tham gia thảo luận nhóm
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 15 phút

- Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm trên giấy;
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 45 phút

- Kiểm tra định kỳ thực hành: 1 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Thực hiện trên các tình huống giả định
- + Phương pháp: Làm báo cáo kết quả thực hành
- + Công cụ: Bộ trắc nghiệm tâm lý; tình huống giả định
- + Thời gian: 180 phút

- Thi kết thúc môn học: 1 điểm

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng liên thông

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thực hành:** Phân chia nhóm nhỏ thực hành theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ 100% các buổi thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Lý thuyết: Bài 1, bài 4, bài 5

- Thực hành: Bài 3, bài 5

4. Tài liệu dạy học và tham khảo:

- [1] Võ Văn Giáp (2025), *Bài giảng Y đức – Tổ chức Y tế*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.
- [2] Dương Huy Liệu (2021), *Quản lý y tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- [3] Phạm Minh Hạc (2021) *Giáo trình tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Bộ Y tế, Nghị định 75/2015/NĐ-CP.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

I. Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA

Mã số môn học: **MH 19**

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành bệnh viện: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

II. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC

1. Vị trí

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở, Đạo đức Điều dưỡng, Giao tiếp và thực hành Điều dưỡng, Điều dưỡng và Kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Tính chất: Môn học chuyên ngành, bắt buộc

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc nội khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa (Nội chung và các chuyên khoa hệ Nội); Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh.

III. MỤC TIÊU MÔN HỌC/HỌC PHẦN

1. Về kiến thức

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp
- 1.2. Trình bày và giải thích được các bước lập kế hoạch chăm sóc một số bệnh nội khoa thường gặp

2. Về kỹ năng

- 2.1. Có ý thức, trách nhiệm, đạo đức trong công tác chăm sóc người bệnh
- 2.2. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phối hợp tốt với đồng nghiệp và người bệnh

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 3.1. Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong khi thực hành nghề nghiệp.

3.2. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người bệnh và gia đình họ; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh và gia đình họ.

3.4. Phối hợp với người bệnh và gia đình họ trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ tại cộng đồng; tạo điều kiện và hỗ trợ họ ra các quyết định liên quan đến sức khỏe.

3.5. Phát triển các mối quan hệ chuyên môn với các nhân viên y tế khác. Phối hợp hiệu quả với các nhân viên y tế khác để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho bệnh nhân và gia đình họ.

3.6. Chịu trách nhiệm và giải thích được các quyết định thực hành lâm sàng của mình, lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe phù hợp cho từng cá nhân và cộng đồng.

IV. NỘI DUNG MÔN HỌC/ HỌC PHẦN

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

1.1. Lý thuyết

TT	Tên Bài/ Học Phần	Số tiết			
		Tổng	LT	TH	KT
1	Thăm khám tim mạch	1	1		
2	Chăm sóc bệnh nhân Tăng huyết áp	2	2		
3	Triệu chứng học hệ Hô hấp	1	1		
4	Chăm sóc bệnh nhân Viêm phổi	1	1		
5	Thăm khám lâm sàng hệ tiêu hoá	1	1		
6	Chăm sóc bệnh nhân Xơ gan	2	2		
7	Chăm sóc bệnh nhân Xuất huyết tiêu hoá	2	2		
8	Chăm sóc bệnh nhân Thiếu máu	1	1		
9	Chăm sóc bệnh nhân Đái tháo đường	1	1		
10	Thăm khám lâm sàng, cận lâm sàng thận, tiết niệu	1	1		
11	Chăm sóc bệnh nhân Viêm khớp dạng thấp	1	1		

12	Kiểm tra				1
	Tổng số	15	14		1

1.2. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian 45 giờ

TT	Tên Bài/ Học Phần	Số tiết
		TH
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân Tăng huyết áp	5
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân Viêm phổi thùy	5
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân Xơ gan	5
4	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân Xuất huyết tiêu hoá	5
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân thiếu máu	4
6	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân Đái tháo đường	4
7	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân Viêm khớp dạng thấp	4
8	Xem, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc bệnh nhân	4
9	Làm phiếu chăm sóc bệnh nhân	4
10	Chuẩn bị dụng cụ phụ giúp bác sĩ thực hiện các kỹ thuật	4
11	Thi kết thúc lâm sàng	1
	Tổng số	44

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: THĂM KHÁM TIM, MẠCH - Thời gian 1 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được kỹ thuật khám tim.
2. Trình bày được kỹ thuật khám động mạch và tĩnh mạch.
3. Mô tả được một số biểu hiện bệnh lý ở tim và mạch máu.

Nội dung bài học

1. Khám tim

1.1. Hỏi bệnh

1.2. Khám bệnh:

1.2.1. Nhìn

1.2.2. Sờ

1.2.3. Gõ

1.2.4. Nghe

- Các tiếng tim

+ Tiếng tim bình thường

+ Tiếng tim bất thường

2. Khám động mạch: Bắt mạch, đo huyết áp, động mạch các chi...

Bài 2: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN TĂNG HUYẾT ÁP - Thời gian 2 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được một số nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của tăng huyết áp
2. Mô tả được các biểu hiện lâm sàng, các biến chứng của tăng huyết áp
3. Chẩn đoán được tăng huyết áp và các giai đoạn tăng huyết áp
4. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp

Nội dung bài học

1. Đại cương

2. Bệnh nguyên của tăng huyết áp

3. Triệu chứng tăng huyết áp

4. Chẩn đoán

5. Phân loại tăng huyết áp

6. Điều trị

II. Chăm sóc

1 Nhận định tình hình

2. Chẩn đoán điều dưỡng

3. Lập kế hoạch chăm sóc

4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

5. Đánh giá quá trình chăm sóc

Bài 3: THĂM KHÁM HỆ HÔ HẤP- Thời gian 1 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được các triệu chứng cơ năng, thực thể của bộ máy hô hấp.
2. Đánh giá được các xét nghiệm cận lâm sàng trong chẩn đoán bệnh hô hấp.

Nội dung bài học

1. Triệu chứng cơ năng

1.1. Ho

1.2. Khạc đờm

1.3. Khó thở

1.4. Đau ngực

2. Thăm khám lâm sàng:

2.1. Nhìn

2.2. Sờ

2.3. Gõ

2.4. Nghe

Bài 4: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN VIÊM PHỔI THỦY - Thời gian 1 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của viêm phổi thủy.
2. Nêu được một số chẩn đoán điều dưỡng.
3. Lập được kế hoạch chăm sóc một bệnh nhân viêm phổi thủy.

Nội dung bài học

1. Định nghĩa

2. Dịch tễ học

3. Nguyên nhân của viêm phổi thủy

4. Triệu chứng của viêm phổi thủy

5. Chẩn đoán viêm phổi thủy

6. Điều trị viêm phổi thủy

7. Phòng bệnh

CHĂM SÓC BỆNH NHÂN VIÊM PHỔI THỦY

1. Nhận định

2. Chẩn đoán điều dưỡng

3. Lập kế hoạch chăm sóc

4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

5. Đánh giá

Bài 5: THĂM KHÁM LÂM SÀNG BỘ MÁY TIÊU HOÁ - Thời gian 1 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được các triệu chứng cơ năng của bộ máy tiêu hoá
2. Mô tả được các cơ quan ở các định khu trên ổ bụng
3. Khám được các cơ quan thuộc bộ máy tiêu hoá

Nội dung bài học

I. CÁC RỐI LOẠN CƠ NĂNG CỦA BỘ MÁY TIÊU HOÁ

1. Đau

2. Rối loạn về nuốt

3. Nôn, buồn nôn

4. Oẹ

5.Ợ

6. Rối loạn về phân

7. Rối loạn về đại tiện

8. Rối loạn về ăn uống

9. Hiện tượng sinh hơi trong ống tiêu hoá

10. Chảy máu tiêu hoá

11. Vàng da, vàng mắt

II. KHÁM LÂM SÀNG

1. Nhìn

2. Sờ

3. Gõ

4. Nghe

Bài 6: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN XƠ GAN - Thời gian 2 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng của xơ gan giai đoạn còn bù và mất bù
2. Phát hiện được các biến chứng của xơ gan
3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân phù và cổ trướng trong xơ gan.

Nội dung bài học

1.Đại cương

.2. Nguyên nhân

3. Cơ chế bệnh sinh

4. Lâm sàng

5. Cận lâm sàng

6. Chẩn đoán xác định

7. Tiến triển, biến chứng

8. Điều trị

CHĂM SÓC BỆNH NHÂN XƠ GAN

2.1. Nhận định

2.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

Bài 7: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN XUẤT HUYẾT TIÊU HOÁ - TG: 2 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được các nguyên nhân của xuất huyết tiêu hoá trên và dưới
2. Phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của xuất huyết tiêu hoá
3. Chăm sóc được bệnh nhân xuất huyết tiêu hoá

Nội dung bài học

1.ĐẠI CƯƠNG

1.1. Định nghĩa

1.2. Nguyên nhân thường gặp và cơ chế bệnh sinh

1.3. Triệu chứng lâm sàng

1.4. Xử trí

2. CHĂM SÓC BỆNH NHÂN XUẤT HUYẾT TIÊU HOÁ

2.1. Nhận định

2.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.4.1. Thực hiện y lệnh

2.4.2. Theo dõi bệnh nhân

2.4.3. Giáo dục sức khỏe

2.4.4. Đánh giá quá trình chăm sóc

Bài 8: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN THIẾU MÁU - Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của bệnh thiếu máu.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân thiếu máu.

Nội dung bài học

1. Đại cương về huyết học

2. Định nghĩa và nguyên nhân sinh bệnh thiếu máu

3. Các biểu hiện lâm sàng

4. Xử trí

CHĂM SÓC BỆNH NHÂN THIẾU MÁU

1. Nhận định

2. Chẩn đoán điều dưỡng

3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân thiếu máu mạn tính

4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

5. Đánh giá quá trình chăm sóc

Bài 9: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG - Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, chẩn đoán và theo dõi được các biến chứng của bệnh đái tháo đường.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường

Nội dung bài học

1. Định nghĩa

1. Nguyên nhân của bệnh đái tháo đường

2. Lâm sàng

3. Chẩn đoán

4. Test dung nạp glucose
5. Xét nghiệm nước tiểu
6. Xử trí
7. Biến chứng của đái tháo đường

CHĂM SÓC BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

1. Nhận định tình hình
2. Chẩn đoán điều dưỡng
3. Lập kế hoạch chăm sóc
4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
5. Đánh giá quá trình chăm sóc

Bài 10: KHÁM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG THẬN VÀ TIẾT NIỆU - Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được các triệu chứng cơ năng của thận và hệ tiết niệu
2. Thực hiện được cách khám lâm sàng thận và tiết niệu

Nội dung bài học

1. SƠ LƯỢC GIẢI PHẪU

1.1. Thận

1.2. Niệu quản

1.3. Niệu đạo

1.4. Tuyến tiền liệt

2. TRIỆU CHỨNG LÂM SÀNG

2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2. Triệu chứng toàn thân

2.3. Triệu chứng thực thể

2.4. Các nghiệm pháp khám thận to

2.5. Khám cầu bàng quang

2.6. Khám tuyến tiền liệt

2.7. Một số yếu tố cần thiết khi khám hệ thống thận tiết niệu

Bài 11: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN VIÊM KHỚP DẠNG THẤP

- Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu

1. Trình bày được một số đặc điểm lâm sàng, tiến triển và chẩn đoán viêm khớp dạng thấp
2. Lập được quy trình chăm sóc bệnh nhân bị viêm khớp dạng thấp
3. Thể hiện thái độ phải nhẹ nhàng, ân cần và biết thông cảm khi chăm sóc

Nội dung bài học

1. Đại cương

2. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh

3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

4. Chẩn đoán xác định

5. Điều trị

CHĂM SÓC BỆNH NHÂN VIÊM KHỚP DẠNG THẤP

1. Nhận định tình hình

2. Chẩn đoán điều dưỡng

3. Lập kế hoạch chăm sóc

4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

5. Đánh giá chăm sóc

V. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn
2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm...
4. Các điều kiện khác:

VI. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung thực hành tại bệnh viện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

2.1. Cách đánh giá

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện: 1 điểm**

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh

+ Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng điều dưỡng vừa làm vừa học

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

* Thực tập bệnh viện

Sinh viên thực tập tại các khoa nội bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, bệnh viện đa khoa thành phố và các bệnh viện huyện trong thời gian 2 tuần (45 giờ). Sinh viên được giảng viên, cán bộ hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được

cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực thực hành tại bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết và thực hành bệnh viện.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Tất cả các bài lý thuyết, các bài thực hành

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

- [1] Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa - Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh
- [2] Điều dưỡng nội khoa, NXB Y học 2015.
- [3] Trường Đại học Y Hà Nội, Bệnh học nội khoa, NXB Y học 2020.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

I. Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA

Mã số môn học: **MH 20**

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành bệnh viện: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

II. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Học phần chăm sóc sức khỏe bệnh ngoại khoa thuộc các lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 3 của ngành học cao đẳng điều dưỡng liên thông sau khi đã học xong các học phần: Điều dưỡng cơ sở, Đạo đức Điều dưỡng, Giao tiếp và thực hành Điều dưỡng, Điều dưỡng và Kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Tính chất: Môn học chuyên ngành, bắt buộc

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc ngoại khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực ngoại khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực ngoại khoa; Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh.

III. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp

1.2. Trình bày được tiến triển và biến chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.

2. Về kỹ năng:

2.1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa.

2.2. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng ngoại khoa.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Có ý thức, trách nhiệm, đạo đức trong công tác chăm sóc người bệnh

3.2. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phối hợp tốt với đồng nghiệp và người bệnh

IV. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Lý thuyết tại trường:

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chuẩn bị bệnh nhân trước phẫu thuật	4	1	3	
2	Chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật	4	1	3	
3	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa	8	2	6	
4	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiết niệu	8	2	6	
5	Chăm sóc người bệnh phẫu gan mật	8	2	6	
6	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật lồng ngực	8	2	6	
7	Chăm sóc người bệnh Bong gân, sai khớp, gãy xương gãy xương	4	2	7	
8	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật hệ thần kinh	5	2	4	
9	Kiểm tra	3	1	1	
	Cộng	60	15	45	

1.2. Thực hành bệnh viện:

	Nội dung	Số tiết
Bài 1.	Chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật	
1.1.	Chuẩn bị bệnh nhân mổ cấp cứu	2
1.2.	Chuẩn bị bệnh nhân mổ phiên	2
Bài 2.	Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật	
2.1.	Chăm sóc bệnh nhân giai đoạn hồi tỉnh	2
2.2.	Chăm sóc bệnh nhân trong 24h đầu	2
2.3.	Chăm sóc bệnh nhân những ngày sau	2
Bài 3.	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa	...
3.1.	Viêm ruột thừa cấp	4
3.2.	Tắc ruột, lồng ruột	4
3.3.	Thủng dạ dày cấp	2
3.4.	Viêm phúc mạc	4
Bài	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiết niệu	

4.		
4.1.	Sỏi thận, Sỏi niệu quản, sỏi bàng quang	4
4.2.	Chấn thương thận	2
4.3.	Tăng sinh tuyến tiền liệt	2
Bài 5.	Chăm sóc người bệnh phẫu gan mật	2
Bài 6.	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật lồng ngực	2
Bài 7.	Chăm sóc người bệnh Bong gân, sai khớp, gãy xương	4
Bài 8.	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật hệ thần kinh	4
	Tổng	44

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Chuẩn bị bệnh nhân trước phẫu thuật;

Thời gian: 1 giờ

I. Mục tiêu:

1. Nêu được khái niệm phẫu thuật cấp cứu và phẫu thuật theo kế hoạch
2. Trình bày được các bước chuẩn bị bệnh nhân mổ cấp cứu
3. Trình bày được các bước chuẩn bị người bệnh mổ phiên (Mổ theo kế hoạch)

II. Nội dung:

1. Các loại phẫu thuật:
 - 1.1. Phẫu thuật cấp cứu:
 - 1.2. Phẫu thuật theo kế hoạch
2. Chuẩn bị người bệnh mổ theo kế hoạch:
 - 2.1. Chuẩn bị tâm lý
 - 2.2. Chuẩn bị thủ tục hành chính
 - 2.3. Chuẩn bị thể chất người bệnh
 - 2.4. Chuẩn bị người bệnh trong ngày phẫu thuật
3. Chuẩn bị người bệnh mổ cấp cứu:
 - 3.1. Chuẩn bị tâm lý
 - 3.2. Chuẩn bị thủ tục hành chính
 - 3.3. Chuẩn bị thể chất người bệnh
 - 3.4. Chuẩn bị người bệnh trước khi chuyển phòng mổ

Bài 2: Chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật;

Thời gian: 1 giờ

I. Mục tiêu:

1. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn hồi tỉnh
2. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn trong 24 giờ đầu
3. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn những ngày sau

II. Nội dung:

1. Các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn hồi tỉnh:
 - 1.1. Nhận định:
 - 1.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 1.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 1.4. Đánh giá
2. Các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn 24h đầu:
 - 2.1. Nhận định:
 - 2.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.4. Đánh giá
3. Các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn những ngày sau:
 - 3.1. Nhận định:
 - 3.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 3.4. Đánh giá

Bài 3: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa; Thời gian: 2 giờ

I. Mục tiêu:

1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh viêm ruột thừa cấp, lồng ruột, tắc ruột, thủng dạ dày và bệnh viêm phúc mạc.
2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh viêm ruột thừa cấp, lồng ruột, tắc ruột, thủng dạ dày và bệnh viêm phúc mạc.
3. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa cấp, lồng ruột, tắc ruột, thủng dạ dày và bệnh viêm phúc mạc.

2. Nội dung:

1. Viêm ruột thừa cấp:
 - 1.1. Nguyên nhân:
 - 1.2. Triệu chứng :
 - 1.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 1.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 1.3. Chăm sóc
 - 1.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 1.3.2. Chăm sóc sau mổ
2. Tắc ruột:
 - 2.1. Nguyên nhân:
 - 2.2. Triệu chứng :
 - 2.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.3. Chăm sóc

- 2. 3.1. Chăm sóc trước mổ
- 2. 3.2. Chăm sóc sau mổ
- 3. Lòng ruột:
 - 3. 1. Nguyên nhân:
 - 3.2. Triệu chứng :
 - 3.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 3.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 3.3. Chăm sóc
 - 3. 3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 3. 3.2. Chăm sóc sau mổ
- 4. Thủng dạ dày:
 - 4. 1. Nguyên nhân:
 - 4.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 4.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 4.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 4.3. Chăm sóc
 - 4. 3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 4. 3.2. Chăm sóc sau mổ
- 5. Viêm ruột thừa cấp:
 - 5. 1. Nguyên nhân:
 - 5.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 5.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 5.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 5.3. Chăm sóc
 - 5. 3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 5. 3.2. Chăm sóc sau mổ.

Bài 4: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiết niệu; Thời gian: 2 giờ

I. Mục tiêu:

- 1. Trình bày được triệu chứng bệnh sỏi thận, sỏi niệu quản, sỏi bàng quang & U xơ TLT
- 2. Trình bày cách chăm sóc người bệnh sỏi thận, sỏi niệu quản, sỏi bàng quang & U xơ TLT

II. Nội dung:

- 1. Sỏi thận:
 - 1.1. Nguyên nhân
 - 1. 2. Triệu chứng:
 - 1.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 1.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

- 1.3. Chăm sóc
 - 1.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 1.3.2. Chăm sóc sau mổ
2. Sỏi niệu quản:
 - 2.1. Nguyên nhân
 2. 2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.3. Chăm sóc
 - 2.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 2.3.2. Chăm sóc sau mổ
3. Sỏi bàng quang:
 - 3.1. Nguyên nhân
 3. 2. Triệu chứng:
 - 3.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 3.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 3.3. Chăm sóc
 - 3.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 3.3.2. Chăm sóc sau mổ
4. U Xơ tiền liệt tuyến:
 - 4.1. Nguyên nhân
 4. 2. Triệu chứng:
 - 4.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 4.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 4.3. Chăm sóc
 - 4.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 4.3.2. Chăm sóc sau mổ

Bài 5: Chăm sóc người bệnh phẫu gan mật;

Thời gian: 2 giờ

I. Mục tiêu:

1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh sỏi mật, áp xe đường mật
2. Trình bày được triệu chứng của bệnh sỏi mật, áp xe đường mật
3. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh sỏi mật, áp xe đường mật

II. Nội dung:

1. Sỏi mật:
 - 1.1. Nguyên nhân:
 - 1.2. Triệu chứng:
 - 1.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 1. 2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

1. 3. Chăm sóc
 - 1.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 1.3.2. Chăm sóc sau mổ
2. Áp xe gan:
 - 2.1. Nguyên nhân:
 - 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
2. 3. Chăm sóc
 - 2.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 2.3.2. Chăm sóc sau mổ

Bài 6: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật lồng ngực; Thời gian: 2 giờ

I. Mục tiêu:

1. Trình bày cách được triệu chứng lâm sàng của chấn thương ngực
2. Trình bày các bước chăm sóc người bệnh chấn thương ngực

II. Nội dung:

1. Phân loại:
2. Triệu chứng:
 - 2.1. Chấn thương thành ngực đơn thuần
 - 2.2. Chấn thương ngực kín:
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.3. Chấn thương ngực hở
 - 2.3.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.3.2. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.3. Triệu chứng thực thể
 - 2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.4. Vết thương ngực có van:

Bài 7: Chăm sóc người bệnh bong gân, sai khớp, Gãy xương; 2 giờ

I. Mục tiêu:

1. Trình bày được triệu chứng của bong gân
2. Trình bày được triệu chứng của sai khớp
3. Trình bày được triệu chứng gãy xương
4. Trình bày các bước chăm sóc người bệnh bong gân, sai khớp, gãy xương

II. Nội dung:

1. Bong gân:
 - 1.1. Nguyên nhân:

- 1.2. Triệu chứng
- 1.3. Hướng điều trị
2. Bong gân:
 - 2.1. Nguyên nhân:
 - 2.2. Triệu chứng
 - 2.3. Hướng điều trị
3. Chấn thương:
 - 3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 3.2. Chăm sóc sau mổ
3. Gãy xương:
 - 3.1. Nguyên nhân:
 - 3.2. Phân loại:
 - 3.3. Triệu chứng:
 - 3.3.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 3.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 3.4. Chăm sóc:
 - 3.4.1. Chăm sóc trước phẫu thuật
 - 3.4.2. Chăm sóc sau phẫu thuật

Bài 8: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật hệ thần kinh; Thời gian: 1 giờ

I. Mục tiêu:

1. Trình bày được triệu chứng chấn thương sọ não
2. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não

II. Nội dung:

1. Đại cương:
2. Triệu chứng:
 - 2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
3. Chăm sóc:
 - 3.1. Chăm sóc trước phẫu thuật
 - 3.2. Chăm sóc sau phẫu thuật

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại trường và thực hành tại bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng
- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thực hành trên người bệnh
 - + Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh
 - + Thời gian: 30 phút
- **Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
 - + Thời gian: 40 phút.
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.
- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên lý thuyết, thực hành tại trường (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ lý thuyết, thực hành tại trường (Hệ số 2)	
+ Điểm kiểm tra kết thúc thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: đối tượng Cao đẳng Điều dưỡng Liên thông

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng

Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, thảo luận..

- Thực hành tại bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các khoa bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, thời gian 2 tuần. Sinh viên được giáo viên hướng dẫn các kỹ thuật, cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc trên người bệnh.

2.1. Đối với giảng viên

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- + Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- + Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học:

Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- + Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- + Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- + Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm kiểm tra thực hành ở trường và ở bệnh viện $\geq 5,0$ và điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Văn, (2017), *Bài giảng Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao*, Bộ môn Ngoại trường CDYT Hà Tĩnh.
- [2] Nguyễn Kim Thành, Lê Hoài Nam(2018), *Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa*, nhà xuất bản Đại Học Y Thái Nguyên.
- [3] TS.BS. Nguyễn Minh An,(2023), *Giáo trình chăm sóc Ngoại khoa các bệnh lý chấn thương*, nhà xuất bản giáo dục.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

Mã môn học: MH 21

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết 14 giờ; Thực hành bệnh viện: 44 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC:

1. Vị trí: Môn Chăm sóc sức khỏe trẻ em là một trong các môn học chuyên ngành bắt buộc, sau khi đã học các môn cơ sở, môn Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa.

2. Tính chất: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cách phát hiện, xử trí, cách chăm sóc và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh các bệnh thường gặp ở trẻ em.

1.2. Trình bày được triệu chứng, cách xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em.

2. Về kĩ năng

2.1. Nhận định, lập được kế hoạch chăm sóc phù hợp với các mức độ bệnh trên lâm sàng các bệnh thường gặp ở trẻ em.

2.2. Phân tích, dự đoán được các nguy cơ có thể xảy ra đối với từng bệnh nhân cụ thể

2.3. Tư vấn được các vấn đề sức khỏe thường gặp ở trẻ em như biện pháp phòng các bệnh thường gặp, quản lý sức khỏe trẻ em tại cộng đồng...

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền của trẻ em, tôn trọng người nhà, đồng nghiệp và cộng đồng trong khi thực hành nghề nghiệp.

3.2. Ứng xử tế nhị không phản xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.3. Tôn trọng quyền trẻ em, văn hóa và phong tục của gia đình trẻ, không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật thông tin cho trẻ và gia đình.

3.4. Phối hợp với bố mẹ trẻ hoặc người nuôi dưỡng trẻ trên tinh thần hợp tác, cung cấp thông tin rõ ràng về tình trạng bệnh của trẻ với gia đình trẻ để trẻ và gia đình trẻ phối hợp với nhân viên y tế cung cấp các dịch vụ y tế cho trẻ.

3.5. Phát triển mối quan hệ chuyên môn với các nhân viên y tế khác. Phối hợp hiệu quả với các nhân viên y tế khác để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho trẻ.

3.6. Chịu trách nhiệm và giải quyết được các quyết định thực hành lâm sàng của mình, lập được kế hoạch chăm sóc cho từng trẻ bị bệnh.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Lý thuyết.

Số TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đặc điểm và chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non	2	2		
2	Chăm sóc trẻ sơ sinh bị nhiễm khuẩn	2	2		
3	Chăm sóc trẻ còi xương do thiếu vitamin D	2	2		
4	Chăm sóc trẻ khô mắt do thiếu vitamin A	1	1		
5	Chăm sóc trẻ thiếu máu thiếu sắt	2	2		
6	Chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp	2	2		
7	Chăm sóc trẻ hội chứng thận hư	1	1		
8	Chăm sóc trẻ co giật	2	2		
	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	14		1

1.2. Lâm sàng:

TT	Nội dung	Tổng Số	Thực hành bệnh viện	Kiểm tra
1	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ		4	
2	Nhận định đặc điểm của trẻ sơ sinh đủ tháng, trẻ đẻ non		4	
3	Hướng dẫn chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng		4	
4	Thực hiện chăm sóc các trường hợp đẻ non	4	4	
5	Nhận định đặc điểm các nhiễm khuẩn sơ sinh		4	
6	Chăm sóc trẻ còi xương	4	4	
7	Chăm sóc trẻ bị viêm cầu thận cấp	4	4	
8	Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp	4	4	
9	Chăm sóc trẻ thiếu máu	4	4	
10	Chăm sóc trẻ co giật	4	4	
11	Chăm sóc trẻ hội chứng thận hư	4	4	
12	Thi thực hành lâm sàng			1
	Tổng	5	4	1

2. Nội dung chi tiết.

2.1. Nội dung chi tiết Lí thuyết.

Bài 1: Đặc điểm và chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, nguyên nhân gây ra đẻ non.

1.2. Mô tả được các đặc điểm hình thể và đặc điểm sinh lý của trẻ sơ sinh đẻ non.

1.3. Trình bày được kế hoạch điều dưỡng chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, phân loại và nguyên nhân

2.1.1. Khái niệm

- 2.1.2. Phân loại
- 2.1.3. Nguyên nhân
- 2.2. Đặc điểm của trẻ sơ sinh đẻ non
 - 2.2.1. Đặc điểm hình thể
 - 2.2.2. Đặc điểm sinh lý
- 2.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non
 - 2.3.1. Nguyên tắc
 - 2.3.2. Nhận định
 - 2.3.3. Chăm sóc cụ thể
- 2.4. Phòng bệnh

Bài 2: Chăm sóc trẻ sơ sinh bị nhiễm khuẩn

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây nhiễm khuẩn sơ sinh.
- 1.2. Mô tả được triệu chứng lâm sàng của nhiễm khuẩn sơ sinh.
- 1.3. Trình bày được cách chăm sóc và theo dõi nhiễm khuẩn sơ sinh.
- 1.4. Trình bày được các biện pháp phòng nhiễm khuẩn sơ sinh.

2. Nội dung bài học

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi.
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Yếu tố thuận lợi
- 2.3. Một số nhiễm khuẩn tại chỗ trong giai đoạn sơ sinh thường gặp.
 - 2.3.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.2. Chăm sóc
- 2.4. Phòng bệnh

Bài 03: Chăm sóc trẻ còi xương do thiếu vitamin D.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được vai trò của vitamin D, nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây thiếu vitamin D của trẻ.
- 1.2. Mô tả được các biểu hiện lâm sàng của bệnh còi xương.
- 1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ còi xương.
- 1.4. Hướng dẫn được bà mẹ cách phòng chống bệnh còi xương cho trẻ.

2. Nội dung:

- 2.1. Vai trò và nguyên nhân thiếu vitamin D
 - 2.1.1. Vai trò của vitamin D
 - 2.1.2. Nguồn cung cấp vitamin D

2.1.3. Nguyên nhân gây thiếu vitamin D

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Dấu hiệu thần kinh

2.2.2. Dấu hiệu ở xương

2.2.3. Hệ cơ

2.2.4. Hệ tạo máu

2.3. Kế hoạch chăm sóc

2.3.1. Nhận định

2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.3.4. Đánh giá

2.4. Phòng bệnh

Bài 4: Chăm sóc trẻ khô mắt do thiếu vitamin A

Thời gian 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được 3 nhóm nguyên nhân gây thiếu vitamin A ở trẻ em.

1.2. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng do thiếu vitamin A.

1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc trẻ khô mắt do thiếu vitamin A.

1.4. Hướng dẫn được các biện pháp phòng bệnh thiếu vitamin A ở trẻ em.

2. Nội dung bài học

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Vai trò của vitamin A đối với cơ thể

2.1.3. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây thiếu vitamin A

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.3. Kế hoạch điều dưỡng

2.3.1. Nhận định

2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.3.4. Đánh giá

2.4. Phòng bệnh

Bài 5: Chăm sóc trẻ thiếu máu thiếu sắt

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân gây thiếu máu thiếu sắt.

1.2. Trình bày được triệu chứng của thiếu máu thiếu sắt.

1.3. Trình bày được kế hoạch điều dưỡng chăm sóc trẻ bị thiếu máu thiếu sắt

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Kế hoạch điều dưỡng
 - 2.5.1. Nhận định
 - 2.5.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.5.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.5.4. Đánh giá

Bài 6: Chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh và cơ chế bệnh sinh viêm cầu thận cấp.
- 1.2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng bệnh Viêm cầu thận cấp.
- 1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ bị Viêm cầu thận cấp.
- 1.4. Trình bày được cách phòng bệnh Viêm cầu thận cấp.

2. Nội dung bài học

- 2.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh
 - 2.1.1. Nguyên nhân, yếu tố thuận lợi
 - 2.1.2. Cơ chế bệnh sinh
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Tiến triển
- 2.4. Kế hoạch chăm sóc
 - 2.4.1. Nhận định
 - 2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
 - 2.4.3. Kế hoạch chăm sóc
 - 2.4.4. Đánh giá
- 2.5. Phòng bệnh

Bài 7: Chăm sóc trẻ bị hội chứng thận hư.

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng để chẩn đoán HCTH.
- 1.2. Trình bày được tiến triển, biến chứng, triệu chứng của bệnh hội chứng thận hư.
- 1.3. Lập được kế hoạch điều dưỡng cho trẻ bị hội chứng thận hư.

2. Nội dung bài học

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Cơ chế bệnh sinh
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Kế hoạch điều dưỡng
 - 2.5.1. Nhận định
 - 2.5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.5.3. Đánh giá

Bài 08. Chăm sóc trẻ co giật

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân gây co giật ở trẻ em.
- 1.2. Phân biệt được co giật do sốt cao và co giật do nhiễm trùng ở hệ thần kinh trung ương.
- 1.3. Trình bày được kế hoạch điều dưỡng chăm sóc trẻ co giật

2. Nội dung bài học

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Đặc điểm lâm sàng của co giật do sốt cao và co giật do nhiễm trùng ở hệ thần kinh trung ương
- 2.4. Kế hoạch điều dưỡng
 - 2.4.1. Nhận định
 - 2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.4.4. Đánh giá

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
- 2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn
- 3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.
- 4. Các điều kiện khác: Có bệnh viện để thực tập lâm sàng, sinh viên được hướng dẫn và thực hiện chăm sóc trẻ bệnh tại khoa Nhi của Bệnh viện đa khoa.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực của người điều dưỡng trong quá trình thực hành các môn học chuyên ngành và thực tế ngành.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc thực hành lâm sàng: 1 điểm**

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh
+ Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

- + Thời gian: 60 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1), định kì (hệ số 2) học phần lý thuyết	40%
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng điều dưỡng hệ liên thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

*** Thực tập bệnh viện**

Sinh viên thực tập tại khoa Nhi bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian 2 tuần (45 giờ). Sinh viên được giảng viên, cán bộ khoa Nhi hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc trẻ bệnh, hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật điều dưỡng trên người bệnh là trẻ em dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ 100% các buổi học lâm sàng, tham gia trực, chăm sóc người bệnh dưới sự giám sát của giảng viên hoặc cán bộ bệnh viện.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào các bài chăm sóc các bệnh về dinh dưỡng trẻ em.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Điều dưỡng Nhi khoa - Nhà xuất bản Y học (2006)

2. Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa (2011) - Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội
- Nhà xuất bản Hà Nội

3. Bệnh viện Nhi Trung ương (2022) - *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em* - NXB Y học.

4. Bệnh viện Nhi đồng I (2019) - *Phác đồ điều trị Nhi khoa* - NXB Y học.

5. Bài giảng Nhi khoa - tập 1,2 (2019) - Trường Đại học Y Hà Nội - Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH

Mã môn học: MH 25

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành bệnh viện 44 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình thuộc các lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 4 của ngành học cao đẳng điều dưỡng liên thông vừa làm vừa học, sau khi đã học xong các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa. Môn học có 2 tín chỉ bao gồm 1 tín chỉ Lý thuyết và 1 tín chỉ Thực hành tại bệnh viện.

2. Tính chất

Môn học này sẽ cung cấp kiến thức cơ bản và hình thành những năng lực chủ yếu trong thực hành về sức khỏe sinh sản bao gồm chăm sóc phụ nữ, bà mẹ trước, trong và sau đẻ; trang bị các kỹ năng trong thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ trong thời kỳ mang thai và sinh đẻ; một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng; nguyên tắc và quy trình một số kỹ thuật trong điều trị và thực hiện chăm sóc người bệnh có bệnh lý về sức khỏe sinh sản (lập kế hoạch và thực hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh).

II. Mục tiêu môn học

1. Mục tiêu kiến thức

1.1. Mô tả được sinh lý của sinh sản, quá trình thụ thai, sự phát triển và trưởng thành của thai nhi.

1.2. Mô tả được quá trình thai nghén bình thường và bất thường; những thay đổi tâm lý khi mang thai; tác động của thai nghén đến người phụ nữ và gia đình.

1.3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị một số bệnh khi mang thai, sinh đẻ và bệnh lý phụ khoa thường gặp.

1.4. Lập, thực hiện được kế hoạch chăm sóc các trường hợp thai nghén bình thường và bất thường.

2. Mục tiêu kỹ năng

2.1. Hỏi được bệnh sử, thăm khám, đánh giá toàn diện về sức khỏe tinh thần, thể chất của bà mẹ và thai nhi khi khám thai.

2.2. Phụ giúp được thầy thuốc những trường hợp đẻ thường; đỡ rau, kiểm tra rau, màng rau, cắt khâu tầng sinh môn.

2.3. Đánh giá được sự phát triển của thai nhi qua kiểm tra sự hoạt động của thai; nghe tim thai và giải thích kết quả khám cho bà mẹ. Dự tính ngày sinh.

2.4. Phát hiện được những trường hợp thai nghén bất thường, các trường hợp có nguy cơ cao trong quá trình mang thai, xử trí kịp thời, phù hợp với hướng dẫn quốc gia và phân tuyến kỹ thuật.

2.5. Khám, xác định, theo dõi được chuyển dạ và các giai đoạn của chuyển dạ.

2.6. Đánh giá được tình trạng mẹ và trẻ sơ sinh sau khi sinh.

2.7. Lập kế hoạch chăm sóc dựa trên sự thống nhất với người bệnh và người nhà về các vấn đề ưu tiên, sự mong muốn và kết quả mong đợi cho người bệnh

3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

3.1. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.2. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người phụ nữ và gia đình họ; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người phụ nữ và gia đình họ.

3.3. Phối hợp với người phụ nữ và gia đình họ trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng cho phụ nữ để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ tại cộng đồng trong quá trình mang thai và sinh đẻ; tạo điều kiện và hỗ trợ họ ra các quyết định liên quan đến sức khỏe (chuyển tuyến, chấp nhận hoặc từ chối thực hiện xét nghiệm, các can thiệp).

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

1.1. Lý thuyết và thực hành tại trường

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lí	Thực	Kiểm

		số	thuyết	hành	tra
1	Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, phát triển của trứng. Thai nhi và phần phụ đủ tháng.	1	1		
2	Xác định thai nghén Xác định ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt	1	1		
3	Sinh lý chuyển dạ Đỡ đẻ ngôi chỏm Chăm sóc sản phụ sau đẻ	2	2		
4	Chăm sóc thai phụ chảy máu trong nửa đầu thời kỳ thai nghén: Sảy thai, dọa sảy thai; chữa ngoài tử cung; chữa trứng	1	1		
5	Chăm sóc thai phụ chảy máu trong nửa sau thời kỳ thai nghén: rau tiền đạo; rau bong non; thai chết trong tử cung; vỡ tử cung	2	2		
6	Chăm sóc người bệnh nôn nặng, tăng huyết áp do thai nghén, tiền sản giật, sản giật.	1	1		
7	Chăm sóc sản phụ có biểu hiện suy thai; Hồi sức trẻ có ngạt sơ sinh	1	1		
8	Chăm sóc thai phụ đẻ khó	1	1		
9	Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ và nhiễm khuẩn hậu sản	1	1		
10	Chăm sóc người bệnh có rối loạn kinh nguyệt và ra máu âm đạo bất thường	1	1		
11	Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục	1	1		
12	Chăm sóc người bệnh có khối u đường sinh dục	1	1		
13	Kiểm tra	1	1		1

	Tổng cộng	30	30		1
--	------------------	-----------	-----------	--	----------

1.2. Thực hành tại bệnh viện

TT	Nội dung chi tiết	Thời gian
1	Khám thai đúng quy trình kỹ thuật. Tính được tuổi thai và dự kiến ngày đẻ.	2
2	Khám xác định độ xóa mờ cổ tử cung, theo dõi và đánh giá được các yếu tố trong chuyển dạ.	2
3	Xem, phụ giúp được đỡ đẻ ngôi chỏm trong trường hợp đẻ thường	3
4	Xem, phụ giúp được đỡ rau, kiểm tra bánh rau, nghiệm pháp bong rau	2
5	Xem, phụ giúp được kỹ thuật cắt, khâu tầng sinh môn.	3
6	Xem, phụ giúp được kỹ thuật làm rốn, tắm trẻ sơ sinh.	2
7	Theo dõi, chăm sóc sản phụ sau đẻ thường, đẻ khó và các trường hợp bệnh lý	4
8	Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân tiền sản giật, sản giật.	2
9	Khám phát hiện các dấu hiệu, chăm sóc thai phụ có chảy máu trong thời kỳ thai nghén và sinh đẻ.	6
10	Khám phát hiện các dấu hiệu, chăm sóc các khối u đường sinh dục trước và sau phẫu thuật.	4
11	Khám phát hiện các dấu hiệu và chăm sóc các trường hợp nhiễm khuẩn đường sinh sản	4
12	Làm phiếu chăm sóc các trường hợp thai nghén, chuyển dạ, sau đẻ thường, đẻ khó, mổ lấy thai, khối u sinh dục và nhiễm khuẩn đường sinh sản.	6
13	Tư vấn và hướng dẫn được cho thai phụ trong quá trình mang thai, sinh đẻ và nuôi con bằng sữa mẹ	4
14	Thi kết thúc Thực hành Bệnh viện	1
	Tổng số	45

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Hiện tượng thụ tinh, làm tổ và phát triển của thai

Thai nhi và phần phụ đủ tháng; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm thụ tinh, các điều kiện để thụ tinh
- 1.2. Trình bày được quá trình thụ tinh, làm tổ của trứng và phát triển của trứng
- 1.3. Trình bày được sự phát triển của trứng và phần phụ của trứng
- 1.4. Mô tả được đặc điểm của thai nhi đủ tháng
- 1.5. Trình bày được đặc điểm của phần phụ đủ tháng

2. Nội dung

- 2.1. Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, phát triển của trứng
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Sự thụ tinh
 - 2.1.3. Sự di chuyển và làm tổ của trứng
 - 2.1.4. Sự phát triển của trứng và phần phụ của trứng
- 2.2. Thai nhi và phần phụ đủ tháng
 - 2.2.1. Thai nhi đủ tháng
 - 2.2.2. Phần phụ đủ tháng

Bài 2: Xác định thai nghén

Xác định ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng có thai trong thời kỳ thai nghén
- 1.2. Mô tả được kế hoạch điều dưỡng trong thai nghén
- 1.3. Trình bày được định nghĩa, phân loại được ngôi, thế, kiểu thế của thai.
- 1.4. Trình bày được định nghĩa, phân loại độ lọt của ngôi thai.

2. Nội dung:

- 2.1. Xác định thai nghén
 - 2.1.1. Xác định có thai trong nửa đầu thời kỳ thai nghén
 - 2.1.2. Khám thai
- 2.2. Xác định ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt
 - 2.2.1. Ngôi thai
 - 2.2.2. Thế
 - 2.2.3. Kiểu thế
 - 2.2.4. Độ lọt và kiểu lọt của ngôi thai
- 2.3. Kế hoạch chăm sóc điều dưỡng
 - 2.3.1. Nhận định

- 2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc
- 2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
- 2.3.4. Đánh giá

Bài 3: Sinh lý chuyển dạ - Đỡ đẻ ngôi chỏm; Chăm sóc sản phụ sau đẻ; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các dấu hiệu lâm sàng của chuyển dạ
- 1.2. Mô tả được cách theo dõi các dấu hiệu chuyển dạ
- 1.3. Trình bày được các hiện tượng xảy ra khi đẻ ngôi.
- 1.4. Trình bày được các hiện tượng thay đổi giải phẫu sinh lý trong thời kỳ sau đẻ.
- 1.5. Trình bày được 4 hiện tượng lâm sàng trong thời kỳ sau đẻ.
- 1.6. Mô tả được kế hoạch điều dưỡng trong chuyển dạ và sau đẻ

2. Nội dung:

- 2.1. Sinh lý chuyển dạ
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Dấu hiệu chuyển dạ
 - 2.1.3. Theo dõi chuyển dạ
 - 2.1.4. Các giai đoạn chuyển dạ
- 2.2. Đỡ đẻ ngôi chỏm
 - 2.2.1. Cơ chế đẻ ngôi chỏm
 - 2.2.2. Đỡ đẻ ngôi chỏm
- 2.3. Chăm sóc sản phụ sau đẻ
 - 2.3.1. Những hiện tượng giải phẫu và sinh lý
 - 2.3.2. Những hiện tượng lâm sàng thời kỳ hậu sản
 - 2.3.3. Chăm sóc sản phụ sau đẻ

Bài 4: Chăm sóc thai phụ chảy máu trong nửa đầu thời kỳ thai nghén; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí sảy thai, dọa sảy thai.
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí chữa ngoài tử cung
- 1.3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí chữa trứng
- 1.4. Trình bày được kế hoạch điều dưỡng trong chảy máu nửa đầu thời kỳ thai nghén

2. Nội dung:

- 2.1. Sảy thai, dọa sảy thai
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Xử trí
- 2.3. Chửa trứng
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Triệu chứng
 - 2.3.3. Xử trí
- 2.4. Chăm sóc
 - 2.4.1. Nhận định
 - 2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.4.4. Đánh giá

Bài 5: Chăm sóc thai phụ chảy máu trong nửa sau thời kỳ thai nghé; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí thai chết trong tử cung
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí rau tiền đạo
- 1.3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí rau bong non
- 1.4. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí vỡ tử cung
- 1.5. Trình bày được kế hoạch điều dưỡng trong chảy máu nửa sau thời kì thai nghén

2. Nội dung

- 2.1. Thai chết trong tử cung
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Xử trí
- 2.2. Rau tiền đạo
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.3. Xử trí
- 2.3. Rau bong non
 - 2.3.1. Đại cương

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Xử trí

2.4. Võ tử cung

2.4.1. Đại cương

2.4.2. Nguyên nhân

2.4.3. Triệu chứng

2.4.4. Xử trí

2.5. Chăm sóc

2.5.1. Nhận định

2.5.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.5.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.4. Đánh giá

Bài 6: Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp do thai nghén, tiền sản giật, sản giật; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại Tăng HA và thai nghén
- 1.2. Mô tả được triệu chứng và cách xử trí tiền sản giật
- 1.3. Mô tả được triệu chứng và cách xử trí tiền sản giật
- 1.4. Lập được kế hoạch điều dưỡng trong tiền sản giật, sản giật

2. Nội dung:

2.1. Phân loại tăng huyết áp và thai nghén

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Phân loại

2.2. Tiền sản giật

2.2.1. Triệu chứng

2.2.2. Xử trí

2.2.1. Tuyến cơ sở

2.2.2. Tuyến trên

2.3. Sản giật

2.3.1. Bốn giai đoạn của một cơn sản giật

2.3.2. Xử trí

2.4. Chăm sóc

2.4.1. Nhận định

2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.4.4. Đánh giá

Bài 7: Chăm sóc thai phụ có biểu hiện suy thai

Hồi sức trẻ có ngạt sơ sinh; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu, xử trí thai suy.
2. Trình bày cách hồi sức cho một trẻ có ngạt sơ sinh.

2. Nội dung:

2.1. Suy thai

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.1.3. Triệu chứng
- 2.1.4. Xử trí

2.2. Hồi sức ngạt sơ sinh

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Nguyên nhân
- 2.2.3. Phân loại ngạt: gồm hai loại:
- 2.2.4. Xử trí

2.3. Chăm sóc

- 2.3.1. Suy thai
- 2.3.2. Hồi sức ngạt sơ sinh

Bài 8: Chăm sóc thai phụ đẻ khó; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày các nguyên nhân đẻ khó mẹ, do thai, phần phụ của thai, con co tử cung.
- 1.2. Trình bày được dấu hiệu, cách phát hiện, hậu quả của đẻ khó
- 1.3. Lập kế hoạch chăm sóc sản phụ đẻ khó theo từng nguyên nhân.

2. Nội dung:

2.1. Đẻ khó do người mẹ

- 2.1.1. Do khung chậu bất thường
- 2.1.2. Đẻ khó do khối u tiền đạo
- 1.3. Đẻ khó do phần mềm người mẹ
- 1.4. Do bệnh lý người mẹ

2.2. Đẻ khó do thai và phần phụ của thai

2.2.1. Do thai

2.2.2. Do phần phụ của thai

2.2.3. Xử trí

2.3. Để khó do cơ co tử cung bất thường

2.3.1. Cơ co tử cung cường tính

2.3.2. Cơ co tử cung thừa yếu

2.4. Chăm sóc

2.4.1. Nhận định

2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.4.4. Đánh giá

Bài 9: Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ

Chăm sóc sản phụ có nhiễm khuẩn hậu sản; 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được khái niệm, phân loại chảy máu sau đẻ.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu phát hiện và hướng xử trí chảy máu sau đẻ.

1.3. Trình bày được các loại chấn thương đường sinh dục sau đẻ.

1.4. Trình bày được định nghĩa và nguyên nhân của nhiễm khuẩn sau.

1.5. Trình bày được các hình thái nhiễm khuẩn sau đẻ và cách phòng bệnh nhiễm khuẩn sau đẻ.

1.6. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh chảy máu sau đẻ, người bệnh nhiễm khuẩn sau đẻ.

2. Nội dung:

2.1. Chảy máu sau đẻ

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Xử trí

2.2. Nhiễm khuẩn hậu sản

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Các hình thái nhiễm khuẩn hậu sản

2.3. Chăm sóc

2.3.1. Chảy máu sau đẻ

2.3.2. Nhiễm khuẩn hậu sản

Bài 10: Chăm sóc người bệnh có rối loạn kinh nguyệt và ra máu âm đạo bất thường; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm về rối loạn kinh nguyệt và một số rối loạn kinh nguyệt hay gặp.

1.2. Trình bày được tính chất, dấu hiệu, nguyên nhân và cách xử trí một số rối loạn kinh nguyệt hay gặp.

1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc một người bệnh rối loạn kinh nguyệt

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các loại rối loạn kinh nguyệt

2.2. Một số rối loạn kinh nguyệt hay gặp

2.3. Chăm sóc

2.3.1. Nhận định

2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.3.4. Đánh giá

Bài 11: Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân và đặc điểm về dịch tiết âm đạo

1.2. Trình bày được triệu chứng, điều trị và phòng bệnh một số bệnh về dịch tiết âm đạo.

1.3. Trình bày được triệu chứng, điều trị và phòng bệnh một số bệnh về hội chứng dịch tiết niệu đạo, sùi mào gà.

1.4. Trình bày được triệu chứng, điều trị và phòng bệnh suy giảm miễn dịch mắc phải.

1.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh LTQĐTD

2. Nội dung:

2.1- Nguyên nhân

2.1.1- Nguyên nhân:

2.1.2- Điều kiện thuận lợi

- 2.2. Dịch tiết âm đạo bình thường
 - 2.2.1. Vai trò của dịch tiết âm đạo bình thường
 - 2.2.2. Đặc tính của dịch tiết sinh lý ở âm đạo
- 2.3. Bệnh lý về tiết dịch âm đạo
 - 2.3.1. Viêm ống cổ tử cung
 - 2.3.2. Viêm âm đạo
- 2.4. Hội chứng tiết dịch niệu đạo
 - 2.4.1. Viêm niệu đạo do lậu
 - 2.4.2. Viêm niệu đạo không do lậu
- 2.5- Sùi mào gà sinh dục
 - 2.5.1- Triệu chứng
 - 2.5.2- Chẩn đoán
 - 2.5.3- Điều trị
- 2.6- Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (HIV/AIDS)
 - 2.6.1- Đường lây bệnh
 - 2.6.2- Triệu chứng
- 2.7. Chăm sóc
 - 2.7.1. Nhận định
 - 2.7.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.7.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.7.4. Đánh giá

Bài 12: Chăm sóc người bệnh có khối u đường sinh dục; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng, cách xử trí u nang buồng trứng.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, cách xử trí u xơ tử cung.
- 1.3. Trình bày được phân loại, triệu chứng cách xử trí ung thư cổ tử cung.
- 1.4. Trình bày được phân loại, triệu chứng cách xử trí ung thư thân tử cung
- 1.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh có khối u đường sinh dục.

2. Nội dung:

2.1. U xơ tử cung

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Phân loại
- 2.1.3. Triệu chứng
- 2.1.4. Ảnh hưởng qua lại giữa u xơ với thai nghén

2.1.5. Xử trí

2.2. U nang buồng trứng

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Triệu chứng

2.2.4. Tiến triển, biến chứng

2.2.5. Điều trị

2.3. Ung thư cổ tử cung

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Các giai đoạn

2.3.3. Triệu chứng

2.3.4. Điều trị

2.4. Ung thư thân tử cung

2.4.1. Các giai đoạn

2.4.2. Triệu chứng

2.4.3. Điều trị có nhiều phương pháp

2.5. Chăm sóc

2.5.1. Nhận định

2.5.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.5.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.4. Đánh giá

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định của Tổng cục GDNN

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực học sinh trong quá trình thực hành tại trường và tại các cơ sở thực hành và thực tế ngành.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện:** 1 điểm

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh

+ Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi viết hoặc trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 45 phút đối với trắc nghiệm khách quan.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành BV (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ cao đẳng liên thông vừa làm vừa học.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

* **Thực tập bệnh viện:**

Sinh viên thực tập tại khoa Phụ Sản bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, thời gian 2 tuần. Sinh viên được giáo viên hướng dẫn cách theo dõi và làm phiếu chăm sóc người phụ nữ khi mang thai và ngoài thời kỳ thai nghén; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật trên người phụ nữ dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết, thực hành, thảo luận phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia 100% các buổi thực tập bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Những nội dung trọng tâm gồm chăm sóc người bệnh trước trong và sau sinh, chăm sóc những bệnh sản khoa thường gặp

4. Tài liệu tham khảo:

TT	Thông tin về tài liệu, nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Giáo trình Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh; Sách lưu hành nội bộ năm 2020.	2018
2	Điều dưỡng Sản phụ khoa - Trường Đại học Y dược Huế. Nhà xuất bản Y học 2010	2010
3	Sản phụ khoa - Sách dùng cho Bác sĩ y khoa - Nhà xuất bản y học 2010	2007
4	Bài giảng Sản phụ khoa, Tập 1,2. Trường Đại học Y Hà Nội; Nhà xuất bản Y học 2010.	2010
5	Ngoài các tài liệu trên, sinh viên có thể tra cứu tài liệu trên các trang web y học trong nước và quốc tế.	

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG

Mã số môn học: MH 23

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thảo luận, bài tập: 14 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí và tính chất môn học

1. Vị trí:

Môn học Quản lý Điều dưỡng thuộc lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 4 của ngành học cao đẳng điều dưỡng liên thông, sau khi đã học xong các học phần cơ sở ngành. Học phần bao gồm 2 tín chỉ lý thuyết.

2. Tính chất:

Môn học Quản lý Điều dưỡng cung cấp khái niệm cơ bản về khoa học quản lý và ứng dụng của nó trong hoạt động quản lý ngành y tế và ngành Điều dưỡng nói riêng; khái niệm về quản lý và lãnh đạo, các tiêu chuẩn của người quản lý, các phương pháp quản lý. Vai trò của người hộ sinh trong chăm sóc người bệnh: khái niệm, chức năng, nhiệm vụ trong thực hành hộ sinh.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Mô tả được phong cách, phẩm chất, các kỹ năng lãnh đạo, quản lý của người điều dưỡng, hộ sinh trưởng.

1.2. Trình bày được công tác điều dưỡng chăm sóc người bệnh trong các bệnh viện theo định hướng chương trình hành động quốc gia.

1.3. Phân tích được chuẩn chất lượng chăm sóc, cách đánh giá chất lượng chăm sóc để mang lại sự an toàn cho người bệnh.

1.4. Mô tả được vai trò nghiên cứu điều dưỡng và nghiên cứu dựa vào bằng chứng.

2. Về kỹ năng

1.1. Thể hiện được phong cách, phẩm chất, các kỹ năng lãnh đạo, quản lý của người điều dưỡng, hộ sinh trưởng.

1.2. Đánh giá được chuẩn chất lượng chăm sóc và chất lượng chăm sóc để mang lại sự an toàn cho người bệnh.

1.3. Thực hành được chăm sóc người bệnh an toàn và hiệu quả

3. Về tự chủ, tự chịu trách nhiệm

1.1. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

1.2. Phối hợp với đồng nghiệp, người bệnh trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng cho đồng nghiệp, người bệnh để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ y tế khi mắc bệnh.

1.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người người bệnh; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Phong cách lãnh đạo và quản lý	4	2	2	
2	Những phẩm chất thiết yếu của người điều dưỡng hộ sinh trưởng	2	1	1	
3	Quản lý dựa vào kết quả	2	1	1	
4	Kỹ năng giải quyết vấn đề	4	2	2	
5	Lập kế hoạch công tác điều dưỡng bệnh viện	4	2	2	
6	Đánh giá công tác điều dưỡng bệnh viện	4	2	2	
7	Quản lý nhân lực	2	1	1	
8	Quản lý thiết bị - y dụng cụ - vật tư y tế tiêu hao	2	1	1	
9	Chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh trong các bệnh viện và phương pháp đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh	2	1	1	
10	An toàn người bệnh	2	1	1	
11	Kiểm tra	2	1	1	2
	Tổng số	30	15	15	2

2. Nội dung chi tiết

2.1. Quản lý điều dưỡng

2.1.1. Nội dung chi tiết phần lý thuyết Quản lý điều dưỡng

Bài 1: Phong cách lãnh đạo và quản lý; 4 giờ (2LT/2TL)

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân biệt được sự giống nhau và khác nhau giữa quản lý và lãnh đạo
- 1.2. Phân tích được các phong cách quản lý và lãnh đạo hiệu quả
- 1.3. Liên hệ phong cách quản lý và lãnh đạo của bản thân hiện nay và nhận ra những vấn đề hạn chế cần đổi mới.
- 1.4. Trình bày được vai trò của Điều dưỡng trưởng trong bối cảnh đổi mới.
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về quản lý lãnh đạo
 - 2.1.1. Các khái niệm về quản lý
 - 2.1.1.1. Khái niệm về lãnh đạo
- 2.2. Phân loại mô hình quản lý và lãnh đạo
 - 2.2.1. Mô hình lấy con người là trung tâm
 - 2.2.2. Mô hình lấy sản phẩm làm trung tâm
- 2.3. Phân loại phong cách quản lý và lãnh đạo
 - 2.3.1. Phong cách quản lý và lãnh đạo độc đoán
 - 2.3.2. Phong cách quản lý và lãnh đạo dân chủ
- 2.4. Các trách nhiệm của Điều dưỡng trưởng
 - 2.4.1. Trách nhiệm đối với người bệnh
 - 2.4.2. Trách nhiệm đối với nhân viên
 - 2.4.3. Trách nhiệm đối với khoa-bệnh viện
- 2.5. Kết luận

Bài 2: Những phẩm chất thiết yếu của người Điều dưỡng, Hộ sinh trưởng; 2 giờ (1LT/1TL)

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phân tích được 10 phẩm chất thiết yếu của người Điều dưỡng trưởng.
- 1.2. Trình bày được những phẩm chất không phù hợp với người lãnh đạo, quản lý.
- 1.3. Liên hệ thực tế những phẩm chất thiết yếu của người điều dưỡng trưởng hiện nay.
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học

tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Mở đầu

2.2. Những phẩm chất dẫn đến thành công

2.2.1. Có tầm nhìn

2.2.2. Đổi mới

2.2.3. Tự tin

2.2.4. Quyết đoán

2.2.5. Giỏi chuyên môn

2.2.6. Sử dụng nhân lực hiệu quả

2.2.7. Hòa hòa lợi ích

2.2.8. Giao tiếp hiệu quả

2.2.9. Công bằng

2.2.10. Lịch sự

2.3. Những phẩm chất không phù hợp

2.3.1. Kiêu căng, độc đoán, bảo thủ.

2.3.2. Bi quan, phiến toái.

2.3.3. Không biết dùng người, không khoan dung, sống cách biệt.

2.3.4. Đa nghi, thay đổi ý kiến như chong chóng.

2.3.5. Ôm đồm, lặt lững trong những chuyện vụn vặt.

2.3.6. Nói một đằng làm một nẻo.

2.3.7. Dân thân nửa vời “xông pha giúp người thắng trận”.

2.3.8. Làm việc tùy tiện, theo cảm hứng, không có kế hoạch.

2.3.9. Ích kỷ, lo danh lợi bản thân, sợ người khác hơn mình.

2.3.10. Trông cậy vào quyền thế.

Bài 3: Quản lý dựa vào kết quả; 2 giờ (1LT/1TL)

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm quản lý dựa vào kết quả.

1.2. Phân biệt được một số thuật ngữ quan trọng liên quan đến phương pháp quản lý dựa vào kết quả.

1.3. Phân tích được sơ đồ chuỗi kết quả.

1.4. Xây dựng được các tiêu chí để đo lường kết quả đạt được.

1.5. Áp dụng được phương pháp quản lý dựa vào kết quả để lập kế hoạch công tác tại đơn vị.

1.6. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

2.1. Mở đầu

2.2. Quản lý dựa vào kết quả là gì?

2.3. Tại sao áp dụng mô hình quản lý dựa vào kết quả?

2.4. Một số thuật ngữ trong bài:

2.4.1. Đầu vào (Inputs).

2.4.2. Hoạt động (Activities).

2.4.3. Kết quả ngắn hạn - Đầu ra (Outputs).

2.4.4. Phân biệt chuỗi kết quả

2.4.5. Phân biệt hoạt động và kết quả ngắn hạn

2.4.6. Phân biệt Tiêu chí và Kết quả

2.4.7. Tiêu chí (Indicators)

2.4.8. Ưu điểm của phương pháp Quản lý dựa vào Kết quả

2.4.9. Các bước áp dụng Quản lý dựa vào Kết quả (RBM)

Bài 4: Kỹ năng giải quyết vấn đề; 4 giờ (2LT/2TL)

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày định nghĩa vấn đề là gì?

1.2. Nhận dạng các vấn đề trong công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh.

1.3. Mô tả quy trình giải quyết vấn đề.

1.4. Ứng dụng quy trình để giải quyết các vấn đề ưu tiên trong công tác điều hành chăm sóc người bệnh.

1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Quy trình giải quyết vấn đề

2.3. Nhận biết vấn đề

2.4. Phân tích nguyên nhân

2.4.1 Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “5 Why”

2.4.2 Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “Xương cá - Fishbone”

2.5. Chọn giải pháp và hoạt động ưu tiên

2.5.1. Thực thi giải pháp/hoạt động lựa chọn

2.6. Đánh giá kết quả

2.7. Kết luận

Bài 5: Lập kế hoạch công tác điều dưỡng bệnh viện; (2LT/2TL)

4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các khái niệm và vai trò lập kế hoạch
- 1.2. Mô tả được các bước lập kế hoạch
- 1.3. Áp dụng được kỹ thuật phân tích SWOT
- 1.4. Xây dựng được kế hoạch công tác điều dưỡng của đơn vị
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1 Lập kế hoạch là gì?
 - 2.1.2. Tầm quan trọng của lập kế hoạch
- 2.2. Phân loại kế hoạch
 - 2.2.1. Theo thời gian
 - 2.2.2. Theo cấp độ
 - 2.2.3. Theo cách tiếp cận xây dựng kế hoạch
- 2.3. Các nguyên tắc lập kế hoạch
- 2.4. Các nội dung chính của lập kế hoạch
- 2.5. Các bước lập kế hoạch
 - 2.5.1. Đánh giá hiện trạng
 - 2.5.2. Xác định vấn đề và nguyên nhân
 - 2.5.3. Xác định mục tiêu (kết quả mong đợi) và các chỉ số đánh giá
 - 2.5.4. Xác định các hoạt động can thiệp
 - 2.5.5 Viết kế hoạch và trình phê duyệt
 - 2.5.6 Khung bản kế hoạch
- 2.6. Triển khai thực hiện kế hoạch
- 2.7. Các phương thức đánh giá thực hiện kế hoạch

Bài 6: Đánh giá công tác điều dưỡng bệnh viện;

4 giờ (2LT/2TL)

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phân biệt được các khái niệm về kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá.
- 1.2. Xây dựng được công cụ đánh giá công tác điều dưỡng, hộ sinh.
- 1.3. Mô tả được các bước đánh giá công tác CSNB
- 1.4. Trình bày được khung báo cáo đánh giá hoạt động công tác điều dưỡng trong bệnh viện.
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Mở đầu

2.2. Các thuật ngữ

2.3. Quy trình và hình thức đánh giá

2.3.1 Sơ đồ đánh giá

2.3.2 Các hình thức đánh giá

2.4. Xây dựng công cụ và chỉ số đánh giá

2.4.1. Xây dựng công cụ đánh giá

2.4.2. Xây dựng các chỉ số đánh giá

2.5. Kỹ thuật thu thập thông tin

2.5.1. Quan sát

2.5.2. Phỏng vấn

2.5.3. Thiết kế bộ câu hỏi thu thập số liệu

2.5.4 Thảo luận nhóm

2.5. 5 Sử dụng thông tin có sẵn

2.6. Các bước đánh giá

2.6.1. Lập kế hoạch đánh giá

2.6.2. Thực hiện đánh giá

2.6.3. Phân tích, trình bày số liệu

2.6.4. Viết báo cáo đánh giá

Bài 7: Quản lý nhân lực; 2 giờ (1LT/1TL)

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được tầm quan trọng của quản lý nhân lực.
- 1.2. Trình bày được cơ sở để xây dựng kế hoạch nhân lực.
- 1.3. Trình bày nguyên tắc phân công công việc
- 1.4. Trình bày các biện pháp khuyến khích người lao động.
- 1.5. Trình bày được các quy định về khen thưởng, kỷ luật.
- 1.6. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2 . Nội dung:

2.1.Tầm quan trọng của công tác quản lý nhân lực:

2.2. Quy định về nhân lực

2.2.1. Căn cứ xác định biên chế nhân lực cho các cơ sở khám chữa bệnh

2.2.2. Định mức biên chế tuyến 3

2.2.3. Định mức biên chế tuyến 2

- 2.2.4. Định mức biên chế tuyến 1:
- 2.2.5. Nhân lực theo quy định tại Thông tư 07/2011/TT-BYT
- 2.3. Nhân lực ĐDV và HSV theo khuyến cáo của các nước
 - 2.3.1. Xác định biên chế dựa vào giờ CSNB
 - 2.3.2. Số giờ chăm sóc trung bình/ người bệnh /24 giờ
 - 2.3.3. Tỷ lệ bác sĩ/điều dưỡng-hộ sinh các nước
 - 2.3.4. Các hoạt động chăm sóc trực tiếp
 - 2.3.5. Các hoạt động chăm sóc gián tiếp
 - 2.3.6. Phân bổ lao động theo ca và theo người bệnh:
- 2.4. Các mô hình phân công chăm sóc
 - 2.4.1. Nguyên tắc phân công chăm sóc
 - 2.4.2. Các mô hình phân công chăm sóc
- 2.3.3. Xây dựng lịch trực
- 2.5. Một số quy định của Luật Lao động
 - 2.5.1. Làm thêm giờ
 - 2.5.2. Thưởng cho người lao động:
 - 2.5.3. Các hình thức kỷ luật:

Bài 8: Quản lý thiết bị - Y dụng cụ - Vật tư y tế tiêu hao;
(1LT/1TL)

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1.Trình bày được tầm quan trọng của công tác quản lý trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao.
- 1.2.Thực hiện được các quy trình quản lý trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao.
- 1.3. Quản lý và sử dụng có hiệu quả.
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Sự cần thiết
- 2.2. Quy trình quản lý trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao
 - 2.2.1. Lập kế hoạch dự trù
 - 2.2.2. Liệt kê danh mục những mặt hàng cần dùng
 - 2.2.3 Lĩnh hàng
- 2.3. cất giữ, bảo quản tài sản y dụng cụ trong kho
 - 2.3.1. Nguyên tắc chung

- 2.3.2. Làm thẻ kho cho từng loại trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao
- 2.3.3. Kho hoặc nơi cất giữ tài sản
- 2.3.4. Cách xếp đặt hàng trong kho
- 2.4. Cấp phát
- 2.5. Sử dụng
- 2.6. Kiểm tra đánh giá

Bài 9: Chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh trong các bệnh viện và phương pháp đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các đặc điểm về chất lượng CSNB
- 1.2. Mô tả được các tiêu chuẩn chất lượng CSNB
- 1.3. Trình bày được phương pháp đánh giá chất lượng CSNB khách quan và khoa học
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Các đặc điểm chất lượng chăm sóc người bệnh
- 2.3. Căn cứ xây dựng chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh
 - 2.3.1. Cơ sở Pháp lý
 - 2.3.2. Cơ sở thực tiễn
 - 2.3.3. Cơ sở khoa học
- 2.4. Khung các tiêu chuẩn chất lượng chăm sóc
 - 2.4.1. Các lĩnh vực chất lượng chăm sóc người bệnh
 - 2.4.2. Các tiêu chuẩn
 - 2.4.3. Tiêu chí
 - 2.4.4. Nội dung thực hiện của từng tiêu chí
- 2.5. Nội dung các chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh
 - 2.5.1. Lĩnh vực quyền của người bệnh
 - 2.5.2. Chăm sóc điều dưỡng lâm sàng
 - 2.5.3. Lĩnh vực bệnh án điều dưỡng
 - 2.5.4. Lĩnh vực an toàn người bệnh và cải tiến chất lượng liên tục
 - 2.5.5. Lĩnh vực quản lý và điều hành chăm sóc
- 2.6. Đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh
 - 2.6.1. Nguyên tắc đánh giá

- 2.6.2. Các phương pháp thu thập thông tin
- 2.6.3. Cách đánh giá từng tiêu chí
- 2.6.4. Phân loại kết quả thực hiện từng tiêu chí
- 2.6.5. Cách đánh giá nguy cơ của các tiêu chí thực hiện không đầy đủ.
- 2.6.6. Cách ghi Phiếu đánh giá từng tiêu chí
- 2.6.7. Cách ghi phiếu đánh giá từng lĩnh vực

Bài 10: An toàn người bệnh; 2 giờ (1LT/1TL)

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các cơ sở pháp lý về sai sót chuyên môn và sự cố y khoa
- 1.2. Trình bày được các kiểu sự cố y khoa không mong muốn
- 1.3. Trình bày được 6 giải pháp kỹ thuật toàn cầu về an toàn người bệnh
- 1.4. Nêu được 4 giải pháp quản lý bảo đảm an toàn trong bệnh viện
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Sự cần
- 2.2. Cơ sở pháp lý về an toàn người bệnh
 - 2.2.1. Thành lập Hội đồng giải quyết sai sót chuyên môn
 - 2.2.2. Xác định sai sót chuyên môn
 - 2.2.3. Trách nhiệm bồi thường khi có sai sót chuyên môn
 - 2.2.4. Tranh chấp về khám bệnh, chữa bệnh
- 2.3. Hiện trạng về sự cố y
 - 2.3.1 Tần suất xảy ra sự cố y khoa
 - 2.3.2 Hậu quả của các sự cố y khoa không mong muốn
 - 2.3.3 Các kiểu sự cố y khoa
 - 2.3.4 Các yếu tố nguy cơ
 - 2.3.5 Một số sự cố y khoa trong các cơ sở y tế của Việt Nam
- 2.4. Các giải pháp kỹ thuật
 - 2.4.1. Xác định chính xác tên người bệnh
 - 2.4.2. Cải thiện thông tin và bàn giao ca kíp đầy đủ
 - 2.4.3. Bảo đảm an toàn trong dùng thuốc
 - 2.4.4. Xóa bỏ nhầm lẫn trong phẫu thuật
 - 2.4.5. Giảm nguy cơ nhiễm khuẩn bệnh viện
 - 2.4.6. Giảm nguy cơ người bệnh bị ngã

2.5. Các giải pháp về tổ chức quản lý

2.5.1. Quan tâm khắc phục lỗi hệ thống

2.5.2 Khuyến khích báo cáo sai sót, sự cố y khoa

2.5.3 Chủ động đánh giá rủi ro

2.5.4 Khuyến khích người bệnh đặt câu hỏi đối với nhân viên y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Đủ ánh sáng, quạt mát, diện tích phòng đạt chuẩn

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, Projecter

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại trường
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm thường xuyên (01 điểm kiểm tra 15 phút)
 - **Kiểm tra định kỳ:** 02 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm tên giấy
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc học phần lý thuyết:** 1 điểm
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 40 phút
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên tại trường (Hệ số 1) + Điểm kiểm tra định kì tại trường (Hệ số 2)	40%
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: đối tượng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết, thảo luận. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào các bài nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và quản lý điều dưỡng

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Quản lý điều dưỡng - Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, năm 2025.
2. Quản lý điều dưỡng - Trường Đại học Y Dược Huế, năm 2024.
3. Quản lý điều dưỡng - Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, năm 2020.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

Mã số môn học: **MH 27**

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (trong đó Lý thuyết: 14 giờ; thực hành 14 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 4 của ngành học cao đẳng Điều dưỡng liên thông, sau khi đã học xong các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành. Môn học có 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành).

2. Tính chất

Môn học Nghiên cứu khoa học cung cấp cách xây dựng các khối kiến thức về điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên giúp sinh viên hiểu cách tiếp cận “bằng chứng” trong việc thực hành dựa trên bằng chứng thông qua các hiểu biết về chuyên ngành, các khái niệm và lịch sử của thực hành dựa vào bằng chứng và những ảnh hưởng của chúng đến việc chăm sóc, dùng thuốc cho người bệnh. Sinh viên hiểu được bản chất của công việc chuyên ngành đang học, bản chất của kiến thức, các cách nghiên cứu các vấn đề trên cơ sở thực hành.

Môn học Nghiên cứu khoa học còn trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học, hiểu và tiếp cận nghiên các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu hộ sinh/điều dưỡng/kỹ thuật viên/được và nâng cao chăm sóc sức khỏe nhân dân; biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học. Học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu một cách khoa học.

II. Mục tiêu môn học

1. Mục tiêu kiến thức

1.1. Mô tả được vai trò nghiên cứu hộ sinh/điều dưỡng/được/kỹ thuật viên và nghiên cứu dựa vào bằng chứng.

1.2. Trình bày được các nội dung cơ bản của thực hành dựa vào bằng chứng

1.2. Trình bày được các nội dung cơ bản của một đề cương nghiên cứu khoa học

1.3. Mô tả được cách viết tên đề tài khoa học

1.5. Mô tả được cách xây dựng mục tiêu nghiên cứu khoa học

1.6. Trình bày được cách xác định lựa chọn đối tượng nghiên cứu

1.7. Mô tả được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học hiện nay

1.8. Trình bày được cách chọn mẫu, cỡ mẫu, xác định biến số trong nghiên cứu

1.9. Trình bày được cách xử lý và cách thu thập và trình bày số liệu nghiên cứu

1.10. Trình bày cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học

2. Mục tiêu kỹ năng

2.1. Phân biệt được nghiên cứu điều dưỡng/được/kỹ thuật viên và nghiên cứu dựa vào bằng chứng.

2.2. Xây dựng được các nội dung cơ bản của thực hành dựa vào bằng chứng

2.2. Xây dựng được nội dung cơ bản của một đề cương nghiên cứu khoa học

2.3. Viết được tên đề tài khoa học trong lĩnh vực y học

2.5. Viết được mục tiêu nghiên cứu khoa học cho đề tài cụ thể

2.6. Xác định được đối tượng nghiên cứu cho đề tài cụ thể

2.7. Lựa chọn và xác định được phương pháp nghiên cứu khoa học cho một đề tài cụ thể

2.8. Xác định được cách chọn mẫu, cỡ mẫu, xác định biến số trong nghiên cứu cho từng đề tài cụ thể

2.9. Xử lý sơ bộ, viết được bộ câu hỏi, bệnh án nghiên cứu

2.10. Viết một đề cương nghiên cứu khoa học cụ thể

2.11. Ứng dụng được nghiên cứu điều dưỡng trong thực hành chăm sóc người bệnh.

3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

3.1. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.2. Phối hợp với đồng nghiệp, người bệnh trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng cho đồng nghiệp, người bệnh để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ y tế khi mắc bệnh.

3.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người người bệnh; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

1.1. Lý thuyết và thực hành tại trường:

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Vai trò nghiên cứu điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng	2	2		
2	Nghiên cứu khoa học dựa vào bằng chứng	2	2		
3	Nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học	6	2	4	
4	Chọn chủ đề và mục tiêu nghiên cứu	2	1	1	
5	Đối tượng và các phương pháp nghiên cứu khoa học	4	2	2	
6	Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin	3	2	1	
7	Phương pháp xử lý, phân tích và trình bày số liệu	4	2	2	
8	Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học	5	1	4	
	Kiểm tra	2	1	1	2
	Tổng cộng	30	15	15	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Vai trò nghiên cứu điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày định nghĩa về nghiên cứu khoa học
- 1.2. Nêu được vai trò nghiên cứu Điều dưỡng/Dược
- 1.3. Kể được các giải pháp tăng cường nghiên cứu Điều dưỡng/Dược
- 1.4. Trình bày được khái niệm và các đặc trưng của thực hành dựa vào bằng chứng.
- 1.5. Trình bày quy trình các bước và phương thức áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu điều dưỡng/ dược
 - 2.1.1. Nghiên cứu khoa học
 - 2.1.2. Vai trò của nghiên cứu điều dưỡng/dược
 - 2.1.3. Các giải pháp tăng cường nghiên cứu điều dưỡng/dược
 - 2.1.4. Các loại hình nghiên cứu y học
 - 2.1.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học
- 2.2. Đại cương về y học dựa trên bằng chứng
 - 2.2.1. Khái niệm về thực hành y học dựa vào bằng chứng
 - 2.2.2. Lý do thực hành y học dựa vào bằng chứng
 - 2.2.3. Các đặc điểm của thực hành y học dựa vào bằng chứng
 - 2.2.4. Quy trình thực hành dựa trên bằng chứng
 - 2.2.5. Áp dụng thực hành y học dựa vào bằng chứng
 - 2.2.6. Những khó khăn khi thực hiện thực hành y học dựa vào bằng chứng

Bài 2. Nghiên cứu khoa học dựa vào bằng chứng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được hai phương pháp chính của lý luận trong NCKH
- 1.2. Mô tả được nội dung chăm sóc dựa trên bằng chứng
- 1.3. Kể được các bằng chứng y học xếp hạng theo giá trị của nó
- 1.4. Trình bày được các cách tiếp cận bằng chứng

2. Nội dung:

- 2.1. Tổng quan
 - 2.1.1. Phương pháp suy luận
 - 2.1.2. Phương pháp quy nạp

2.2. Chăm sóc dựa trên bằng chứng

2.3. Đưa một vấn đề thành từng thành tố của nó

2.4. Các loại chứng cứ, bằng chứng

2.5. Tiếp cận các bằng chứng

2.5.1. Khi đánh giá các nghiên cứu định tính nên đặt ra các câu hỏi sau:

2.5.2. Khi đánh giá các nghiên cứu định lượng các câu hỏi sau đây nên được

2.5.3. Áp dụng bằng chứng

2.5.4. Năm bước để tiến tới Hộ sinh dựa trên bằng chứng (Giáo sư Lesley Page 2006:205)

Bài 3. Nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học; 6 giờ (2LT/4TH)

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm đề tài khoa học, tên đề tài nghiên cứu khoa học

1.2. Trình bày được các giai đoạn của trình tự nghiên cứu khoa học

1.3. Trình bày các nội dung chính của báo cáo khoa học

1.4. Trình bày các nội dung cơ bản của một bản đề cương nghiên cứu

2. Nội dung:

2.1. Đề tài khoa học

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân loại đề tài:

2.2. Trình tự nghiên cứu khoa học

2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu:

2.2.2. Giai đoạn triển khai nghiên cứu:

2.2.3. Giai đoạn phân tích, xử lý số liệu và viết báo cáo:

2.2.4. Giai đoạn nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu:

2.3. Viết báo cáo khoa học và công bố kết quả nghiên cứu

2.4. Đánh giá, nghiệm thu công trình khoa học

2.5. Đề cương nghiên cứu khoa học

Bài 4. Chọn chủ đề và mục tiêu nghiên cứu; 2 giờ (1LT/1TH)

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được cách lựa chọn chủ đề nghiên cứu

2. Kể được 5 tiêu chuẩn của một mục tiêu tốt

3. Trình bày các nguyên tắc khi xây dựng mục tiêu

2. Nội dung:

2.1. Chọn chủ đề nghiên cứu

2.1.1. Một số khái niệm

2.1.2. Chọn chủ đề nghiên cứu và nghiên cứu ưu tiên

2.1.3. Phân biệt nhiệm vụ khoa học và đề tài khoa học

2.1.4. Viết tên đề tài khoa học

2.2. Mục tiêu nghiên cứu

2.2.1. Khái niệm về mục tiêu và mục tiêu nghiên cứu

2.2.2. Lý do phải xây dựng mục tiêu

2.2.3. Tiêu chuẩn của một mục tiêu tốt

2.2.4. Các nguyên tắc khi xây dựng mục tiêu nghiên cứu

2.2.5. Một số dạng mục tiêu phổ biến cho đề tài nghiên cứu

2.2.6. Câu hỏi nghiên cứu

2.2.7. Câu hỏi nghiên cứu trong khung Logic

Bài 5. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu; 4 giờ (2LT/2TH)

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được cách lựa chọn đối tượng nghiên cứu

1.2. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của nghiên cứu bệnh chứng

1.3. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của nghiên cứu thuần tập

1.4. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của nghiên cứu can thiệp

2. Nội dung

2.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Chọn đối tượng nghiên cứu

2.1.2. Địa điểm nghiên cứu

2.1.3. Đối tượng nghiên cứu

2.1.4. Tính số đối tượng nghiên cứu

2.2. Các phương pháp nghiên cứu

2.2.2. Chiến lược thiết kế cho các nghiên cứu dịch tễ học phân tích

2.3. Yêu cầu của các thiết kế nghiên cứu

2.3.1. Tính giá trị của nghiên cứu

- 2.3.2. Các loại sai số
- 2.3.3. Độ tin cậy của nghiên cứu
- 2.4. Lựa chọn thiết kế nghiên cứu
- 2.5. Các biến số và chỉ số nghiên cứu
 - 2.5.1. Tầm quan trọng của biến số
 - 2.5.2. Phân loại biến số
 - 2.5.3. Tầm quan trọng của phân loại biến số
 - 2.5.4. Cách xác định biến số/ chỉ số nghiên cứu

Bài 6. Kỹ thuật và cộng cụ thu thập thông tin; 3 giờ (2LT/1TH)

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các kỹ thuật thu thập thông tin cơ bản trong một nghiên cứu sức khỏe.
- 1.2. Trình bày được các nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi.
- 1.3. Trình bày được các loại câu hỏi thường dùng trong thu thập thông tin
- 1.4. Trình bày được nguyên tắc và phương pháp xây dựng bảng kiểm.
- 1.5. Trình bày được cách biên soạn bệnh án nghiên cứu.

2. Nội dung

- 2.1. Các kỹ thuật thu thập thông tin
 - 2.1.1. Một số khái niệm
 - 2.1.2. Một số kỹ thuật thu thập thông tin
- 2.2. Bộ câu hỏi nghiên cứu
 - 2.2.1. Nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi
 - 2.2.2. Các loại câu hỏi
 - 2.2.3. Cấu trúc của bộ câu hỏi
 - 2.2.4. Kiểm tra tính sát hợp của bộ câu hỏi đã soạn thảo để hoàn thiện lần cuối
 - 2.2.5. Ví dụ minh họa bộ câu hỏi
- 2.3. Bảng kiểm
 - 2.3.1. Nguyên tắc và phương pháp xây dựng bảng kiểm
 - 2.3.2. Kiểm tra tính sát hợp của bảng kiểm
- 2.4. Bệnh án nghiên cứu
 - 2.4.1. Sự khác nhau giữa bệnh án trong bệnh phòng và bệnh án nghiên cứu
 - 2.4.2. Biên soạn bệnh án nghiên cứu
 - 2.4.3. Cấu trúc chung của bệnh án nghiên cứu

Bài 7. Phương pháp xử lý, phân tích, trình bày số liệu; 4 giờ (2LT/2TH)

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được một số khái niệm về số liệu thường gặp trong khi xử lý số liệu.

1.2. Trình bày được mục đích và các bước xử lý số liệu.

1.3. Trình bày được nguyên tắc và các bước phân tích số liệu.

1.4. Vận dụng được cách trình bày kết quả nghiên cứu vào thực hành nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Nhắc lại các bước trong lập kế hoạch và tiến hành một nghiên cứu

2.1.2. Nhắc lại các loại biến số nghiên cứu

2.1.3. Một số khái niệm

2.2. Xử lý số liệu

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Các bước xử lý số liệu

2.3. Phân tích số liệu

2.3.2. Các bước phân tích số liệu

2.3.3. Xác định phương pháp phân tích số liệu:

2.4. Trình bày kết quả nghiên cứu

2.4.1. Trình bày bằng các bảng, biểu đồ

2.4.2. Một số loại biểu đồ và chức năng của chúng

2.5. Tổng hợp các loại biểu đồ

Bài 8. Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học; 5 giờ (1LT/4TH)

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, mục đích của đề cương nghiên cứu khoa học.

1.2. Trình bày được nội dung và cách trình bày một bản đề cương NCKH.

1.3. Trình bày được những yêu cầu về hình thức của một bản đề cương NCKH.

1.4. Trình bày được các tiêu chuẩn của một đề cương nghiên cứu tốt.

2. Nội dung:

2.1. Mở đầu

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Mục đích của đề cương NCKH

2.2. Nội dung và cách trình bày đề cương nghiên cứu

2.2.1. Nội dung

2.2.2. Cách trình bày một bản đề cương

2.3. Những yêu cầu về hình thức

2.3.1. Bố cục

2.3.2. Văn phong

2.3.3. Soạn thảo văn bản

2.4. Tiêu chuẩn của một đề cương nghiên cứu tốt

2.4.1. Về chất lượng chung của nghiên cứu

2.4.2. Về các phần cụ thể của đề cương

2.4.3. Chất lượng trình bày đề cương nghiên cứu

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tạp chí nghiên cứu khoa học, bảng kiểm, đề tài, đề cương, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng trong quá trình thực hành đề tài khoa học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

2.1. Cách đánh giá

Áp dụng quy chế đào tạo cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Kiểm tra thường xuyên:** 1 điểm kiểm tra thường xuyên,

- **Kiểm tra định kỳ:** 1 điểm kiểm tra định kỳ

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút

2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định tại Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Cao đẳng điều dưỡng liên thông

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên:

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, thảo luận.

2.2. Đối với người học:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi học sinh vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số tiết lý thuyết phải học bù cho đủ trước khi được tham dự thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ hai bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Chiến Thắng (2019); Giáo trình Thực hành nghiên cứu khoa học. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh; Sách lưu hành nội bộ.
2. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học (2018). Trường Đại học Y Hà Nội.
3. Ngoài các tài liệu trên, sinh viên có thể tra cứu tài liệu trên các trang web y học trong nước và quốc tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI

Mã số môn học: MH 24

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành bệnh viện 44 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Môn học Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thuộc lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 4 của ngành học cao đẳng điều dưỡng liên thông vừa làm vừa học, sau khi đã học xong các môn học cơ sở ngành, môn học chuyên ngành: Chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa, trẻ em, phụ nữ bà mẹ và gia đình.

Chăm sóc người cao tuổi là một môn học chuyên ngành cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng điều dưỡng liên thông vừa làm vừa học kiến thức về quá trình hóa già, đặc điểm bệnh lý người cao tuổi, dinh dưỡng, dùng thuốc cho người cao tuổi, chăm sóc một số bệnh cấp cứu hay gặp ở người cao tuổi, vận dụng các kiến thức đó chăm sóc người cao tuổi tốt hơn.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình hóa già, đặc điểm bệnh lý người cao tuổi, kiến thức cơ bản về dinh dưỡng cho người cao tuổi, cách dùng thuốc cho người cao tuổi.

1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về một số cấp cứu ở người cao tuổi, chăm sóc bệnh nhân COPD.

2. Về kỹ năng:

Thực hiện chăm sóc người cao tuổi tốt hơn.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

+ Có mong muốn áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC/ HỌC PHẦN

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Lý thuyết tại trường

TT	TÊN BÀI	Tổng	LT	TH	KT
1	Quá trình hóa già	4	4		
2	Đặc điểm bệnh lý người cao tuổi.	2	2		
3	Dinh dưỡng người cao tuổi	2	2		
4	Dùng thuốc cho người cao tuổi	1	1		
5	Cấp cứu bệnh ở người cao tuổi	2	2		
6	Chăm sóc người bệnh COPD	2	2		
7	Kiểm tra	1			1
	Tổng số	15	14		1

1.2. Thực hành tại bệnh viện

TT	TÊN BÀI	Tổng	LT	TH	KT
1	Khám, nhận định bệnh cấp cứu ở người cao tuổi	12		12	
2	Khám, nhận định, chăm sóc bệnh nhân COPD	10		10	
3	Hướng dẫn chế độ ăn uống cho người cao tuổi	10		10	
4	Hướng dẫn cách dùng thuốc cho người cao tuổi	10		10	
7	Kiểm tra	3			3
	Tổng số	45	42		3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Quá trình già hóa;

04 giờ

1. Mục tiêu:

1.1.Trình bày được quá trình hóa già

1.2.Trình bày được sự liên quan giữa quá trình hòa già đến biến đổi tâm sinh lý và bệnh tật ở người cao tuổi.

1.3. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.

1.4. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung

2.1.Đại cương hóa già

2.2. Sinh học tuổi già

2.3. Đặc điểm cơ thể người già

2.4. Đặc điểm tâm lý người già

Bài 2. Đặc điểm bệnh lý người cao tuổi; 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm bệnh lý ở người cao tuổi

1.2. Trình bày được các bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi.

1.3. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.

1.4. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung:

2.1.Đại cương bệnh lý người cao tuổi.

2.2. Bệnh lý người cao tuổi.

2.2.1 Bệnh hô hấp

2.2.2. Bệnh tiêu hóa

2.2.3. Bệnh tim mạch

2.2.4. Bệnh tiết niệu

2.2.5. Bệnh nội tiết và chuyển hóa

2.2.6. Bệnh cơ quan tạo máu

2.2.7. Bệnh cơ, xương, khớp

Bài 3. Dinh dưỡng người cao tuổi; 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm dinh dưỡng, một số lưu ý về dinh dưỡng cho người cao tuổi.

1.2. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng ở người cao tuổi

1.3.Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.

1.4. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương dinh dưỡng

2.2. Đặc điểm dinh dưỡng người cao tuổi

2.3. Lưu ý về chế độ ăn

2.4. Nhu cầu năng lượng

Bài 4: Dùng thuốc cho người cao tuổi; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được những đặc điểm khi dùng thuốc ở người cao tuổi.

1.2. Nêu được những nguyên tắc khi dùng thuốc cho người cao tuổi.

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm dùng thuốc ở người cao tuổi

2.2. Nguyên tắc dùng thuốc người cao tuổi

Bài 5: Cấp cứu bệnh ở người cao tuổi; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được triệu chứng một số cấp cứu ở người cao tuổi.

1.2. Trình bày được cách xử trí một số cấp ở người cao tuổi.

2. Nội dung:

2.1. Ngất

2.2. Con tăng huyết áp

2.3. Cấp cứu ngưng tuần hoàn

Bài 6: Chăm sóc người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được triệu chứng bệnh COPD.

1.2. Trình bày được cách xử trí bệnh CODP.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng.

2.4. Xử trí bệnh COPD

2.5. Chăm sóc bệnh COPD.

VI. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

2.1. Cách đánh giá

Áp dụng quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	40%
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	
+ Điểm thi kết thúc phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc môn học (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng, thi viết 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện: 1 điểm**

- + Hình thức: Thực hành trên người bệnh
- + Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

- + Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc học môn học: 1 điểm**

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 40 phút.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng điều dưỡng liên thông

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

***Thực tập bệnh viện**

Sinh viên thực tập tại các khoa chuyên khoa bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, thời gian 45 giờ. Sinh viên được giảng viên, cán bộ hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực thực hành tại bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình hóa già, đặc điểm bệnh lý người cao tuổi, kiến thức cơ bản về dinh dưỡng cho người cao tuổi, cách dùng thuốc cho người cao tuổi, chăm sóc được bệnh nhân cao tuổi.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi - Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, năm 2024.
2. Bệnh học Lão khoa - Từ đại cương đến thực hành lâm sàng - NXB Khoa học Kỹ thuật 2024.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CHUYÊN KHOA

Mã số môn học: MH 25

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết 14 giờ, thực hành bệnh viện 44 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Chăm sóc sức khỏe bệnh chuyên khoa là một môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng liên thông. Được học ở học kỳ 4 sau khi học các môn học chăm sóc sức khỏe Nội khoa, Ngoại khoa, Chăm sóc sức khỏe trẻ em.

2. Tính chất

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về các bệnh chuyên khoa: mắt, tai- mũi- họng, răng- hàm- mặt, da liễu. Đồng thời học phần cung cấp những kỹ năng thực hành chăm sóc đặc thù các bệnh chuyên khoa

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng các bệnh chuyên khoa thường gặp thường gặp.
- 1.2. Trình bày được tiến triển và biến chứng của các bệnh chuyên khoa thường gặp.

2. Về kỹ năng:

- 2.1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân chuyên khoa.
- 2.2. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.
- 3.2. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.

3.3. Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong khi thực hành nghề nghiệp.

3.4. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

III. Nội dung môn học/học phần

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành bệnh viện	Kiểm tra
	Mắt				
1.	Chăm sóc người bệnh viêm kết mạc	5	1	3	
2.	Chăm sóc người bệnh chắp, lệo, mộng	4	1	3	
3.	Chăm sóc người bệnh chấn thương mắt	5	1	3	
4.	Chăm sóc người bệnh mắt hột	4	1	3	
	Tai- Mũi- Họng				
5.	Chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm Amydal	4	1	3	
6.	Chăm sóc người bệnh viêm tai giữa, viêm tai xương chũm	4	1	3	
7.	Chăm sóc người bệnh dị vật đường thở, dị vật đường ăn	4	1	3	
	Răng hàm mặt				
8.	Chăm sóc người bệnh sâu răng	4	1	3	
9.	Chăm sóc người bệnh nhổ răng	4	1	3	
10.	Chăm sóc người bệnh chấn thương vùng hàm mặt	4	1	3	
	Da liễu				
11.	Chăm sóc bệnh nhân chàm	5	1	4	

12.	Chăm sóc bệnh nhân chốc	5	1	4	
13.	Chăm sóc bệnh nhân Herpes	4	1	3	
14.	Chăm sóc bệnh nhân Lậu	4	1	3	
15.	Kiểm tra	2	1	1	
	Tổng	60	15	45	

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Chăm sóc người bệnh viêm kết mạc

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân đặc điểm của các thể bệnh viêm kết mạc
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí và cách phòng bệnh viêm kết mạc
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm kết mạc theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung:

2.1. Viêm kết mạc cấp do vi khuẩn

2.1.1. Đặc điểm

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Hướng điều trị

2.1.4. Phòng bệnh

2.2. Viêm kết mạc cấp do virus

2.2.1. Đặc điểm

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Hướng điều trị

2.2.4. Phòng bệnh

2.3. Viêm kết mạc mùa xuân

2.3.1. Đặc điểm

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Hướng điều trị

2.3.4. Phòng bệnh

2.4. Chăm sóc bệnh nhân viêm kết mạc

Bài 2: Chăm sóc người bệnh chấy, lẹo, mộng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng của các bệnh chắp, lệo, mộng
- 1.2. Trình bày được biến chứng và nguyên tắc điều trị các bệnh chắp, lệo, mộng
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh chắp, lệo, mộng

2. Nội dung

2.1. Chắp

- 2.1.1. Định nghĩa
- 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.1.3. Triệu chứng
- 2.1.4. Hướng điều trị

2.2. Lệo

- 2.2.1. Định nghĩa
- 2.2.2. Nguyên nhân
- 2.2.3. Triệu chứng
- 2.2.4. Hướng điều trị

2.3. Mộng

- 2.3.1. Định nghĩa
- 2.3.2. Nguyên nhân
- 2.3.3. Triệu chứng
- 2.3.4. Hướng điều trị

2.4. Chăm sóc người bệnh chắp, lệo, mộng

Bài 3: Chăm sóc người bệnh chấn thương mắt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh chấn thương mắt
- 1.2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh chấn thương mắt
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương mắt theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị

2.5. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc người bệnh mắt hột Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh mắt hột
- 1.2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh mắt hột
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắt hột theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 5. Chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm amydal Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân của thể bệnh viêm họng, viêm amydal
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí và cách phòng bệnh viêm họng, viêm Amydal
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm Amydal theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Đặc điểm lâm sàng
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 6: Chăm sóc người bệnh viêm tai giữa Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được khái niệm, triệu chứng biểu hiện bệnh viêm tai giữa
2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm tai giữa
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm tai giữa theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 7: Chăm sóc người bệnh dị vật đường thở , dị vật đường ăn

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh dị vật đường thở, đường ăn
- 1.2. Trình bày được hướng điều trị bệnh dị vật đường thở, đường ăn
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh dị vật đường thở, đường ăn theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Hướng điều trị
- 2.4. Chăm sóc

Bài 8: Chăm sóc người bệnh Sâu răng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1. Trình bày được nguyên nhân của bệnh sâu răng
- 2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí và cách phòng bệnh sâu răng
- 3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh sâu răng theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Hướng điều trị
- 2.4. Phòng bệnh
- 2.5. Chăm sóc

Bài 9: Chăm sóc người bệnh nhổ răng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày và phân tích được chỉ định nhổ răng và chỉ định cấm nhổ răng

1.2. Trình bày được triệu chứng hướng điều trị và cách phòng một số tai biến thường gặp khi nhổ răng.

1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhổ răng theo đúng quy trình điều dưỡng

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng

2.3. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng

2.3.1. Ngát xiu

2.3.2. Chảy máu kéo dài

2.3.3. Viêm ổ răng

2.4. Chăm sóc

Bài 10: Chăm sóc người bệnh chấn thương vùng hàm mặt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng biểu hiện bệnh chấn thương vùng hàm mặt

1.2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh chấn thương vùng hàm mặt

1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương vùng hàm mặt theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3. Biến chứng

2.4. Hướng điều trị

2.5. Chăm sóc

Bài 11. Chăm sóc bệnh nhân chàm

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày đại cương và nguyên nhân gây bệnh chàm.

1.2. Trình bày triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh chàm

1.3. Trình bày chẩn đoán và điều trị bệnh nhân bệnh chàm

1.4. Trình bày cách chăm sóc bệnh nhân bệnh chàm.

1.5. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương, dịch tễ học
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Phân loại
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Chăm sóc bệnh nhân chàm

Bài 12: Chăm sóc bệnh nhân Chốc

Thời gian 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đại cương và dịch tễ bệnh chốc.
- 1.2. Trình bày triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh chốc.
- 1.3. Trình bày chẩn đoán và điều trị bệnh nhân bệnh chốc.
- 1.4. Trình bày cách chăm sóc bệnh nhân bệnh chốc.
- 1.5. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Chẩn đoán phân biệt
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Điều trị
- 2.6. Chăm sóc bệnh nhân chốc

Bài 13: Chăm sóc bệnh nhân herpes

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đại cương và nguyên nhân gây bệnh herpes
- 1.2. Trình bày triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh herpes.
- 1.3. Trình bày chẩn đoán và điều trị bệnh herpes.
- 1.4. Trình bày cách chăm sóc bệnh herpes
- 1.5. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương, dịch tễ học
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Điều trị
 - 2.3.1. Tại chỗ
 - 2.3.1. Toàn thân
- 2.4. Chăm sóc bệnh nhân Herpes

Bài 14: Chăm sóc bệnh nhân lậu

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đại cương và dịch tễ bệnh lậu.
- 1.2. Trình bày triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh lậu.
- 1.3. Trình bày chẩn đoán và điều trị bệnh nhân bệnh lậu.
- 1.4. Trình bày cách chăm sóc bệnh nhân bệnh lậu.
- 1.5. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương, dịch tễ học
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Ở Nam
 - 2.2.1. Ở Nữ
- 2.3. Cận lâm sàng
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Chăm sóc bệnh nhân lậu

VI. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

2.1. Cách đánh giá

Áp dụng quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	40%
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	
+ Điểm thi kết thúc phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc môn học (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng, thi viết 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thông cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện: 1 điểm**

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh

+ Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc học môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng điều dưỡng liên thông

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

* **Thực tập bệnh viện**

Sinh viên thực tập tại các khoa chuyên khoa bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, thời gian 45 giờ. Sinh viên được giảng viên, cán bộ hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực thực hành tại bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Trọng tâm các bài: 1, 4, 9, 14

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình chăm sóc chuyên khoa hệ ngoại, *Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh 2023 (lưu hành nội bộ).*

- Giáo trình răng hàm mặt dành cho điều dưỡng đa khoa, *Trường đại học y dược Huế 2024.*

- Giáo trình nhãn khoa dành cho điều dưỡng đa khoa, *Trường đại học y dược Huế 2014.*

- Giáo trình tai mũi họng, *trường đại học y dược Huế 2024.*

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về da liễu, *Bộ y tế 2105.*

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC TẾ TỐT NGHIỆP

Mã số môn học: MH 26

Thời gian thực hiện môn học: 225 giờ thực hành Bệnh viện

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học thực tế tốt nghiệp thuộc các lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì IV của ngành Cao đẳng Điều dưỡng liên thông.

2. Tính chất:

Môn học thực tế ngành được thực hiện vào thời điểm trước khi kết thúc khoá học, giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người Điều dưỡng, Điều dưỡng trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khoẻ người bệnh cho từng đối tượng cụ thể; mô tả và quản lý chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng; mô tả và đánh giá được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng, ...

II. Mục tiêu học tập của môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị một số bệnh lý thường gặp tại các khoa Nội, Ngoại, Truyền Nhiễm...

1.2. Trình bày và giải thích được các bước lập kế hoạch chăm sóc một số bệnh lý thường gặp

1.3. Trình bày và thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.

1.4. Vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học về Quản lý Điều dưỡng vào thực tế điều hành chăm sóc người bệnh tại các bệnh viện.

2. Về kỹ năng:

2.1. Rèn luyện ý thức, trách nhiệm, đạo đức trong công tác chăm sóc người bệnh

2.2. Thiết lập kỹ năng giao tiếp tốt, kỹ năng phối hợp tốt với đồng nghiệp và người bệnh

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác khám chữa bệnh và chăm sóc bệnh nhân

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Tôn trọng giá trị và quyền con người của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong khi thực hành nghề nghiệp.

3.2. Có thái độ ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người bệnh và gia đình họ; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh và gia đình họ.

3.4. Chịu trách nhiệm và giải thích được các quyết định thực hành lâm sàng của mình, lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe phù hợp cho từng cá nhân và cộng đồng.

4. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Môn học này hướng dẫn học sinh thực hiện các chỉ tiêu kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh; Thực hành chăm sóc người bệnh theo từng chuyên khoa; Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh; Tham gia trực bệnh viện tại các khoa của bệnh viện.

II. Nội dung chi tiết môn học

1. Kỹ thuật điều dưỡng: (45 giờ)

TT	NỘI DUNG	Thời gian (giờ)	Chỉ tiêu tay nghề	
			Thực tập (lần)	Kiến tập (lần)
1	Tiếp nhận bệnh nhân vào viện, ra viện, chuyển viện	1	15	20
2	Đo dấu hiệu sinh tồn	4	15	20
3	Đo chiều cao, cân nặng	1	5	10
4	Tiêm trong da, dưới da,	4	15	20
5	Tiêm bắp thịt, tĩnh mạch	4	5	15
6	Truyền dịch và truyền máu	2	5	10
7	Thử phản ứng thuốc	2	10	10
8	Cho bệnh nhân uống thuốc	2	5	15
9	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm	1	5	15
10	Thở Oxy	2	5	5
11	Rửa dạ dày	2	3	5
12	Thông tiểu nam - nữ	2	5	10
13	Hút đờm dãi	1	5	15
14	Thụt tháo	1	2	5
15	Cho ăn qua sonde dạ dày	1	5	10

16	Chườm nóng chườm lạnh	1	5	10
17	Thay băng - rửa vết thương	1	5	10
18	Băng bó	2	3	5
19	Theo dõi lượng dịch vào - ra cơ thể	1	5	10
20	Xử lý bệnh nhân tử vong	1	1	10
21	Sơ cứu nạn nhân gãy xương	1	2	5
22	Ga-ro cầm máu	1	1	10
23	Chuẩn bị giường bệnh, phòng chống mẫn mục	1	2	5
24	Chuẩn bị dụng cụ và phụ giúp Bác sĩ chọc dò màng phổi, màng bụng, tuỷ sống, màng tim	1	2	5
25	Chuẩn bị dụng cụ và phụ giúp Bác sĩ chích nhọt; abscess, khâu vết thương	1	2	5
26	Chuẩn bị dụng cụ và phụ giúp Bác sĩ bó bột	1	2	5
27	Chăm sóc bệnh nhân thở máy, Monitor	1	2	5
28	Chăm sóc bệnh nhân đặt nội khí quản, mở khí quản	1	1	3
29	Phụ giúp Bác sĩ đặt Catheter, đo áp lực trung tâm	1	1	3
Tổng cộng		45		

2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.1. Nội khoa (45 giờ)

TT	Nội dung	Số giờ	Số phiếu
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh tim mạch: Tăng huyết áp; suy tim, tai biến mạch máu não	9	3
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh hô hấp: Viêm phế quản cấp, Hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	9	3
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh đường tiêu hoá: Viêm loét dạ dày- tá tràng, viêm túi mật, giun chui ống mật chủ, xơ gan	9	3
4	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh tiết niệu: Suy thận cấp, viêm cầu thận mãn, nhiễm trùng tiết niệu	9	3
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh cấp cứu nội khoa: Ngất, Shock, ho ra máu, nôn ra máu, rấn cắn.	9	3

2.2. Ngoại khoa (45 giờ)

TT	Nội dung	Số giờ	Số phiếu
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân trước và sau mổ vùng bụng: Viêm ruột thừa, thủng dạ dày, viêm phúc mạc, tắc ruột, lồng ruột, áp xe gan	15	3
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân trước và sau mổ hệ tiết niệu: Sỏi thận; sỏi niệu quản, sỏi bàng quang	15	3
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân gãy xương, bó bột, chấn thương sọ não; bỏng	15	3

2.3. Nhi khoa (45 giờ)

TT	Nội dung	Số giờ	Số phiếu
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính	9	3
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh tiêu chảy cấp	9	3
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh thấp tim	9	3
4	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư	9	3
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy dinh dưỡng, còi xương	9	3

2.4. Truyền nhiễm (45 giờ)

TT	Nội dung	Số giờ	Số phiếu
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh ly, thương hàn, viêm gan do virus	9	3
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh uốn ván	9	3
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh viêm màng não mủ, viêm não Nhật Bản B, bệnh sởi	9	3
4	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh sốt xuất huyết Dengue, sốt rét	9	3
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh lao, nhiễm HIV/AIDS	9	3

III. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Các khoa phòng tại bệnh viện
- 2. Trang thiết bị máy móc:** Các phương tiện thực hành tại cơ sở thực hành bệnh viện
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các vật liệu dụng cụ được sử dụng tại các cơ sở thực hành bệnh viện trong quá trình chăm sóc, theo dõi người bệnh.
- 4. Các điều kiện khác:** Không

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng thực hành tại bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến bệnh viện
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

2.1. Cách đánh giá

Áp dụng quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
Điểm sổ báo cáo thực tế tốt nghiệp	100%

2.2. Phương pháp đánh giá

Chấm sổ báo cáo thực tế tốt nghiệp

Nội dung	Số điểm
Hình thức, trình bày, bố cục theo đúng quy định	10%
Chấm ngẫu nhiên mỗi khoa một phiếu chăm sóc (gồm 4 khoa: Bội, Ngoại, Nhi, Truyền Nhiễm)	50 %
Phiếu nhận xét của cơ sở thực tập	20%
Chỉ tiêu kỹ thuật điều dưỡng	20%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

- 1. Phạm vi áp dụng môn học:** Sử dụng trong chương trình đào tạo cao đẳng điều dưỡng liên thông

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên:

Đây là môn học gắn liền với thực tế nghề nghiệp nên giảng viên cần hướng dẫn lâm sàng bằng phương pháp cầm tay chỉ việc, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức, tích cực tham gia lập kế hoạch và chăm sóc người bệnh nhằm đạt được mục tiêu của môn học.

2.2. Đối với người học:

+ Tích cực tự học, kiến tập nhân viên y tế thực hiện kỹ thuật, thực hiện các kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giảng viên và nhân viên y tế

+ Nghiên cứu các quy chế bệnh viện để tham gia điều trị người bệnh trên lâm sàng đúng quy định

+ Rèn luyện kỹ năng giao tiếp để tiếp xúc với người bệnh và người nhà đúng mực, khéo léo.

+ Tham dự 100% số giờ học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, lập và thực hiện quy trình điều dưỡng chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng.

4. Tài liệu giảng dạy và tham khảo:

1. Khoa ĐDPHCN - CSSĐ, "*Bài giảng Điều dưỡng cơ sở*" (2020), Tài liệu lưu hành nội bộ.

2. Khoa lâm sàng, "*Chăm sóc người bệnh Nội khoa*", (2020) Tài liệu lưu hành nội bộ.

3. Khoa lâm sàng, "*Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa*", (2020) Tài liệu lưu hành nội bộ.

2. Khoa lâm sàng, "*Chăm sóc người bệnh Truyền nhiễm*", (2020) Tài liệu lưu hành nội bộ.

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Chiến Thắng